



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2024**

*TIỀN PHONG TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG*

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
- CTCP**



Danh mục từ viết tắt

Tập đoàn/VRG/GVR	:	TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN	DTT	:	Doanh thu thuần
BCTC	:	Báo cáo tài chính	LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
CTCP	:	Công ty Cổ phần	VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông	ĐVT	:	Đơn vị tính
HĐQT	:	Hội đồng quản trị	SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
BKS	:	Ban kiểm soát	TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TGD	:	Tổng Giám đốc	TNHH MTV	:	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội	TP.HCM	:	TP. Hồ Chí Minh
CPI	:	Chỉ số giá tiêu dùng			





MỤC LỤC

06

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG

Cam kết - Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
Thông điệp từ chủ tịch HĐQT
Những con số nổi bật năm 2024
Những sự kiện nổi bật năm 2024

22

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN

Thông tin khái quát
Quá trình phát triển
Ngành nghề kinh doanh
Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức
Danh sách đơn vị, chi nhánh trực thuộc
Định hướng phát triển
Thông tin nhân sự

62

CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tóm tắt thông tin tài chính
Nhân sự và chính sách lao động
Đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội

76

CHƯƠNG 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động kinh doanh trong năm 2024
Tình hình tài chính
Những tiến bộ đạt được trong năm 2024
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

86

CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban tổng giám đốc
Đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT Độc lập
Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2025
Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Báo cáo Quản trị rủi ro

126

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp Phát triển bền vững
Mục tiêu Phát triển bền vững
Tiêu chí Phát triển bền vững
Chiến lược hành động

144

CHƯƠNG 7: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

GIỚI THIỆU CHUNG

Cam kết - Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Thông điệp từ chủ tịch HĐQT

Những con số nổi bật năm 2024

Những sự kiện nổi bật năm 2024





CAM KẾT - TẦM NHÌN - SỬ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đáp ứng cao nhất yêu cầu của khách hàng; luôn chú trọng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm cao su theo nhu cầu khách hàng; liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế; thực hiện chính sách bán hàng chuyên nghiệp, hậu mãi chu đáo; đề cao uy tín thương hiệu VRG. Liên tục cải tiến Hệ thống quản lý và các Quy trình, Quy chuẩn sản xuất để đảm bảo cung cấp các sản phẩm luôn bảo đảm chất lượng, ổn định và bền vững. Đầu tư phát triển, tổ chức sản xuất trên quan điểm phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội.

CAM KẾT



Là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp về hiệu quả, quy mô, chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện môi trường ở Việt Nam, trong khu vực và khẳng định thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường thế giới

TẦM NHÌN



Cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước những sản phẩm nông, công nghiệp và dịch vụ có giá cả cạnh tranh, an toàn với người dùng, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội. Xây dựng và phát triển văn hóa Doanh nghiệp: kế thừa, đoàn kết, hài hòa lợi ích và tôn trọng pháp luật. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động có tính cạnh tranh, luôn đổi mới và gắn bó với Doanh nghiệp

SỬ MỆNH



Phát triển Tập đoàn trên nền tảng 3 trụ cột: Kinh tế – Môi trường – Xã hội; thực hiện tốt chương trình tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, phát triển có trách nhiệm với xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI





THÔNG DIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“

**THỰC HIỆN NHỮNG GIẢI PHÁP
ĐỘT PHÁ, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO
QUYẾT TÂM HOÀN THÀNH
TOÀN DIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2025**

”



Kính thưa quý cổ đông!

Năm 2024 là một năm đầy biến động, nhưng tập thể lãnh đạo và toàn thể cán bộ, người lao động Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã nỗ lực phấn đấu và đạt được những thành quả đáng khích lệ. Mặc dù bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều thay đổi khó lường, giá cả một số mặt hàng chịu nhiều áp lực tăng, thị trường tài chính tiền tệ biến động mạnh. Thêm vào đó thời tiết cực đoan như hạn hán, bão lũ và những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt đã gây ra không ít khó khăn, thách thức.

Với sự quan tâm chỉ đạo, sâu sát, kịp thời, khoa học của Đảng và Nhà nước, cùng sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương và cấp ủy, chính quyền địa phương nơi có đơn vị thành viên của Tập đoàn đứng chân; sự chỉ đạo, điều hành chủ động linh hoạt, quyết liệt của Đảng ủy, HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tập đoàn, cùng sự chung sức, đồng lòng, phấn đấu vì mục tiêu phát triển, bền vững của toàn thể cán bộ, người lao động Tập đoàn, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra. Một số lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn phát triển tốt, từng bước khẳng định “Thương hiệu VRG” trên thị trường khu vực và thế giới. Đồng thời, công tác quốc phòng an ninh, an toàn trật tự xã hội trên địa bàn và vùng biên giới được thực hiện tốt, góp phần vào công tác ngoại giao giữa Việt Nam với Lào và Campuchia; bảo đảm môi trường ổn định, tạo việc làm và đời sống ấm no cho người lao động, trong đó có đồng bào dân tộc và người dân bản địa trong vùng dự án ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia.

Tập đoàn đang đầu tư sản xuất kinh doanh tại địa bàn trải rộng trên 34 tỉnh, thành phố trong nước và tại 2 nước bạn Lào, Campuchia, với 115 công ty con và công ty liên kết trong đó có 65 công ty trồng cao su, 12 công ty chế biến gỗ, 9 công ty phát triển khu công nghiệp (KCN), 9 công ty công nghiệp và dịch vụ, 20 công ty thuộc ngành khác. Tạo việc làm ổn định cho hơn 81.000 lao động với mức thu nhập bình quân năm 2024 là 11,0 triệu đồng/người/tháng, trong đó lao động là người dân tộc thiểu số trên 17.300 người (chiếm tỷ lệ trên 21,3% tổng số lao động), lao động là người nước ngoài (Lào, Campuchia) trên 19.900 người (chiếm tỷ lệ trên 24,5% tổng số lao động).

Các kết quả cụ thể đạt được như: Tổng doanh thu toàn Tập đoàn đạt 28.739 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch và tăng 16% so với năm trước; lợi nhuận trước thuế 5.606 tỷ đồng, đạt 137% kế hoạch và cao hơn 36% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế 4.826 tỷ đồng, đạt 140% kế hoạch và cao hơn 43% so với năm 2023; nộp ngân sách toàn Tập đoàn 6.460 tỷ đồng, cao hơn kế hoạch 63% và tăng 67% so với cùng kỳ năm trước, việc giải ngân vốn đầu tư toàn Tập đoàn là 6.182 tỷ đồng/ kế hoạch 6.393 tỷ đồng, bằng 96,7%/kế hoạch đề ra.

Cũng trong năm 2024, Tập đoàn đã đạt được một số thành tựu nổi bật như: (1) Mã chứng khoán GVR của Tập đoàn tiếp tục vào danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Tạp chí Forbes bình chọn. (2) Tập đoàn đứng thứ 13 trong top 43 doanh nghiệp có giá trị vốn hóa thị trường lớn nhất trên Sàn giao dịch chứng khoán HOSE. (3) Công ty TNHH MTV Cao su Chu Păh - đơn vị trực thuộc Tập đoàn được vinh dự xếp hạng là Top 10 doanh nghiệp bền vững trong lĩnh vực sản xuất, ngoài ra có 14 đơn vị khác của Tập đoàn cũng được vinh danh trong Top 100 doanh nghiệp bền vững. (4) Có 3 khu công nghiệp của Tập đoàn gồm Công ty CP KCN Nam Tân Uyên, Công ty CP KCN Tân Bình và Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG lọt vào Top 10 công ty bất động sản công nghiệp uy tín.



THÔNG DIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông!

Năm 2025 là năm đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa then chốt, tạo nền tảng tăng trưởng bứt phá để về đích kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn (2021 – 2025) đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước thỏa thuận và được Đại hội Đồng cổ đông thường niên Tập đoàn thông qua, gắn với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tập đoàn lần thứ IX, nhiệm kỳ (2020 – 2025), thực hiện đồng bộ, toàn diện các nội dung để triển khai kế hoạch với quyết tâm chính trị cao nhất từ Công ty mẹ – Tập đoàn đến các đơn vị thành viên tạo đà, tạo lực, tạo thế cho giai đoạn (2026-2030) phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số, góp phần cùng đất nước phát triển nhanh và bền vững. Phát huy các thế mạnh hiện có, các lợi thế nổi trội của tập đoàn, khai thác tối đa các nguồn lực bao gồm đất đai, tài chính, năng lực quản trị, lao động... HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đề ra các chủ trương, nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung thực hiện như sau:

Thứ nhất, Thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, sáng tạo và có hiệu quả để phấn đấu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu về kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2025 đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước thỏa thuận và được Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua.

Thứ hai, Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại giai đoạn (2021 - 2025) theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch XSKD và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn (2021 - 2025), Chiến lược phát triển của Tập đoàn giai đoạn (2021 - 2030), tầm nhìn đến năm 2035 đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận và Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn phê duyệt.

Thứ ba, Tiên phong thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và trách nhiệm với xã hội của Tập đoàn trên nền tảng 3 trụ cột kinh tế – môi trường – xã hội.

Thứ tư, Tập trung triển khai đầu tư có hiệu quả vào các dự án hạ tầng khu/cụm công nghiệp; dự án nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ; dự án năng lượng tái tạo nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao và phát triển bền vững.

Thứ năm, Tăng cường công tác tiếp thị, xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ, thu hút đầu tư trong nước và quốc tế. Phát triển thương mại điện tử với các mô hình kinh doanh mới hiệu quả, gắn kết giữa sản xuất, phân phối và tiêu dùng. Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, cùng xây dựng và phát triển thương hiệu VRG mạnh mẽ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trên thị trường trong và ngoài nước.

Thứ sáu, Triển khai mạnh mẽ việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) vào mọi khía cạnh, lĩnh vực và chuỗi quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Thứ bảy, Thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế, loại bỏ các khâu trung gian, các thủ tục, quy trình không cần thiết, không hiệu quả. Xây dựng môi trường làm việc hiện đại, thân thiện để thu hút nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, nhất là nhân sự có kỹ thuật và công nghệ phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn.

Thứ tám, Thiết lập các cơ chế linh hoạt để nhanh chóng ứng phó và xử lý kịp thời, phù hợp, hiệu quả trước những biến động về chính trị, kinh tế toàn cầu cũng như sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ.

Thứ chín, Tập thể lãnh đạo và toàn thể cán bộ, người lao động Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, tiếp tục phát huy tính chủ động, sáng tạo, giữ vững truyền thống 96 năm của ngành Cao su Việt Nam, cùng chung sức, đồng lòng, ra sức phấn đấu với quyết tâm cao nhất để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kế hoạch năm 2025 cũng như phát triển bền vững, nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số cho giai đoạn (2026 - 2030) đã đề ra.

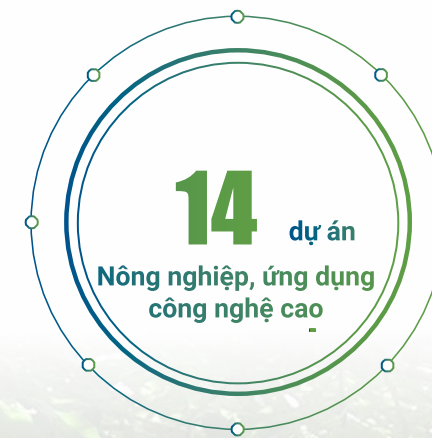
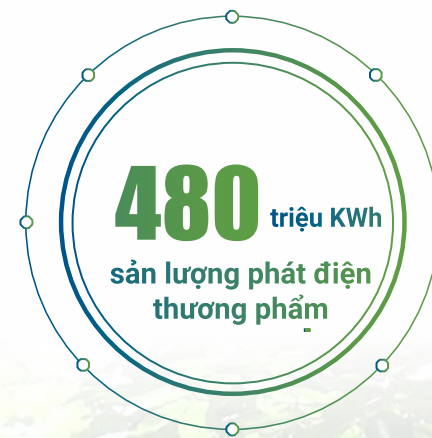
Thay mặt cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn, tôi xin gửi lời cảm ơn đến lãnh đạo cơ quan ban ngành Trung ương và địa phương – nơi có các đơn vị trực thuộc Tập đoàn đứng chân, các đối tác và hơn 81.000 người lao động đã đóng góp công sức vào sự phát triển của Tập đoàn. Đặc biệt xin được cảm ơn quý cổ đông và các nhà đầu tư đã đồng hành. Chúng tôi mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, đồng hành và hợp tác của quý vị trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn./

Chủ tịch hội đồng quản trị

TRẦN CÔNG KHA

Kế thừa những thành quả đạt được trong gần 1 thế kỷ đồng hành với chiều dài phát triển của đất nước, tập thể CNV-NLĐ Tập đoàn không ngừng nỗ lực, ra sức thi đua, đoàn kết, chung sức đồng lòng, phát huy nguồn lực xây dựng Tập đoàn ngày càng phát triển bền vững, xứng đáng với sự tin tưởng, kỳ vọng của lãnh đạo các cấp, xứng đáng với danh hiệu Huân chương Sao vàng cao quý mà Đảng và Nhà nước trao tặng. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hôm nay sẵn sàng tâm thế, vững vàng bước vào kỷ nguyên mới, chung tay xây dựng đất nước Việt Nam thịnh vượng, hùng cường.





DOANH NGHIỆP
VỊ THẾ
SỐ 1 VIỆT NAM

Số 1

Diện tích và sản lượng cao su Việt Nam

445.200 tấn

Sản lượng khai thác

24.582 tỷ đồng

Doanh thu khối cao su

Tính đến ngày 31/12/2024

CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT NĂM 2024 CỦA TẠP CHÍ FORBES VIỆT NAM

TOP 50

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

28.739

tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT

5.606

tỷ đồng

NỢP NGÂN SÁCH

6.677

tỷ đồng

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

81.013

Lao động





NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2024

01

Tháng 5 - Tháng 6/2024

Hội thao Công nhân viên chức - lao động

Tập đoàn đã tổ chức Hội thao tại 5 khu vực: miền núi phía Bắc, Tây Nguyên – Duyên hải miền Trung – Lào, TP. Hồ Chí Minh và các đơn vị thương mại dịch vụ lân cận, Campuchia, miền Đông Nam bộ. Hội thao là hoạt động truyền thống của VRG nhằm tạo sân chơi lành mạnh, giao lưu với không khí sôi nổi, tăng cường tình đoàn kết, rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe, tạo động lực hăng say lao động.



02

25/10/2024

Lễ kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng; Ngày truyền thống ngành Cao su Việt Nam (28/10/1929 – 28/10/2024).

Tại lễ kỷ niệm, 2 tập thể nhận Cờ thi đua của Chính phủ; 14 tập thể cơ sở thuộc các đơn vị thành viên Tập đoàn nhận Cờ thi đua của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; 7 cá nhân nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; 2 cá nhân nhận giải thưởng “Phú Riềng Đỏ” và 54 gia đình truyền thống công nhân cao su tiêu biểu được vinh danh.



03

14/12/2025
- 17/12/2025

Hội thi Bàn tay vàng thu hoạch mủ cao su, lần thứ XIV.

Hội thi có 60 đoàn với 240 thí sinh tham gia. Kết quả Hội thi với 79 thí sinh đạt danh hiệu Bàn tay vàng, 81 thí sinh đạt danh hiệu Kien tướng. dịp này, Tập đoàn đã tổ chức tuyên dương 16 công ty, 88 nông trường, 20 tổ, đội tiêu biểu, điển hình trong Câu lạc bộ 2 tấn nhằm biểu dương, khích lệ và khen thưởng các đơn vị xuất sắc. Đồng thời vinh danh các Bàn tay vàng cấp ngành 2024.



02

TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành phát triển

Ngành nghề kinh doanh

Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức

Danh sách đơn vị, chi nhánh trực thuộc

Định hướng phát triển

Thông tin nhân sự





Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) thành lập từ năm 1975, sau nhiều lần thay đổi mô hình tổ chức và tên gọi; ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Ngày 22/05/2018, Tập đoàn tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu, ra mắt TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN và chính thức chuyển qua hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/06/2018.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần (doanh nghiệp cấp I) là doanh nghiệp đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác giữ quyền chi phối các Công ty con thông qua chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư kinh doanh, quản lý, điều phối vốn, thương hiệu, thị trường, kiểm soát quy trình, định mức trong toàn Tập đoàn...; trực tiếp kinh doanh và đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị thành viên của Tập đoàn gồm các Doanh nghiệp cấp II và Doanh nghiệp cấp III được tổ chức, hoạt động dưới các hình thức Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Liên doanh liên kết.



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

ĐẠI DIỆN VỐN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI TẬP ĐOÀN

Đến thời điểm hiện nay gồm có 05 người; trong đó có Chủ tịch HĐQT Tập đoàn là Người đại diện phụ trách chung nhóm người đại diện, 03 Thành viên HĐQT và 01 Phó Tổng Giám đốc.

STT	Họ tên	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Công Kha	1.032.224.751	25,82	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Thanh Hưng	1.290.280.940	32,25	TV HĐQT kiêm TGD
3	Hà Văn Khương	516.112.376	12,90	TV HĐQT
4	Đỗ Hữu Phước	516.112.376	12,90	TV HĐQT kiêm Phó TGD
5	Lê Đình Bửu Trí	516.112.376	12,90	Phó TGD

BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

- Hội đồng Quản trị có 06 người; trong đó có 04 thành viên đại diện vốn Nhà nước, 02 thành viên không đại diện vốn là thành viên HĐQT độc lập.
- Ban Tổng Giám đốc gồm có 01 Tổng Giám đốc và 06 Phó Tổng Giám đốc.
- Ban Kiểm soát: có 03 thành viên (gồm 01 Trưởng Ban là chuyên trách và 02 thành viên Ban Kiểm soát là kiêm nhiệm).
- Bộ máy giúp việc: Ban Quản trị và tham mưu tổng hợp trực thuộc HĐQT, 14 Ban nghiệp vụ và cơ quan gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức Cán bộ; Ban Pháp chế Thanh tra; Ban Tài chính Kế toán; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng; Ban Công nghiệp; Ban Thị trường Kinh doanh; Ban Quản lý Kỹ thuật; Ban Phát triển và Quản lý Khu công nghiệp; Văn phòng Tập đoàn, Ban Tổ chức Đảng ủy, Văn Phòng Đảng ủy, Ban Tuyên giáo Đảng ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.
- Các Văn phòng Đại diện tại: Hà Nội, Campuchia, Lào



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên doanh nghiệp	: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Tên doanh nghiệp quốc tế	: VIETNAM RUBBER GROUP
Tên viết tắt	: VRG
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 0301266564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 20/01/2022.
Địa chỉ	: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84-28) 39 325 235
Fax	: (84-28) 39 327 341
Website	: www.vnrubbergroup.com
Email	: vrg@rubbergroup.vn
Vốn điều lệ	: 40.000.000.000.000 đồng
Mã cổ phiếu	: GVR

Logo



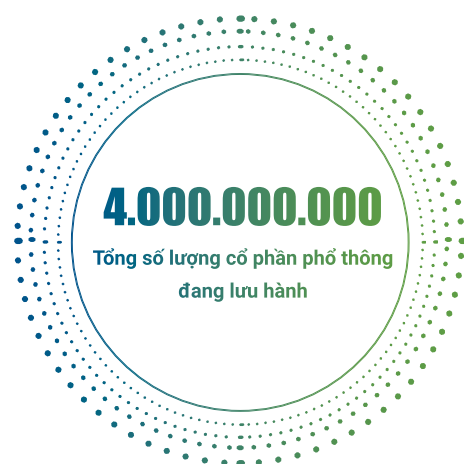
THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần (GVR) được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM ("HOSE"), Việt Nam vào ngày 31/07/2020.

Mã cổ phiếu: GVR

Năm tài chính kết thúc ngày: 31/12

Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam



Tổng số cổ phần đã phát hành: 4.000.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 4.000.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/Cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (tại ngày 31/12/2024)

Diễn biến giá GVR năm 2024

(Giá đóng cửa từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024)



Cơ cấu cổ đông (tại ngày 15/11/2024)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước	20.295	3.985.881.344	39.858.813.440.000	99,65%
1	Cổ đông nhà nước	1	3.870.842.819	38.708.428.190.000	96,77%
2	Cổ đông tổ chức	65	39.911.724	399.117.240.000	1,00%
3	Cổ đông cá nhân	20.229	75.126.801	751.268.010.000	1,88%
II	Cổ đông nước ngoài	240	14.118.656	141.186.560.000	0,35%
1	Cá nhân	205	1.207.831	12.078.310.000	0,03%
2	Tổ chức	35	12.910.825	129.108.250.000	0,32%
TỔNG CỘNG		20.535	4.000.000.000	40.000.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	3.870.842.819	96,77%





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

HÀNH TRÌNH
50 năm

KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

1975

Tiền thân là Ban Cao su Nam Bộ, tháng 4 năm 1975 chuyển thành Tổng Cục Cao su thuộc Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.

1977

Tháng 7 năm 1977 chuyển thành Tổng Công ty Cao su Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp.

1980

Tháng 3 năm 1980 chuyển thành Tổng Cục Cao su trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng với hai chức năng: Quản lý Nhà nước về cao su và tổ chức sản xuất cao su.

1989

Năm 1989 chuyển thành Tổng Công ty Cao su trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm.

1995

Là Tổng Công ty Nhà nước hạng đặc biệt theo Quyết định 91/TTg.

2018

Ngày 22/05/2018 tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ 01/06/2018.

2017

Ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

2010

Chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2006

Chính phủ quyết định thành lập Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

2021

Ngày 17/12/2021, Tập đoàn tổ chức Hội nghị bàn giao doanh nghiệp cổ phần hóa sang Công ty cổ phần đối với Công ty mẹ - Tập đoàn cùng 20 công ty TNHH MTV, 4 đơn vị sự nghiệp.

2024



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

TRỒNG, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ CAO SU

01

Mỗi năm Tập đoàn sản xuất bình quân 500.000 tấn cao su. Tuy chỉ chiếm khoảng 30% diện tích và sản lượng cao su cả nước, nhưng Tập đoàn giữ vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy ngành cao su Việt Nam phát triển. Tập đoàn hiện có 59 nhà máy, xưởng chế biến mủ với tổng công suất thiết kế 636.400 tấn, trang bị máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến. Không chỉ đủ năng lực chế biến hết lượng mủ khai thác, các nhà máy của Tập đoàn còn chế biến và gia công cho khối cao su tiêu điển bình quân hơn 80.000 tấn/năm.

Cơ cấu sản phẩm cao su của Tập đoàn đa dạng, có chất lượng cao và ổn định, phù hợp với nhu cầu thị trường. Các sản phẩm cao su của Tập đoàn tập trung vào 3 nhóm chủ lực: Cao su định chuẩn kỹ thuật, cao su ly tâm và cao su tờ xông khói. Bên cạnh đó, Tập đoàn đang phát triển sản phẩm cao su thương hiệu Tập đoàn có chất lượng sản phẩm cao hơn.

Sản lượng tiêu thụ năm 2024 toàn Tập đoàn là 521.651 tấn, đạt 100,2% kế hoạch năm và cao hơn 1.361 tấn (tăng 0,3%) so với thực hiện cùng kỳ 2023. Chất lượng sản phẩm luôn là mối quan tâm hàng đầu của Tập đoàn. Các sản phẩm cao su của Tập đoàn luôn đảm bảo chất lượng cao, đồng đều và ổn định, thông qua hệ thống quản lý, kiểm soát và kiểm định chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt, đạt các tiêu chuẩn khắt khe trong nước và quốc tế.

Đến nay Tập đoàn đã có 46 nhà máy chế biến có hệ thống quản lý chất lượng đạt chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO9001:2015; 26 Phòng QLCL đạt chứng nhận Vilas. Sản phẩm cao su thiên nhiên Tập đoàn đạt các tiêu chuẩn về EUDR, PEFC, FSC, Eco Vadis... sản phẩm cao su hiện xuất khẩu tới hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và đang tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ. Tập đoàn tự hào là nhà cung cấp sản phẩm cao su cho những khách hàng lớn trên thế giới, như: Goodyear, Bridgestone, Michelin, Yokohama, Kumho, Sailun...

02

NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng là định hướng chiến lược của VRG nhằm tận dụng nguồn đất dồi dào, tăng hiệu quả sử dụng đất. Tập đoàn đang triển khai thực hiện 14 dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích là 4.030 ha. Các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chủ yếu là trồng chuối hoặc cây có múi (mít, bưởi, sầu riêng...).

03

NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Với diện tích đất quản lý rộng lớn, Tập đoàn có điều kiện thuận lợi để phát triển các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như điện năng lượng mặt trời, điện gió, thủy điện tích năng... Hiện nay, Tập đoàn có 05 Công ty thủy điện, bao gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn, VRG Phú Yên, VRG Bảo Lộc, Công ty VRG Đắk Nông và VRG Ngọc Linh với 4 nhà máy thủy điện có tổng công suất lắp máy là 135 MW và tổng sản lượng điện hàng năm là 514 triệu kWh. Các công ty thủy điện đã có nhiều đóng góp đáng kể vào việc thực hiện kinh tế và chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

TỔNG DIỆN TÍCH VƯỜN CÂY CAO SU

Tính đến ngày 31/12/2024

380.043 ha

Trong nước: 266.699 ha (70,2%)

Nước ngoài: 113.344 ha (29,8%)



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CÔNG NGHIỆP CAO SU

04

Tập đoàn hiện có 5 Công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp: CTCP Cao su Bến Thành, CTCP VRG Khải Hoàn, CTCP Thể thao Ngôi sao Geru, CTCP Chỉ sợi Cao su SADO, CTCP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú và sản phẩm lốp xe mang thương hiệu. Các sản phẩm công nghiệp cao su của Tập đoàn hiện nay gồm: Sản xuất lốp xe thương hiệu; nệm gối cao su (DORUFOAM); găng tay Khải Hoàn (Vglove); bóng thể thao (Geru Star); chỉ sợi cao su (SADO); dây chuyền băng tải (Cao su Bến Thành)... Các sản phẩm này đã, đang khẳng định được uy tín trên thị trường, được khách hàng trong nước và quốc tế tin cậy.



LĨNH VỰC CHẾ BIẾN GỖ

05

Tập đoàn có thế mạnh và nguồn lực lớn về đất đai để phát triển trồng rừng nguyên liệu. Ngoài ra, với diện tích cao su thanh lý bình quân dao động 10.000 – 12.000 ha/năm, Tập đoàn có lợi thế lớn trong việc đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu để chế biến, sản xuất các sản phẩm gỗ. Những năm qua lĩnh vực chế biến gỗ của Tập đoàn ngày càng được mở rộng về quy mô và doanh thu. Trong những năm tới, Tập đoàn tiếp tục tăng công suất các nhà máy chế biến gỗ hiện có, đầu tư các dự án khác; đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm có chứng chỉ, sản xuất những sản phẩm mới phù hợp với khả năng vùng nguyên liệu và thị trường.

Tính đến nay, Tập đoàn có 16 nhà máy sản xuất gỗ (14 nhà máy sơ chế, ghép tấm và tinh chế; 4 nhà máy MDF)

Thị trường tiêu thụ trên thế giới tiếp tục giảm sâu, cộng với thực trạng giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng mạnh đã tác động không nhỏ đến hoạt động của các Công ty gỗ. Năm 2024 lĩnh vực chế biến gỗ đạt tổng sản lượng sản xuất hơn 1,090 triệu m³ gỗ các loại, bằng 87,4% kế hoạch.

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP

06

Khu công nghiệp là lĩnh vực rất quan trọng của VRG, Tập đoàn đang đầu tư vào 11 công ty hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng KCN (Bắc Đồng Phú, Dầu Giây, Nam Tân Uyên, An Điền, Tân Bình, Long Khánh, Bình Long, Cộng Hòa, Thống Nhất, VRG Long Thành, Nam Pleiku). Với 16 dự án, tổng diện tích hơn 6.566 ha, nằm tập trung tại các tỉnh/thành: TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, BìnhPhước, Đồng Nai, Tây Ninh, Gia Lai. Những năm qua, các KCN chia cổ tức bình quân trên 40%, một số KCN trên 60%; tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ bình quân trên 60%.

Doanh thu khối khu công nghiệp năm 2024 đạt 1.199 tỷ đồng, bằng 78,2% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 642 tỷ đồng (đạt 84,8% KH).

Trong giai đoạn 2021 – 2025, bên cạnh việc tập trung thực hiện thủ tục pháp lý và triển khai đầu tư các KCN/CCN đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và đang xin chấp thuận chủ trương đầu tư với diện tích 2.921 ha (bao gồm 1.734.53 ha đang triển khai thủ tục) thì Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cấp thẩm quyền địa phương và bộ ngành để làm tiền đề cho việc triển khai phát triển thêm 16.592 ha.

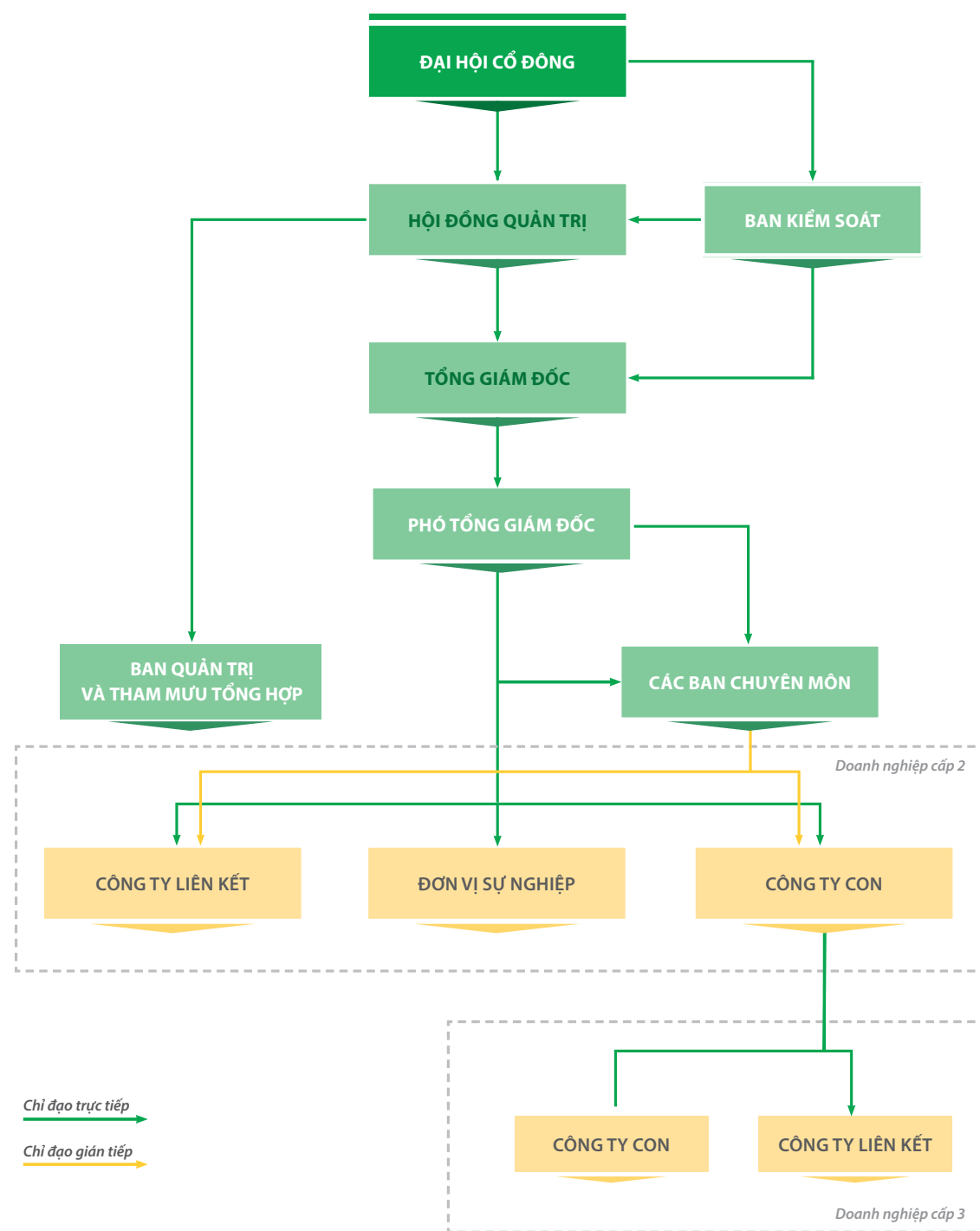
Trong năm 2024, Tập đoàn đã nhận được chủ trương đầu tư của 03 dự án khu công nghiệp là khu công nghiệp Hiệp Thạnh giai đoạn 1 (01/03/2024); khu công nghiệp Rạch Bắp mở rộng (27/12/2024); khu công nghiệp Minh Hưng III giai đoạn 2 (27/02/2025).





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

Tập đoàn hiện đang quản lý 115 công ty (gồm 99 công ty con và 16 công ty liên kết), trong 99 công ty con có 63 công ty trồng cao su, 10 công ty chế biến gỗ, 6 công ty khu công nghiệp, 11 công ty công nghiệp và dịch vụ, 9 công ty thuộc ngành khác.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN



01

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI

- 

Địa chỉ
 : 56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
- 

Điện thoại
 : (84-24) 39 427 091
- 

Email
 : vphn@rubbergrouvn



02

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI CAMPUCHIA

- 

Địa chỉ
 : 46, 228 Street, Chamkamom District, Phnom Penh, Cambodia
- 

Điện thoại
 : +855 977527776
- 

Email
 : vpcam@rubbergrouvn



03

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI LÀO

- 

Địa chỉ
 : House No. 123, Alley 3, Sisangyone Ward, Xaysettha District, Vientiane Capital, Laos
- 

Điện thoại
 : +8562099666668
- 

Email
 : vpla@rubbergrouvn



Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)
CÔNG TY CON			
1	Công ty TNHH MTV Tập đoàn Cao su Đồng Nai	Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	100%
2	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Quốc lộ 13, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	100%
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	100%
4	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	100%
5	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	100%
6	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk	Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	100%
7	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo	499 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Đăng, huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk	100%
8	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	100%
9	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	100%
10	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	258 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum	100%
11	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	100%
12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	01 Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Phú Hoà, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	100%
13	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Quốc lộ 1 A, xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	100%
14	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	100%
15	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	Km22, QL 15A, xã Hà Linh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	100%
16	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh	Xóm 12, xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	100%



DANH SÁCH ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)
17	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	Đường Lý Nam Đế, khu đô thị mới Đông Hưng, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	100%
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	100%
19	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	Thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	100%
20	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	Xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	100%
21	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%
22	Trung tâm Y tế Cao su	410 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	100%
23	Tạp chí Cao su	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%
24	Trường Cao đẳng Miền Đông	1428 Phú Riềng Đỏ, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	100%
25	Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn	Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	83,57%
26	Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	80,93%
27	Công ty Cổ phần VRG Đắk Nông	Phường Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	98,30%
28	Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su	64 Trương Định, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	82,44%
29	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi Sao Geru	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	92,11%
30	Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị	KCN Nam Đông Hà, phường Đông Lương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	97,41%
31	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	66,62%
32	Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	207 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	100,00%
33	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	Ấp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	55,06%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)
34	Công ty Cổ phần Cao su Hàng Gòn	Xã Hàng Gòn, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	50,00%
35	Công ty Cổ phần Quasa Geruco	D21, Trung tâm Thương Mại Đông Nam Á, Thị trấn Lao Bảo, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị	100,00%
36	Công ty Cổ phần TM Dịch vụ & Du lịch Cao su	Đại lộ Hoà Bình, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, Quảng Ninh	100,00%
37	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên	Phường Khánh Bình, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	53,27%
38	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Đại lộ Bình Dương, xã Thuận Giao, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương	59,69%
39	Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	61,00%
40	Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Khách sạn Hưng Yên	Số nhà 611, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	98,41%
41	Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	Số 12, Đường HT25, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	92,05%
42	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	55,24%
43	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	Quốc lộ 22B, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	60,00%
44	Công ty Cổ phần Cao su Sơn La	Công ty Cổ phần Cao su Sơn La	100,00%
45	Công ty Cổ phần Cao su Điện Biên	Đội 19, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	100,00%
46	Công ty Cổ phần Cao Su Lai Châu	Tổ 5, phường Đoàn kết, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	100,00%
47	Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	308E Phan Đình Phùng, Phường Ngô Mây, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	100,00%
48	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	Số 17, đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	93,03%
49	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom	Tổ 8, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	99,97%
50	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa	97,47%



DANH SÁCH ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)
51	Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	70,00%
52	Công ty Cổ phần VRG Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	94,70%
53	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	98,46%
54	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Dầu Giây	Km 2, tỉnh lộ 769, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	85,71%
55	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Long Khánh	Khu công nghiệp Long Khánh, xã Bình Lộc, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	81,00%
56	Công ty Cổ phần Cao su Hà Giang	Nhóm 4, Tổ 9, Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	100,00%
57	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Thửa đất số 117, 118, tờ bản đồ số 15, ấp 1, xã Hưng Hoà, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	90,00%
58	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie	Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	88,33%
59	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai Kratie	Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	88,73%
60	Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh	Thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum	99,38%
61	Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	74,44%
62	Công ty Cổ phần Cao su Bảo Lâm	Xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	93,83%
63	Công ty Cổ phần Công nghiệp An Điền	Khu Công Nghiệp Rạch Bắp, đường D1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	97,00%
64	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Lô M, đường số 1, KCN Thanh Lộc, xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	100,00%
65	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	91,49%
66	Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	70,60%
67	Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Khu phố 4A thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	62,54%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)
68	Công ty Cổ phần Phân bón Thương mại Phú Thịnh	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông	53,61%
69	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	100,00%
70	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa Kampong Thom	Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	100,00%
71	Công ty Cổ phần Cao su Chư sê Kampong Thom	Số 420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	99,95%
72	Công ty Cổ phần Cao su Mang Yang Ratanakiri	Số 536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	100,00%
73	Công ty TNHH Phát triển Cao su Phước Hòa Kampong Thom	Xã Boeung Lavea, huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	100,00%
74	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	91,00%
75	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long	Ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	78,89%
76	Công ty Cổ phần Cao su Yên Bái	Thôn 2, xã Tân Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	100,00%
77	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Số nhà 186, đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	100,00%
78	Công ty Cổ phần Cao su Krông Buk Ratanakiri	Xã Ea Hồ, huyện Krông Buk, tỉnh Đăk Lăk	100,00%
79	Công ty Cổ phần Cao su Chư Prông Stung Treng	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	99,86%
80	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie	Số 33, Tổ 26, khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	95,00%
81	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	97,99%
82	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Đồng Nai	Đường số 7, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, TP. Long khánh, Đồng Nai	69,00%
83	Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K	Xã Don Cam Pech, huyện San Dan, Tỉnh Kampong Thom, Vương quốc	100,00%



DANH SÁCH ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)
84	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Bình	Xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	95,00%
85	Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn	Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	51,04%
86	Công ty TNHH Cao su Bolikhamxay Hà Tĩnh	Tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100,00%
87	Công ty TNHH Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp	Xã Trapeang Prasat, huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Mean Cheay, Vương quốc Campuchia	100,00%
88	Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay	Tỉnh Oudomxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100,00%
89	Công ty TNHH VKETI	Tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia	100,00%
90	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lai Châu	Khu 2, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	100,00%
91	Công ty TNHH Cao su Ea H'leo BM	Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia	100,00%
92	Công ty TNHH Cao su Phước Hòa Đắk Lắk	138 Hùng Vương, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	100,00%
93	Công ty Cổ phần Cao su Mường Nhé Điện Biên	Bản Mường Nhé, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	100,00%
94	Công ty TNHH MTV Cao su Qua Van	Tỉnh Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100,00%
95	Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. HCM	50,00%
96	Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh	Đường Điện Biên Phủ, Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	68,17%
97	Công ty TNHH Cao su & Lâm nghiệp Phước Hòa-Đắk Lắk	Thôn 2, Xã Ia Iđoi, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	90,40%
98	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ cao su Kon Tum	Thôn 01, Xã Đắk La, Huyện Đăk Hà, Tỉnh Kon Tum	51,00%
99	Công ty Cổ phần Thành phố Nội thất Việt Nam	Tòa nhà U&I, số 158, đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam	51,00%
CÔNG TY LIÊN KẾT			

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Thống Nhất	KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	36,07%
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	165 Bạch Đằng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	39,11%
3	Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	Số 8 Trần Quý Khoách, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	27,78%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	Ấp Hòa Vinh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	29,17%
5	Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT Đường ĐT.741	Km 72+000, đường ĐT.741, ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	20,54%
6	Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha	Lô G, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	49,00%
7	Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	Số 636 đường Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	27,14%
8	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Lô B3,1 KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	48,85%
9	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	Đường số 1, ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	31,13%
10	Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	KCN Nhơn Trạch 2, Lộc Khang, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	32,59%
11	Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	Lô K5, K6, K7 Đường N9A, KCN Dầu Giây, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	49,06%
12	Công ty TNHH Đô thị và Công nghiệp Nam Tân Uyên	Văn phòng Nông trường Long Thành, Khu 13, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	20,00%
13	Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	Khu Công nghiệp Ia Khươl, thôn Tân Lập, xã Ia Khươl, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	34,32%
14	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ Hà Tĩnh	Số 16 Võ Liêm Sơn, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	36,00%
15	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	49,00%
16	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành	Lô E, KCN Lộc An, Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	31,00%

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

- Giữ vững vị thế của Tập đoàn là doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực trồng, chế biến, kinh doanh cao su thiên nhiên; chế biến gỗ nhân tạo; sản phẩm công nghiệp cao su; đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp trên đất cao su; phát triển năng lượng xanh, năng lượng tái tạo; nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng khoa học công nghệ. Trong đó đứng vị trí thứ nhất về lĩnh vực trồng, chế biến, kinh doanh cao su thiên nhiên.
- Tiên phong về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ thông tin AI.
- Phát triển doanh nghiệp hài hòa trên cả ba trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường, lấy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững là mục tiêu xuyên suốt.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của Tập đoàn trên cơ sở nền tảng công nghệ hiện đại; đổi mới phương thức quản lý, quản trị theo chuẩn mực quốc tế tiệm cận các nước phát triển; củng cố và phát triển thương hiệu VRG trên thị trường trong và ngoài nước; cơ cấu ngành nghề hợp lý, tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề SXKD chính là nông cốt, phát triển bền vững; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên rừng.





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để duy trì vị trí là Tập đoàn kinh tế Nhà nước hàng đầu trong lĩnh vực trồng, chăm sóc, chế biến, kinh doanh cao su trên thế giới, giữ vững vai trò tiên phong trong ngành nông nghiệp về đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập trung hoàn thành cấp chứng nhận phát triển rừng bền vững VFCS/PEFC, toàn bộ các sản phẩm đáp ứng các tiêu chí xanh, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch, đáp ứng theo các tiêu chuẩn và yêu cầu minh bạch, truy xuất nguồn gốc, phù hợp với quy định của Liên minh châu Âu (EUDR).
- Xây dựng tín chỉ Carbon cho toàn bộ diện tích vườn cây cao su để nâng cao giá trị và hiệu quả, tập trung tìm kiếm các đối tác tiềm năng để hợp tác đánh giá trữ lượng carbon và hướng tới thương mại hóa tín chỉ carbon trong tương lai, nhằm nâng cao giá trị và hiệu quả vườn cây cao su.
- Tiếp tục đầu tư mở rộng diện tích cao su tại Lào và Campuchia nhằm tăng cường tích lũy đất đai và tăng hiệu quả kinh tế, đồng thời bù đắp phần diện tích cao su trong nước đang ngày càng bị thu hẹp dần theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội.
- Tập trung các nguồn lực để phát triển các KCN theo các mô hình KCN hiện đại mới, khu công nghiệp xanh, khu công nghiệp sinh thái tuần hoàn, gắn với chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng.
- Thúc đẩy đầu tư các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, đây sẽ là một trụ cột rất quan trọng cho động lực tăng trưởng mới, phát triển kinh tế xanh, sử dụng hiệu quả nguồn lực của Tập Đoàn trong giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2050.

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Nhân sự	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT, TGD, BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông Trần Công Kha	Chủ tịch HĐQT	12/01/2022	-
2	Ông Lê Thanh Hưng	Thành viên HĐQT	13/01/2022	-
3	Ông Trần Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT	22/05/2018	Ngày 28/6/2024 HĐQT đã thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm
4	Ông Huỳnh Văn Bảo	Thành viên HĐQT	22/05/2018	29/03/2024
5	Ông Hà Văn Khương	Thành viên HĐQT	22/05/2018	-
6	Ông Phạm Văn Thành	Thành viên HĐQT	22/05/2018	29/03/2024
7	Ông Đỗ Hữu Phước	Thành viên HĐQT	17/06/2024	-
8	Ông Nguyễn Đông Phong	Thành viên HĐQT độc lập	17/06/2024	-
9	Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	22/05/2018	29/03/2024
10	Ông Nguyễn Hay	Thành viên HĐQT độc lập	22/05/2018	-

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Nhân sự	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT, TGD, BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
II BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Ông Lê Thanh Hưng	Tổng Giám đốc	13/01/2022	-
2	Ông Đỗ Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc thường trực	01/6/2022	-
3	Ông Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	18/02/2020	-
4	Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	01/6/2018	-
5	Ông Phạm Hải Dương	Phó Tổng Giám đốc	08/9/2023	-
6	Ông Lê Đình Bửu Trí	Phó Tổng Giám đốc	01/6/2022	-
7	Ông Huỳnh Kim Nhựt	Phó Tổng Giám đốc	01/6/2022	-
III BAN KIỂM SOÁT				
1	Ông Phạm Văn Hòai Em	Trưởng Ban	17/06/2024	-
2	Ông Đỗ Khắc Thăng	Trưởng Ban	22/05/2018	17/06/2024
3	Ông Võ Văn Tuấn	Thành viên	12/01/2022	-
4	Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	12/01/2022	-



TRẦN CÔNG KHA
CHỦ TỊCH HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1974
Học vấn: Tiến sĩ Kinh tế



ÔNG LÊ THANH HƯNG

THÀNH VIÊN HĐQT

Bổ nhiệm: 12/01/2022

Năm sinh: 1966

Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG HÀ VĂN KHƯƠNG

THÀNH VIÊN HĐQT

Bổ nhiệm: 12/01/2022

Năm sinh: 1970

Học vấn: Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp



ÔNG ĐỖ HỮU PHƯỚC

THÀNH VIÊN HĐQT

Bổ nhiệm: 17/06/2024

Năm sinh: 1968

Học vấn: Thạc sĩ Kỹ thuật



ÔNG NGUYỄN ĐÔNG PHONG

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Bổ nhiệm: 17/06/2024

Năm sinh: 1960

Học vấn: Giáo sư, Tiến sĩ
ngành Kinh tế



ÔNG NGUYỄN HAY

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Bổ nhiệm: 12/01/2022

Năm sinh: 1959

Học vấn: Giáo sư, Tiến sĩ
ngành Cơ khí - Động lực



LÊ THANH HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bổ nhiệm: 12/1/2022

Năm sinh: 1966

Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG ĐỖ HỮU PHƯỚC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

Bổ nhiệm: 01/06/2022

Năm sinh: 1968

Học vấn: Thạc sĩ Kỹ thuật



ÔNG TRƯƠNG MINH TRUNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bổ nhiệm: 01/06/2018

Năm sinh: 1968

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



ÔNG TRẦN THANH PHỤNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bổ nhiệm: 18/02/2020

Năm sinh: 1968

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



ÔNG LÊ ĐÌNH BỬU TRÍ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bổ nhiệm: 01/06/2022
Năm sinh: 1970
Học vấn: Thạc sĩ Tài chính
và Thương mại Quốc tế



ÔNG HUỲNH KIM NHỰT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bổ nhiệm: 01/6/2022
Năm sinh: 1973
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG PHẠM HẢI DƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bổ nhiệm: 08/9/2023
Năm sinh: 1966
Học vấn: Thạc sĩ Kỹ thuật



ÔNG PHẠM VĂN HẢI EM
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bổ nhiệm: 17/06/2024
Năm sinh: 1975
Học vấn: Cử nhân kinh tế
Chứng chỉ kiểm toán viên



ÔNG NGUYỄN MINH ĐỨC
KIỂM SOÁT VIÊN

Bổ nhiệm: 12/01/2022
Năm sinh: 1984
Học vấn: Kỹ sư xây dựng



ÔNG VÕ VĂN TUẤN
KIỂM SOÁT VIÊN

Bổ nhiệm: 12/01/2022
Năm sinh: 1971
Học vấn: Thạc sĩ Nông nghiệp

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tóm tắt thông tin tài chính

Nhân sự và chính sách lao động

Đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội



Năm 2024 tiếp tục chứng kiến những biến động đáng kể về kinh tế và xã hội tác động mạnh mẽ đến chuỗi cung ứng toàn cầu, và Việt Nam không phải là ngoại lệ khi phải đối mặt với những ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng này. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức, nhưng nhờ vào sự định hướng đúng đắn từ Hội đồng quản trị cùng với sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng của Ban Tổng giám đốc và toàn thể nhân viên, kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn trong năm vừa qua ghi nhận được những thành tựu nhất định.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị: Tỷ đồng						
Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/Giảm so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	21.116	26.189	25.425	22.138	26.242	18,54%
Lợi nhuận gộp	4.599	7.575	6.342	4.962	6.965	40,34%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.802	5.783	4.381	2.795	4.740	69,55%
Lợi nhuận sau thuế	5.076	5.340	4.753	3.372	4.827	43,10%

Theo số liệu BCTC kiểm toán hợp nhất



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,47	2,39
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,12	2,01
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	29,57	29,97
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	41,99	42,79
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,59	5,00
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,28	0,33
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số LNST/DTT (ROS)	%	15,24	18,39
Hệ số LNST/ VCSH bình quân (ROEA)	%	6,22	8,51
Hệ số LNST/TTS bình quân (ROAA)	%	4,31	5,98
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	12,63	18,06

Theo số liệu BCTC kiểm toán hợp nhất

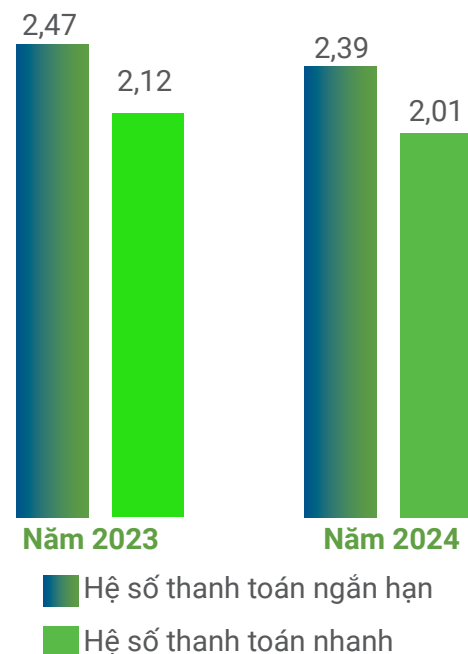




TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

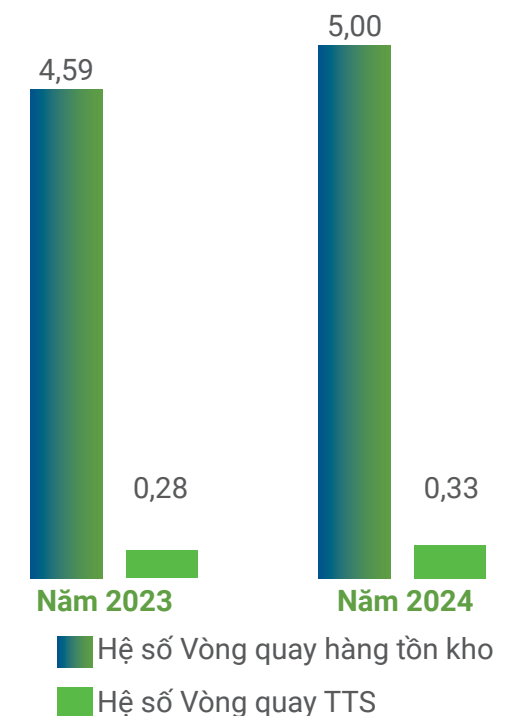


Trong năm 2024, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 2,39 và 2,01; hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn duy trì ở mức ổn định, hệ số thanh toán nhanh biến động mạnh hơn. Các khoản mục trong hệ số thanh toán đều tăng trưởng nhưng tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn chậm hơn đã dẫn đến hệ số thanh toán giảm nhẹ so với năm 2023. Khả năng thanh toán của Tập đoàn được duy trì ở mức an toàn trong các năm qua, thể hiện qua việc Tập đoàn luôn chủ động trong việc quản trị rủi ro thanh khoản. Nhờ vậy, đảm bảo năng lực thanh toán các khoản nợ đến hạn, giảm thiểu rủi ro và duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2024 duy trì mức ổn định và xu hướng tăng nhẹ so với năm 2023.

- Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 4,59 vòng lên 5,00 vòng, giá vốn hàng bán năm 2024 ghi nhận mức tăng 12,23% so với cùng kỳ. Do sản lượng tiêu thụ cao su tăng 0,3%, đồng thời giá bán bình quân cũng 20,17% so với cùng kỳ, góp phần làm cho vòng quay hàng tồn kho tăng lên.
- Vòng quay TTS cũng tăng nhẹ từ 0,28 vòng lên 0,33 vòng, chủ yếu do DTT năm 2024 giảm 18,49% (tương đương tăng hơn 4.099 tỷ đồng) so với năm trước.
- Với triển vọng kinh tế vĩ mô ngày càng ổn định, hoạt động kinh doanh dần khởi sắc, các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động của Công ty hứa hẹn sẽ tiếp tục được cải thiện và đạt những thành tích ấn tượng trong thời gian tới.

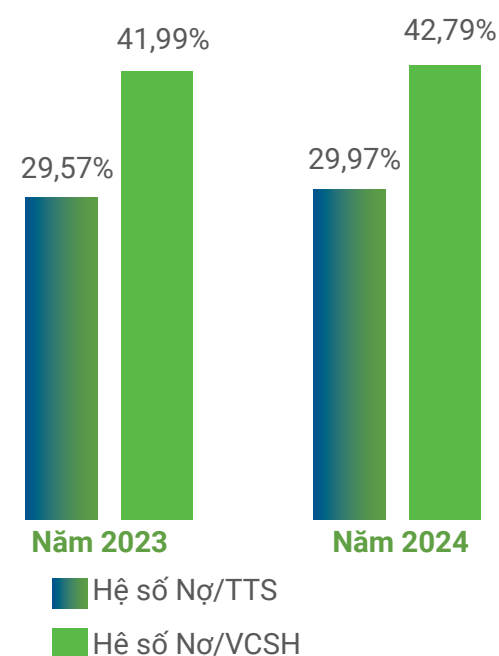


CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Công ty luôn cẩn trọng trong việc huy động và sử dụng vốn vay để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn tốt nhất và giảm thiểu rủi ro tài chính.

Năm 2024, TTS của Công ty tăng 6,82% tương đương 5322 tỷ đồng, trong khi khoản mục Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu đều có tốc độ tăng cao lần lượt tăng 8,24% và 6,22%. Đã dẫn đến các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, hệ số nợ trên TTS và hệ số nợ trên VCSH được ghi nhận ở mức 29,97% và 42,79%.

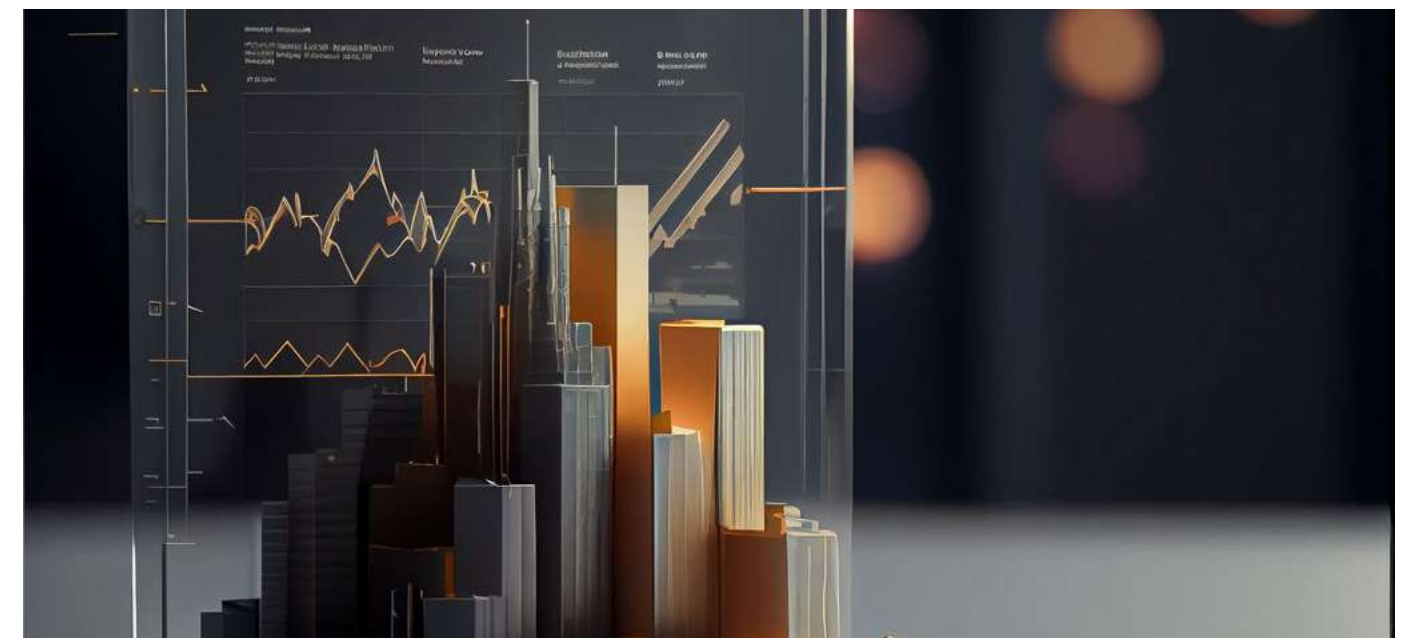
Mặc dù tỷ lệ đòn bẩy có tăng nhẹ trong năm 2024 nhưng Tập đoàn luôn áp dụng chiến lược sử dụng nợ một cách thận trọng và hợp lý, hướng đến mục tiêu đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh, duy trì mức rủi ro thấp nhất. Có thể thấy rõ khi tỷ lệ Nợ vay tài chính của Tập đoàn chỉ chiếm 28,17% Nợ phải trả.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm vừa qua, mặc dù gặp thách thức rất lớn trong bối cảnh rất nhiều khó khăn khách quan; nhưng Tập đoàn đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ khi lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức tăng 43,10% (đạt 4.827 tỷ đồng).

Cụ thể, các hệ số ROS, ROEA, ROA, Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần đều lần lượt đạt 18,39%, 8,51%, 5,98%, 18,06%.



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN TẠI CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN

Tổng: 212 người

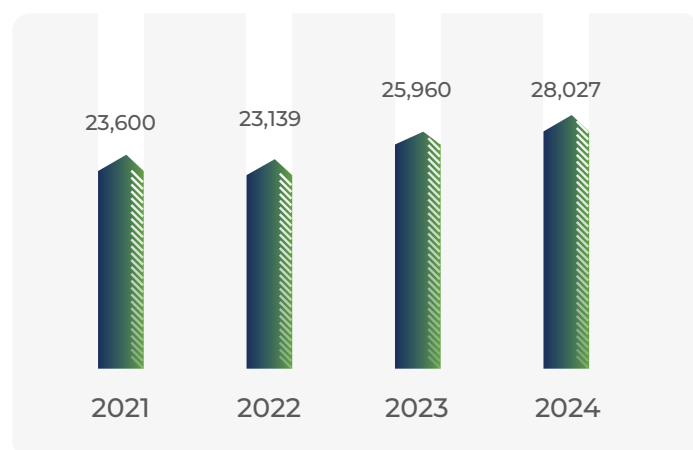
Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Chỉ tiêu	2023		2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG	218	100%	212	100%
1	Trình độ trên Đại học	59	27%	57	27%
2	Trình độ Đại học, cao đẳng	115	53%	116	55%
3	Trình độ trung cấp	3	1%	3	1%
4	Công nhân kỹ thuật	0	0%	0	0%
5	Lao động phổ thông	41	19%	36	17%
II	THEO GIỚI TÍNH	218	100%	212	100%
1	Nam	137	63%	134	63%
2	Nữ	81	37%	78	37%
III	THEO THỜI HẠN HĐLĐ	218	100%	212	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	195	89%	189	87%
2	Hợp đồng xác định 1-3 năm	9	4%	13	6%
3	Khác	14	6%	10	5%

Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng/ người/ năm

Năm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thu nhập bình quân của người lao động	23,600	23,139	25,960	28,027



CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Tập đoàn rất đề cao vai trò của đội ngũ nhân sự trong nguồn lực phát triển của Tập đoàn. Do vậy, trong nhiều năm qua, Tập đoàn luôn dành sự ưu tiên đầu tư cho CB-CNV thông qua các chính sách đào tạo, lương thưởng, phúc lợi phù hợp.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, thế nên việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những mục tiêu của Tập đoàn. Để có thể thu hút nhiều nhân tài làm việc và cống hiến, Tập đoàn luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho CB CNV được học tập làm việc tốt nhất, được phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Tập đoàn.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN VIÊN

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Trong năm, Tập đoàn luôn đảm bảo mức lương phù hợp cho từng CBCNV với từng vị trí, vai trò căn cứ vào thời gian lao động, mức độ hoàn thành, kết quả hoạt động kinh doanh và mức lương thị trường; cân nhắc nâng lương cho các cá nhân và tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao nhằm khuyến khích, tạo động lực cho người lao động luôn phấn đấu hoàn thành tốt công việc.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng luôn chú trọng đến công tác quan tâm phúc lợi cho nhân viên như bảo hiểm sức khỏe và tai nạn theo quy định của pháp luật để nhân viên an tâm làm việc. Ngoài ra còn có các chính sách hỗ trợ tiền thưởng vào các dịp lễ Tết, lễ Quốc Khánh, 30/4, 1/5,... Bên cạnh các chế độ về lương thưởng đãi ngộ, trong năm Tập đoàn cũng mang đến và duy trì nhiều phúc lợi cho CBCNV như du lịch, khám sức khỏe định kỳ.

Với chính sách lương thưởng công bằng, linh hoạt, tạo cơ hội thăng tiến cho đội ngũ nhân viên trẻ có năng lực cùng với môi trường làm việc thân thiện đã xây dựng nền văn hóa doanh nghiệp giúp Tập đoàn duy trì và phát triển được nguồn nhân lực có thể đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại và trong tương lai.

ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Tập đoàn luôn cố gắng tạo môi trường làm việc hiện đại, năng động thông qua các hoạt động xây dựng tinh thần làm việc nhóm, các chương trình thể dục - thể thao – văn nghệ,... để CBCNV có cơ hội giao lưu, gắn kết, cùng nhau nỗ lực vì sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Tất cả CBCNV làm việc tại Tập đoàn đều được huấn luyện và kiểm tra quy định an toàn tránh rủi ro xảy ra trong quá trình lao động. Đồng thời, Tập đoàn trong năm cũng đã triển khai các kế hoạch bảo hộ lao động phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong sản xuất kinh doanh: mua sắm, cấp phát, sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động; công tác kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động luôn được thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Tập đoàn.





NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHĂM LO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NĂM

- Tổ chức Hội thao CNVC LĐ tại 5 khu vực với 1.819 vận động viên tham gia đến từ 78 đơn vị.
- Tổ chức thành công Tháng Công nhân với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng hướng về NLĐ, hướng về cơ sở với những hoạt động lấy NLĐ làm trung tâm.

- Thành lập các đoàn đi thăm hỏi, động viên kịp thời CNLĐ có hoàn cảnh khó khăn, bị tai nạn lao động, gia đình CN bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt... Để khắc phục ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi), CĐ CSVN và Tập đoàn đã vận động hơn 3,4 tỷ đồng để hỗ trợ NLĐ. CĐ CSVN thành lập các đoàn đi thăm hỏi và hỗ trợ 13 đơn vị bị ảnh hưởng bão số 3 với số tiền 340 triệu đồng. Trong năm 2024, các đơn vị đã thực hiện công tác xã hội với số tiền gần 39,7 tỷ đồng hỗ trợ các hoạt động xã hội tại địa phương, chăm sóc 10 bà mẹ Việt Nam Anh hùng.



- Ban quản lý Quỹ “Mái ấm CĐ” đã ban hành hỗ trợ xây mới và sửa chữa được 87 căn trong đó: xây mới 64 căn; sửa chữa 23 căn với tổng tiền 5.170 tỷ đồng. Hỗ trợ bệnh hiểm nghèo cho 49 trường hợp với tổng số tiền 490 triệu đồng.
- Phong trào “Luyện tay nghề, Thi thợ giỏi” đã đi vào chiều sâu, chất lượng và có hiệu quả.
- Phong trào “Lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật”. Nhiều đơn vị đã có sự đầu tư và quan tâm đúng mức; trong toàn ngành đã có 315 sáng kiến, trong đó cấp ngành 10 sáng kiến và cấp cơ sở 315 sáng kiến, với tổng số tiền làm lợi hơn 2.303 tỷ đồng.





ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUYẾT TÂM VƯỢT KHÓ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ VÀ CHĂM LÒ TỐT CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mặc dù việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 gặp thách thức rất lớn trong bối cảnh rất nhiều khó khăn khách quan; nhưng với tinh thần vượt khó của tập thể CB.CNV LĐ, Tập đoàn đã cơ bản hoàn thành kế hoạch được giao về sản lượng, tài chính và vượt mức kế hoạch nộp ngân sách Nhà nước; nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; bảo đảm quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư; ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động. Trên tinh thần đó, tiếp tục thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, phát triển bền vững Tập đoàn dựa trên 3 trụ cột: Kinh tế – Môi trường – Xã hội.



KHOẢNG CÁC CÔNG TY CAO SU

Sản lượng khai thác đạt 445.200 tấn, bằng 100,0% kế hoạch năm; thu mua ước đạt 77.921 tấn, bằng 103,5% kế hoạch năm và bằng 103,5% năm trước; chế biến đạt 499.859 tấn, bằng 99,3% kế hoạch năm và cao hơn 1,8% so với năm 2023; tiêu thụ đạt 521.651 tấn, bằng 100,2% kế hoạch năm và bằng 100,3% so với thực hiện năm 2023. Doanh thu khối cao su năm 2024 đạt 24.582 tỷ đồng, bằng 110,7% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 4.718 tỷ đồng, bằng 122,9% kế hoạch năm 2024.



CHẾ BIẾN GỖ

Sản lượng gỗ các loại của Tập đoàn (gỗ phôi, gỗ ghép tấm, gỗ tinh chế, gỗ MDF) đạt 1.090.458 m³, bằng 87,4% kế hoạch; doanh thu các công ty gỗ năm 2024 đạt 2.366 tỷ đồng, bằng 87,6% kế hoạch. Hoạt động của các công ty gỗ gặp nhiều khó khăn, không đạt chỉ tiêu sản lượng lẫn doanh thu, lợi nhuận do sức mua trong nước yếu, thị trường xuất khẩu chưa phục hồi nên không có đơn hàng, đầu ra.



CÔNG NGHIỆP CAO SU

Tổng doanh thu năm 2024 của nhóm các công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su (6 công ty) 401 tỷ đồng, bằng 83,0% kế hoạch năm. Tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn do giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao, công nghệ sản xuất lạc hậu và chịu sự cạnh tranh gay gắt ở cả thị trường nội địa lẫn nước ngoài.



KHU CÔNG NGHIỆP

Tập đoàn có 11 công ty hạ tầng khu công nghiệp trực thuộc để triển khai đầu tư 14 khu công nghiệp với tổng diện tích 4.628 ha; tỷ lệ lấp đầy bình quân là 82% trên tổng diện tích đất thương phẩm, nằm tập trung tại các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Gia Lai, Hải Dương và Tây Ninh.



Năm 2024 Tập đoàn thỏa thuận kế hoạch cho 9 khu công nghiệp trực thuộc; kết quả kinh doanh đến ngày 31/12/2024 của 9 công ty khu công nghiệp trực thuộc như sau: Cho thuê mới được 61 ha, bằng 24,8% kế hoạch năm; doanh thu đạt 1.250 tỷ đồng, bằng 81,5% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 710 tỷ đồng, bằng 93,8% kế hoạch năm 2024. Tình hình khó khăn, các doanh nghiệp khách hàng, đối tác thu hẹp sản xuất cộng với việc chưa có quỹ đất cho thuê mới theo kế hoạch (do dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II quy mô 345,9 ha chậm tiến độ), nên nguồn thu chủ yếu của các công ty khu công nghiệp trong năm đến từ thu phí dịch vụ, lãi tiền gửi và phân bổ doanh thu dài hạn

THỦY ĐIỆN

Thời tiết bất thường, đầu năm nắng hạn không có nước, cuối năm mưa lớn trên diện rộng, bão lũ thường xuyên nên các công ty thủy điện phải xả lũ, việc phát điện lên lưới không ổn định dẫn tới sản lượng phát điện thương phẩm chỉ đảm bảo bằng mức kế hoạch năm 2024 được giao là 480 triệu KWh, tương đương 100% kế hoạch và giảm 9,7% so với năm 2023; doanh thu thủy điện đạt 539 tỷ đồng, bằng 96,3% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 152 tỷ đồng, bằng 99,3% kế hoạch năm 2024.



NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Tập đoàn đang triển khai thực hiện 14 dự án nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ và cơ giới hóa với tổng diện tích là 4.030 ha (đã trồng 1.615 ha, chiếm 40,1%). Hình thức thực hiện chủ yếu là hợp tác đầu tư với mục tiêu bước đầu tiếp cận về công nghệ và thị trường tiêu thụ, dần tiến tới các đơn vị tự thực hiện. Cây chuối cây mô Cavendish được trồng chủ yếu (1.443 ha / 1.615 ha, chiếm tỷ lệ 89,3%) do nhu cầu thị trường rất lớn. Các loại cây trồng khác như mít, khoai lang, bưởi, bắp cũng bước đầu thử nghiệm ở quy mô nhỏ để có đánh giá hiệu quả.

Tiếp tục khuyến khích các đơn vị thành viên xây dựng các mô hình nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại và cơ giới hóa, kết hợp với việc xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng, đảm bảo sự bền vững trong sản xuất nông nghiệp.



PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SẠCH, NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Tập đoàn đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ thực hiện Quy hoạch phát triển năng lượng sạch nhằm rà soát các diện tích phù hợp cho việc phát triển nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo cung cấp cho các khu công nghiệp, đơn vị sử dụng năng lượng lớn theo cơ chế mua bán điện trực tiếp và bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam bằng hình thức phù hợp theo quy định.

Đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường các giải pháp sản xuất sạch hơn, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tái tạo, thực hành tiết kiệm và hướng đến Net Zero.

Hiện nay có 11 đơn vị thành viên Tập đoàn đầu tư hợp tác thương mại sản xuất điện năng lượng mặt trời áp mái tại các nhà máy sản xuất, văn phòng công ty với hình thức hợp tác với đối tác đầu tư, chủ yếu là vừa cho thuê mái vừa mua sử dụng điện, tổng công suất lắp đặt là 11.204 KWp. Sản lượng điện mặt trời sản xuất năm 2024 là 13 triệu KWh, đem lại doanh thu 24 tỷ đồng (tương đương giảm phát thải 8.800 tấn CO2).

Tập đoàn cùng Công đoàn Cao su Việt Nam thực hiện chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho hơn 81.000 NLD, trong đó, lao động là người nước ngoài (Campuchia, Lào) 19.857 người, chiếm tỷ lệ 24,5%; lao động là người dân tộc thiểu số 17.269 người, chiếm tỷ lệ 21,3%; lao động nữ 34.483 người, chiếm tỷ lệ 42,6%, với mức thu nhập bình quân 11 triệu đồng/người/tháng.

Tập đoàn cũng đã phối hợp chặt chẽ với Công đoàn Cao su Việt Nam, Đoàn Thanh niên Tập đoàn thực hiện công tác an sinh xã hội, công tác bảo vệ môi trường, góp phần củng cố, bảo vệ quốc phòng an ninh, giữ gìn an ninh trật tự nơi các công ty thành viên trú đóng. Các dự án đầu tư ra nước ngoài có hiệu quả, đã và đang góp phần củng cố mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước ta với hai nước bạn Lào và Campuchia. Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của Tập đoàn giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn 2050 tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong, điển hình của Tập đoàn trong việc phát triển bền vững ngành Cao su. Tại Lễ công bố Doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2024, Tập đoàn có 14 công ty thành viên được vinh danh Top 100 Doanh nghiệp bền vững, trong đó Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh nằm trong Top 10. Năm 2024 cũng là năm Tập đoàn đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện chuyển đổi số, tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.



04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động kinh doanh trong năm 2024

Tình hình tài chính

Những tiến bộ đạt được trong năm 2024

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BCTC TẬP ĐOÀN NĂM 2024

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/ KH 2024	% TH 2024/ TH2023
Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.980	3.988	5.271	132,17%	132,44%
Lợi nhuận trước thuế	1.433	1.454	2.353	161,90%	164,27%
Lợi nhuận sau thuế	1.433	1.454	2.353	161,90%	164,27%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO BCTC HỢP NHẤT NĂM 2024

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/ KH 2024	% TH 2024/ TH2023
Tổng doanh thu và thu nhập khác	24.699	24.999	28.739	114,96%	116,36%
Lợi nhuận trước thuế	4.114	4.104	5.606	136,60%	136,27%
Lợi nhuận sau thuế	3.373	3.437	4.826	140,44%	143,11%

Năm 2024, nhờ sự chủ động, linh hoạt và tinh thần đoàn kết của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, Tập đoàn đã nỗ lực vượt qua những khó khăn của thị trường. Mặc dù đối diện với nhiều khó khăn và thách thức do chi phí sản xuất và giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, cùng với sự suy giảm nhu cầu tiêu dùng trong nước và quốc tế nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của Tập đoàn vẫn hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, một số lĩnh vực hoạt động phát triển tốt, nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

Cụ thể, tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất đạt 28.739 tỷ đồng, đạt 114,96% kế hoạch và tăng 16,36% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế hợp nhất 5.606 tỷ đồng, đạt 136,60% kế hoạch và cao hơn 36,27% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 4.826 tỷ đồng, bằng 140,44% kế hoạch và cao hơn 43,11% so với năm 2023.



TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

28.739

Tỷ đồng

Đạt 114,96% kế hoạch năm 2024



TỔNG DOANH THU CÔNG TY MẸ

5.271

Tỷ đồng

Đạt 132,17% kế hoạch năm 2024



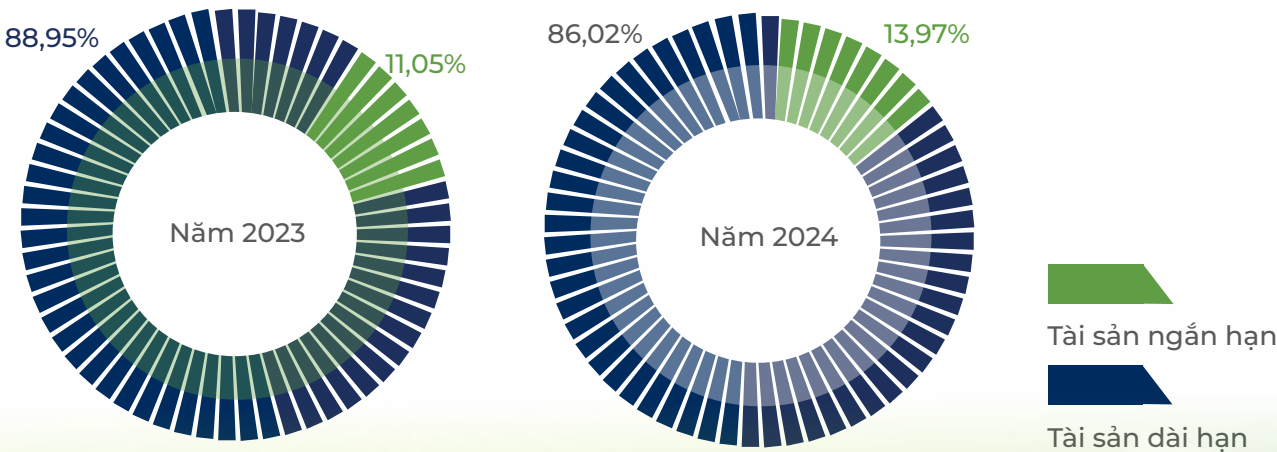
VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

CƠ CẤU TÀI SẢN

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2024		% Tăng / giảm
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	
Tài sản ngắn hạn	4.842	11,05%	6.347	13,97%	31,08%
Tài sản dài hạn	38.960	88,95%	39.074	86,02%	0,29%
Tổng tài sản	43.802	100,00%	45.422	100,00%	3,70%

Tính tới thời điểm ngày 31/12/2024, TTS của Tập đoàn được ghi nhận là 45.422 tỷ đồng, tăng 3,70 so với đầu năm. Tài sản dài hạn duy trì ở mức cao hơn và chiếm 86,02% TTS, tương ứng 39,074 tỷ đồng, tăng 0,29% so với năm 2023. Tài sản ngắn hạn được ghi nhận ở mức 6.347 tỷ đồng, tăng 31,08% so với năm 2023 chủ yếu đến từ việc tăng lên của khoản mục tiền gửi có kỳ hạn (tăng 1.297 tỷ đồng).

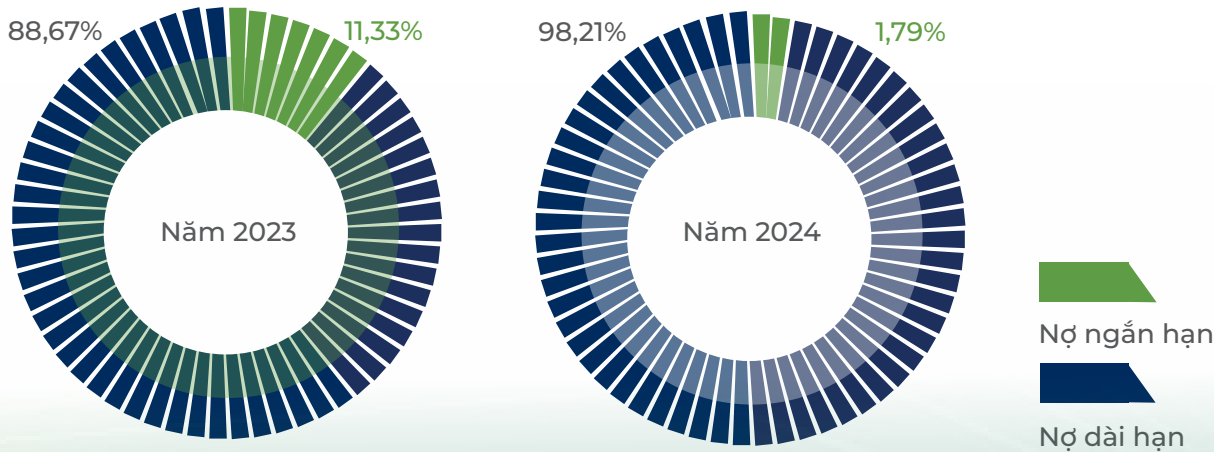


CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2024		% Tăng / giảm
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	
Nợ ngắn hạn	368	88,67%	876	98,21%	138,04%
Nợ dài hạn	47	11,33%	16	1,79%	(65,9%)
Tổng nợ	415	100,00%	892	100,00%	114,94%
Nguồn VCSH	43.487	100,00%	44,529	100,00%	2,63%

Tại thời điểm 31/12/2024, Nợ phải trả của Công ty được ghi nhận là 892 tỷ đồng, tăng 114,94 so với năm trước. Trong đó, cơ cấu nợ chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn với tỷ trọng lớn 98,21%. Nợ dài hạn giảm mạnh 39,35% so với năm 2023. Bên cạnh đó, Nguồn VCSH của Công ty năm 2024 được ghi nhận là 44.529 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,63% so với năm trước chủ yếu đến từ tăng lên từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.





NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2024



33 công ty thành viên xây dựng
phương án Quản lý rừng bền vững với
diện tích **284.354** ha



18 công ty được cấp Chứng chỉ
quản lý rừng bền vững theo VFCS/PEFC
với khoảng **118.337** ha

Hàng năm Tập đoàn đều có
>10 công ty thành viên
được chứng nhận doanh
nghiệp bền vững

CSI 100

39 nhà máy (chế biến cao
su thiên nhiên, chế biến gỗ và
sản phẩm công nghiệp cao
su) được cấp chứng nhận

PEFC-CoC
(chuỗi hành trình sản phẩm)





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (TIÊU THỤ NƯỚC, NĂNG LƯỢNG, PHÁT THẢI...)

Tập đoàn luôn tuân thủ đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, hạn chế ô nhiễm. Vì vậy, việc duy trì thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và quan trắc môi trường định kỳ đầy đủ về tần suất, các yếu tố môi trường đầy đủ là cần thiết. Ngoài ra Tập đoàn còn thực hiện kiểm tra thường xuyên hệ thống quan trắc tự động để phát hiện sớm, khắc phục kịp thời các sự cố phát sinh để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu của quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Tập đoàn nhận thấy trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng và xã hội, vì vậy Tập đoàn luôn đề cao và chú trọng vào công tác này thông qua các hoạt động: Ban quản lý Quỹ “Mái ấm CĐ” đã ban hành hỗ trợ xây mới và sửa chữa được 87 căn trong đó: xây mới 64 căn; sửa chữa 23 căn với tổng tiền 5.170 tỷ đồng. Hỗ trợ bệnh hiểm nghèo cho 49 trường hợp với tổng số tiền 490 triệu đồng.

Ngoài ra Tập đoàn luôn đề ra chính sách tiết kiệm khi sử dụng điện và nước trong hoạt động. Xây dựng chính sách 5S nhằm mục đích làm cho môi trường làm việc được sạch sẽ, ngăn nắp, khoa học, chuyên nghiệp, cải thiện môi trường làm việc, tăng năng suất, hiệu quả làm việc.

Tập đoàn khởi xướng các phong trào như đền ơn đáp nghĩa, lễ hội hiến máu, nghĩa tình biển đảo, tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, tặng quà tết cho các hoàn cảnh khó khăn tại các đơn vị thành viên...

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình lao động, tiền lương của người lao động ổn định, Công đoàn và Tập đoàn luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần giúp người lao động an tâm công tác.

Nhờ vào sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và Ban chấp hành Công đoàn, công nhân, lao động an tâm công tác và có những đóng góp đáng kể vào kết quả hoạt động chung của Tập đoàn.

Thực hiện bảo hiểm 24/7 cho người lao động. Trong năm đã tổ chức nhiều lượt khám sức khỏe tổng quát cho người lao động.

Ngoài lĩnh vực chuyên môn, Tập đoàn luôn chăm lo đến đời sống tinh thần cho người lao động thông qua các hoạt động như tặng hoa, quà cho công đoàn viên nữ nhân dịp 8/3, 20/10; tổ chức Hội thao công nhân viên chức lao động; “Tháng Công nhân”; “Bữa cơm công đoàn”; “Mái ấm gia đình”; chương trình “Chợ Tết Công đoàn năm 2024”; Phong trào “Luyện tay nghề, Thi thợ giỏi”; Phong trào “Lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật”.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tập đoàn

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT Độc lập

Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2025

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Báo cáo Quản trị rủi ro



	3	4	5
Bond			
2	MSO EM	S&P 500 Index	
4.4	3	5	
2.5	1.8	2.8	
	3.5	4.5	

QUYẾT TÂM VƯỢT KHÓ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ VÀ CHĂM LO TỐT CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mặc dù việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 gặp thách thức rất lớn trong bối cảnh rất nhiều khó khăn khách quan; nhưng với tinh thần vượt khó của tập thể CB.CNV LĐ, Tập đoàn đã cơ bản hoàn thành kế hoạch được giao về sản lượng, tài chính và vượt mức kế hoạch nộp ngân sách Nhà nước; nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; bảo đảm quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư; ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động. Trên tinh thần đó, tiếp tục thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, phát triển bền vững Tập đoàn dựa trên 3 trụ cột: Kinh tế – Môi trường – Xã hội.

Khối các công ty cao su

Sản lượng khai thác đạt 445.200 tấn, bằng 100,0% kế hoạch năm; thu mua đạt 77.921 tấn, bằng 103,5% kế hoạch năm và bằng 103,5% năm trước; chế biến đạt 499.859 tấn, bằng 99,3% kế hoạch năm và cao hơn 1,8% so với năm 2023; tiêu thụ đạt 521.651 tấn, bằng 100,2% kế hoạch năm và bằng 100,3% so với thực hiện năm 2023. Doanh thu khối cao su năm 2024 đạt 24.582 tỷ đồng, bằng 110,7% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 4.718 tỷ đồng, bằng 122,9% kế hoạch năm 2024.

Công nghiệp Cao su

Tổng doanh thu năm 2024 của nhóm các công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su (6 công ty) 401 tỷ đồng, bằng 83,0% kế hoạch năm. Tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn do giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao, công nghệ sản xuất lạc hậu và chịu sự cạnh tranh gay gắt ở cả thị trường nội địa lẫn nước ngoài.

Chế biến gỗ

Sản lượng các loại của Tập đoàn (gỗ phôi, gỗ ghép tấm, gỗ tinh chế, gỗ MDF) đạt 1.090.458 m³, bằng 87,4% kế hoạch; doanh thu các công ty gỗ năm 2024 đạt 2.366 tỷ đồng, bằng 87,6% kế hoạch. Hoạt động của các công ty gỗ gặp nhiều khó khăn, không đạt chỉ tiêu sản lượng lẫn doanh thu, lợi nhuận do sức mua trong nước yếu, thị trường xuất khẩu chưa phục hồi nên không có đơn hàng, đầu ra.

Thủy điện

Thời tiết bất thường, đầu năm nắng hạn không có nước, cuối năm mưa lớn trên diện rộng, bão lũ thường xuyên nên các công ty thủy điện phải xả lũ, việc phát điện lên lưới không ổn định dẫn tới sản lượng phát điện thương phẩm chỉ đảm bảo bằng mức kế hoạch năm 2024 được giao là 480 triệu KWh, tương đương 100% kế hoạch và giảm 9,7% so với năm 2023; doanh thu thủy điện đạt 539 tỷ đồng, bằng 96,3% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 152 tỷ đồng, bằng 99,3% kế hoạch năm 2024.

Khu Công nghiệp

Tập đoàn có 11 công ty hạ tầng khu công nghiệp trực thuộc để triển khai đầu tư 14 khu công nghiệp với tổng diện tích 4.628 ha; tỷ lệ lấp đầy bình quân là 82% trên tổng diện tích đất thương phẩm, nằm tập trung tại các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Gia Lai, Hải Dương và Tây Ninh.

Năm 2024 Tập đoàn thỏa thuận kế hoạch cho 9 khu công nghiệp trực thuộc; kết quả kinh doanh đến ngày 31/12/2024 của 9 công ty khu công nghiệp trực thuộc như sau: Cho thuê mới được 61 ha, bằng 24,8% kế hoạch năm; doanh thu đạt 1.250 tỷ đồng, bằng 81,5% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 710 tỷ đồng, bằng 93,8% kế hoạch năm 2024. Tình hình khó khăn, các doanh nghiệp khách hàng, đối tác thu hẹp sản xuất cộng với việc chưa có quỹ đất cho thuê mới theo kế hoạch (do dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II quy mô 345,9 ha chậm tiến độ), nên nguồn thu chủ yếu của các công ty khu công nghiệp trong năm đến từ thu phí dịch vụ, lãi tiền gửi và phân bổ doanh thu dài hạn

Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo

Tập đoàn đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ thực hiện Quy hoạch phát triển năng lượng sạch nhằm rà soát các diện tích phù hợp cho việc phát triển nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo cung cấp cho các khu công nghiệp, đơn vị sử dụng năng lượng lớn theo cơ chế mua bán điện trực tiếp và bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam bằng hình thức phù hợp theo quy định.

Đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường các giải pháp sản xuất sạch hơn, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tái tạo, thực hành tiết kiệm và hướng đến Net Zero.

Hiện nay có 11 đơn vị thành viên Tập đoàn đầu tư hợp tác thương mại sản xuất điện năng lượng mặt trời áp mái tại các nhà máy sản xuất, văn phòng công ty với hình thức hợp tác với đối tác đầu tư, chủ yếu là vừa cho thuê mái vừa mua sử dụng điện, tổng công suất lắp đặt là 11.204 KWp. Sản lượng điện mặt trời sản xuất năm 2024 là 13 triệu KWh, đem lại doanh thu 24 tỷ đồng (tương đương giảm phát thải 8.800 tấn CO₂).

Tập đoàn cùng Công đoàn Cao su Việt Nam thực hiện chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho hơn 81.000 NLĐ, trong đó, lao động là người nước ngoài (Campuchia, Lào) 19.857 người, chiếm tỷ lệ 24,5%; lao động là người dân tộc thiểu số 17.269 người, chiếm tỷ lệ 21,3%; lao động nữ 34.483 người, chiếm tỷ lệ 42,6%, với mức thu nhập bình quân 11 triệu đồng/người/tháng.

Tập đoàn cũng đã phối hợp chặt chẽ với Công đoàn Cao su Việt Nam, Đoàn Thanh niên Tập đoàn thực hiện công tác an sinh xã hội, công tác bảo vệ môi trường, góp phần củng cố, bảo vệ quốc phòng an ninh, giữ gìn an ninh trật tự nơi các công ty thành viên trú đóng. Các dự án đầu tư ra nước ngoài có hiệu quả, đã và đang góp phần củng cố mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước ta với hai nước bạn Lào và Campuchia. Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của Tập đoàn giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn 2050 tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong, điển hình của Tập đoàn trong việc phát triển bền vững ngành Cao su. Tại Lễ công bố Doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2024, Tập đoàn có 14 công ty thành viên được vinh danh Top 100 Doanh nghiệp bền vững, trong đó Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh nằm trong Top 10. Năm 2024 cũng là năm Tập đoàn đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện chuyển đổi số, tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÃ NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO TRONG ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ TẬP ĐOÀN HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ

Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng tác động trong nước và thế giới, nhưng năm 2024, Tập đoàn đã đạt được những thành tích rất nổi bật, tất cả các chỉ tiêu đều thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch. Kết quả này có sự đóng góp không nhỏ trong công tác điều hành, quản lý, năng động, sáng tạo và kịp thời của Ban Tổng giám đốc.

Căn cứ quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc, Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Theo sự điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã xây dựng, triển khai có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên liên lạc, trao đổi và phối hợp chặt chẽ trong việc định hướng, chỉ đạo công việc thông qua các cuộc họp hàng quý và khi được yêu cầu để có những chỉ đạo kịp thời, cụ thể trong từng trường hợp.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Tổng giám đốc luôn chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh để xin ý kiến chỉ đạo từ Hội đồng quản trị. Song song đó, Tổng

giám đốc và Ban điều hành luôn nỗ lực khắc phục các khó khăn, vướng mắc phát sinh, chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành quản lý. Đồng thời có những đề xuất, kiến nghị kịp thời để có những chỉ đạo định hướng phù hợp với tình hình thực tế.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 của Tập đoàn, tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ nội dung của các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt hệ thống tổ chức kiểm soát và quản lý kiểm soát rủi ro của Tập đoàn, thực hiện đầy đủ, phù hợp việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính quý, năm theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

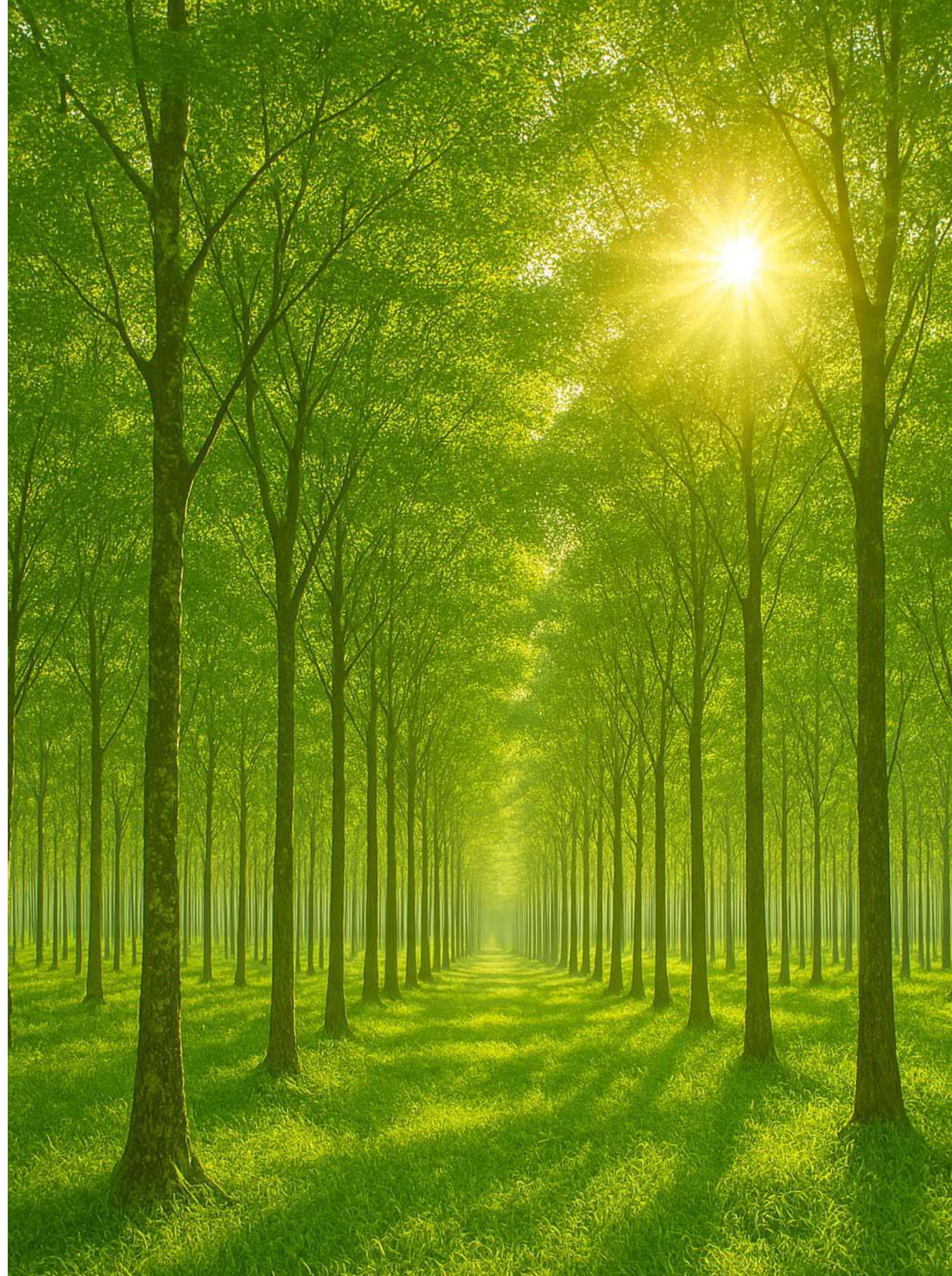
Hội đồng quản trị Tập đoàn đề nghị Ban Tổng giám đốc tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong thời gian qua, năng động, sáng tạo và linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để tiếp tục đưa Tập đoàn gặt hái được những thành tựu mới.

Trong năm 2024, Ban điều hành đã quyết tâm cao trong chỉ đạo và điều hành nên Tập đoàn đã vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch được giao qua các chỉ tiêu chính như bảng sau.

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Tổng doanh thu (thuần)	26.242
2	Lợi nhuận trước thuế	5.606
3	Nộp ngân sách	6.677

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2024





ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2021-2026 gồm có 7 thành viên. Trong đó có 2 thành viên độc lập. Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động quản trị công ty đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty.

VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ GIÁM SÁT

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHĐCĐ đề ra.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phân công, phân nhiệm cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tập đoàn theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ.
- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Tập đoàn và các cổ đông.
- Tập đoàn đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa người nội bộ Tập đoàn, người có liên quan của người nội bộ với Tập đoàn. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng trong việc giám sát hoạt động điều hành của Tập đoàn, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao.
- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2024 tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật.
- Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của cổ đông Tập đoàn.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Năm 2025 là năm cuối thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển trung hạn 5 năm (2021-2025) của các Đảng ủy/Chi bộ trực thuộc, tiến tới Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (Tập đoàn) nhiệm kỳ (2026-2030) nên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, tạo nền tảng, tiền đề cho việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn (2026-2030) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tập đoàn lần thứ X nhiệm kỳ

(2025-2030) và Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn (2021-2025) tại văn bản số 129/UBQLV-NN ngày 23/01/2025; Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn (2021-2025) tại văn bản số 2879/UBQLV-NN ngày 29/12/2023 đã được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt. Hội đồng quản trị (HĐQT) Tập đoàn yêu cầu Người đại diện vốn, HĐQT/HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các Ban tham mưu và các đơn vị thành viên tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2025 của Tập đoàn đã được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại văn bản số 129/UBQLV-NN ngày 23/01/2025 ngay từ những ngày đầu năm, tạo nền tảng vững chắc hoàn thành thắng lợi, toàn diện kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển 05 năm (2021-2025) đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt/chấp thuận/giao/thỏa thuận/có ý kiến. Các đơn vị thành viên phải đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2025 và định hướng các năm tiếp theo.
- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh và đầu tư nhằm nâng cao tối đa hiệu quả hoạt động SXKD, hiệu quả sử dụng vốn và phát triển bền vững của đơn vị, phấn đấu đạt mức tăng trưởng từ 10% hàng năm.
- Tổ chức thực hiện quyết liệt công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế khoa học, hoạt động hiệu lực, hiệu quả tại công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên theo đúng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn và Kết luận của Ban chỉ đạo đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy Tập đoàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị và quyết tâm giảm tỷ lệ lao động gián tiếp xuống còn 6%.
- Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Phát huy tính tích cực, chủ động, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, tiếp tục phân cấp cho HĐQT/HĐQT, Người đại diện vốn phù hợp với các quy định của pháp luật nhằm tạo sự chủ động gắn với trách nhiệm trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản, đất đai; quản lý công tác mua sắm, đấu thầu, có hiệu quả, tiết kiệm chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong hoạt động SXKD, đầu tư theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
- Tiếp tục tăng cường, đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động nhân sự theo hướng thực chất việc, bố trí đúng người, đúng việc, đúng năng lực, sở trường, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có khát vọng cống hiến, có sản phẩm cụ thể, có năng lực nổi trội, có triển vọng phát triển, ưu tiên cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, lựa chọn nhân sự đáp ứng chiến lược phát triển của Tập đoàn, có phẩm chất đạo đức, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, năng lực thực tiễn, kinh nghiệm công tác, uy tín và đủ sức khỏe để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo quy định của Đảng, Nhà nước và quy định pháp luật

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2025

đặc biệt là trong các lĩnh vực đầu tư mới như nông nghiệp công nghệ cao, khu/cụm công nghiệp.

- 6. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu theo quy định, mạnh dạn thay thế nhân sự không hoàn thành nhiệm vụ, né tránh công việc, không dám chịu trách nhiệm.
- 7. Tập trung phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển (R&D) và chuyển đổi số xem đây là nhiệm vụ chiến lược, trọng tâm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của Tập đoàn.
- 8. Thực hiện các thủ tục pháp lý theo các quyết định phê duyệt quy hoạch địa phương thời kỳ (2021-2030), tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng phê duyệt để xây dựng phương án nâng cấp, mở rộng, đầu tư mới, liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư, thuê lại, chuyển nhượng, thanh lý tài sản, thoái vốn... đối với các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực ngành nghề đăng ký kinh doanh của các đơn vị và Tập đoàn.
- 9. Chủ động đẩy mạnh tiếp thị, xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường, kênh phân phối, tiêu dùng. Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời xây

dựng và phát triển mạnh mẽ thương hiệu từng loại sản phẩm VRG trên thị trường.

- 10. Khuyến khích các đơn vị thành viên Tập đoàn sản xuất sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao trong tất cả các lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh của đơn vị và Tập đoàn. Phát triển quy trình sản xuất sản phẩm xanh, tuần hoàn, tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, xanh hóa quy trình sản xuất.
- 11. Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm giá thành, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý. Kiểm soát chặt chẽ giá thành không để vượt giá thành kế hoạch, đảm bảo hoàn thành và vượt chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận được giao, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định pháp luật.
- 12. Tập trung tích lũy tiềm lực tài chính, tăng cường công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản, đất đai, nguồn thu, dòng tiền, công nợ... đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động. Quản lý chặt chẽ và sử dụng nguồn vốn khấu hao tài sản cố định đúng quy định pháp luật hiện hành.

KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA CÔNG TY MẸ NĂM 2025

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu hợp nhất	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH 2025/TH 2024
1	Doanh thu và thu nhập khác	5.271	5.631	106,83%
2	LN trước thuế	2.354	2.381	101,15%
3	LN sau thuế	2.354	2.381	101,15%
4	Tổng vốn đầu tư	34	1.048	3.082,35%
4.1	Đầu tư XDCB	34	1.034	3.041,18%
4.2	ĐT tài chính	-	14	-
5	Chia cổ tức (4%/VĐL)	1.600	1.600	100%

KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2025

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu hợp nhất	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH 2025/TH 2024
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	28.739	30.452	105,96%
2	LN trước thuế	5.606	5.528	98,61%
3	LN sau thuế	4.827	4.780	99,03%
4	Nộp ngân sách	6.677	4.048	60,63%
5	Tổng vốn đầu tư	6.182	6.884	111,36%





KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2025

01 VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

Tiếp tục phối hợp với các địa phương để xây dựng quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất có nguồn gốc đất cao su; đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất theo quy định của Chính phủ.

03 VỀ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, công nghệ số, công nghệ xanh vào sản xuất và quản lý, quản trị để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

04 VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 CỦA CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN

- Tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để đảm bảo tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư trên 95% kế hoạch được thỏa thuận.

02 VỀ CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Tiếp tục thực hiện phương án sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên gắn với Đề án cơ cấu lại Tập đoàn giai đoạn đến hết năm 2025 đã được Ủy ban thỏa thuận.



05 VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

- Nhóm Người đại diện phần vốn nhà nước phối hợp với HĐQT Tập đoàn chỉ đạo, giám sát Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các công ty thành viên của Tập đoàn trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 của các đơn vị thành viên theo đúng quy định của pháp luật và quy chế quản lý vốn, tài sản có liên quan của Tập đoàn đảm bảo quản lý, sử dụng vốn đầu tư chặt chẽ, có hiệu quả, không để thất thoát vốn, tài sản của doanh nghiệp.
- Cân đối và chỉ đầu tư những hạng mục cần thiết, tránh đầu tư dàn trải; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án trọng điểm, có khả năng hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2025; thực hiện huy động các nguồn lực của doanh nghiệp theo đúng pháp luật.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế quản lý nội bộ, ... cho phù hợp với quy định hiện hành.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về các cuộc họp của HĐQT trong năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Công Kha	04/04	100%	
2	Ông Lê Thanh Hưng	04/04	100%	
3	Ông Trần Ngọc Thuận	01/04	25%	Ngày 28/6/2024, HĐQT đã thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm
4	Ông Hà Văn Khương	04/04	100%	
5	Ông Đỗ Hữu Phước	03/03	100%	Bổ nhiệm từ 17/6/2024
6	Ông Nguyễn Đông Phong	03/03	100%	Bổ nhiệm từ 17/6/2024
7	Ông Nguyễn Hay	04/04	100%	

Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập tiểu ban HĐQT



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, tình hình thực tế thị trường và đúng quy định pháp luật. Trong năm 2024, Ban điều hành đã quyết tâm cao trong chỉ đạo và điều hành nên Tập đoàn đã vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch được giao qua các chỉ tiêu chính toàn ngành như bảng sau.

Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh chính năm 2024

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	28.739
2	Lợi nhuận trước thuế	5.606
3	Nộp ngân sách	6.677

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2024

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQTCSVN	04/01/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
2	02/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
3	03/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
4	04/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
5	05/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
6	06/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
7	07/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	NQ về công tác cán bộ	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
8	08/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
9	09/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
10	10/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
11	11/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
12	12/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	87,50%
13	13/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
14	14/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
15	15/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
16	16/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
17	17/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
18	18/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
19	19/NQ-HĐQTCSVN	24/01/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
20	20/NQ-HĐQTCSVN	25/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
21	21/NQ-HĐQTCSVN	25/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
22	22/NQ-HĐQTCSVN	25/01/2024	NQ về tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
23	23/NQ-HĐQTCSVN	26/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
24	24/NQ-HĐQTCSVN	26/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
25	25/NQ-HĐQTCSVN	29/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
26	26/NQ-HĐQTCSVN	30/01/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
27	27/NQ-HĐQTCSVN	02/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
28	28/NQ-HĐQTCSVN	02/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
29	29/NQ-HĐQTCSVN	05/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
30	30/NQ-HĐQTCSVN	05/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
31	31/NQ-HĐQTCSVN	05/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
32	32/NQ-HĐQTCSVN	05/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
33	33/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
34	34/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
35	35/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
36	36/NQ-HĐQTCSVN	07/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
37	37/NQ-HĐQTCSVN	07/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
38	38/NQ-HĐQTCSVN	16/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
39	39/NQ-HĐQTCSVN	16/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
40	40/NQ-HĐQTCSVN	16/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
41	41/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
42	42/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
43	43/NQ-HĐQTCSVN	22/02/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
44	44/NQ-HĐQTCSVN	26/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
45	45/NQ-HĐQTCSVN	28/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
46	46/NQ-HĐQTCSVN	28/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
47	47/NQ-HĐQTCSVN	29/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
48	48/NQ-HĐQTCSVN	29/02/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
49	49/NQ-HĐQTCSVN	01/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
50	50/NQ-HĐQTCSVN	01/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
51	51/NQ-HĐQTCSVN	01/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
52	52/NQ-HĐQTCSVN	01/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
53	53/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2024	NQ về tài liệu chuẩn bị trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2024	100%
54	54/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
55	55/NQ-HĐQTCSVN	06/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
56	56/NQ-HĐQTCSVN	08/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
57	57/NQ-HĐQTCSVN	08/03/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
58	58/NQ-HĐQTCSVN	11/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
59	59/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
60	60/NQ-HĐQTCSVN	15/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
61	61/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
62	62/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	87,50%
63	63/NQ-HĐQTCSVN	19/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
64	64/NQ-HĐQTCSVN	20/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
65	65/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
66	66/NQ-HĐQTCSVN	22/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
67	67/NQ-HĐQTCSVN	22/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
68	68/NQ-HĐQTCSVN	22/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
69	69/NQ-HĐQTCSVN	25/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
70	70/NQ-HĐQTCSVN	26/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
71	71/NQ-HĐQTCSVN	26/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
72	72/NQ-HĐQTCSVN	27/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
73	73/NQ-HĐQTCSVN	29/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
74	76/NQ-HĐQTCSVN	29/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
75	77/NQ-HĐQTCSVN	29/03/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
76	78/NQ-HĐQTCSVN	29/03/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
77	79/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
78	80/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
79	81/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
80	82/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
81	83/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2024	NQ kỳ họp Quý I năm 2024 của HĐQT	100%
82	84/NQ-HĐQTCSVN	04/04/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
83	85/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
84	86/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
85	87/NQ-HĐQTCSVN	10/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
86	88/NQ-HĐQTCSVN	10/04/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
87	89/NQ-HĐQTCSVN	10/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
88	90/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
89	91/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
90	92/NQ-HĐQTCSVN	12/04/2024	NQ về gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
91	93/NQ-HĐQTCSVN	12/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
92	94/NQ-HĐQTCSVN	16/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
93	95/NQ-HĐQTCSVN	16/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
94	96/NQ-HĐQTCSVN	16/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
95	97/NQ-HĐQTCSVN	16/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
96	98/NQ-HĐQTCSVN	17/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
97	99/NQ-HĐQTCSVN	17/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
98	100/NQ-HĐQTCSVN	19/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
99	101/NQ-HĐQTCSVN	19/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
100	102/NQ-HĐQTCSVN	19/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
101	103/NQ-HĐQTCSVN	23/04/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
102	104/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2024	NQ về thời gian và hình thức tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024	100%
103	105/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
104	106/NQ-HĐQTCSVN	26/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
105	107/NQ-HĐQTCSVN	26/04/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
106	108/NQ-HĐQTCSVN	02/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
107	109/NQ-HĐQTCSVN	03/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
108	110/NQ-HĐQTCSVN	03/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
109	111/NQ-HĐQTCSVN	04/05/2024	NQ về công tác cán bộ	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
110	112/NQ-HĐQTCSVN	04/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
111	113/NQ-HĐQTCSVN	04/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
112	114/NQ-HĐQTCSVN	06/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
113	115/NQ-HĐQTCSVN	06/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
114	116/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
115	117/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
116	118/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
117	119/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
118	120/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
119	121/NQ-HĐQTCSVN	10/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
120	122/NQ-HĐQTCSVN	10/05/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
121	123/NQ-HĐQTCSVN	14/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
122	124/NQ-HĐQTCSVN	14/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
123	125/NQ-HĐQTCSVN	15/05/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
124	126/NQ-HĐQTCSVN	15/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
125	127/NQ-HĐQTCSVN	17/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
126	128/NQ-HĐQTCSVN	22/05/2024	NQ về tài liệu chuẩn bị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
127	129/NQ-HĐQTCSVN	22/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
128	130/NQ-HĐQTCSVN	23/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
129	131/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
130	132/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
131	133/NQ-HĐQTCSVN	29/05/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
132	134/NQ-HĐQTCSVN	29/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
133	135/NQ-HĐQTCSVN	30/05/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
134	136/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
135	137/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
136	138/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
137	139/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
138	140/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
139	141/NQ-HĐQTCSVN	06/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	80%
140	142/NQ-HĐQTCSVN	14/06/2024	NQ về công tác cán bộ	100%
141	143/NQ-HĐQTCSVN	14/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
142	144/NQ-HĐQTCSVN	14/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
143	145/NQ-HĐQTCSVN	14/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
144	148/NQ-HĐQTCSVN	18/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	80%
145	149/NQ-HĐQTCSVN	18/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
146	150/NQ-HĐQTCSVN	19/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
147	151/NQ-HĐQTCSVN	19/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
148	152/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
149	153/NQ-HĐQTCSVN	21/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
150	154/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
151	155/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
152	156/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
153	157/NQ-HĐQTCSVN	25/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
154	158/NQ-HĐQTCSVN	25/06/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
155	159/NQ-HĐQTCSVN	27/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
156	160/NQ-HĐQTCSVN	27/06/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
157	161/NQ-HĐQTCSVN	27/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
158	162/NQ-HĐQTCSVN	28/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
159	162A/NQ-HĐQTCSVN	28/06/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
160	163/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
161	164/NQ-HĐQTCSVN	05/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
162	165/NQ-HĐQTCSVN	05/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
163	166/NQ-HĐQTCSVN	08/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
164	167/NQ-HĐQTCSVN	09/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
165	168/NQ-HĐQTCSVN	09/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
166	169/NQ-HĐQTCSVN	09/07/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
167	170/NQ-HĐQTCSVN	09/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
168	171/NQ-HĐQTCSVN	10/07/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
169	171A/NQ-HĐQTCSVN	10/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
170	172/NQ-HĐQTCSVN	11/07/2024	NQ về phân công nhiệm vụ các TV HĐQT Tập đoàn, nhiệm kỳ 2021-2026	85,71%
171	173/NQ-HĐQTCSVN	12/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
172	174/NQ-HĐQTCSVN	12/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
173	175/NQ-HĐQTCSVN	12/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
174	176/NQ-HĐQTCSVN	12/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
175	177/NQ-HĐQTCSVN	15/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
176	178/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
177	179/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
178	180/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
179	181/NQ-HĐQTCSVN	19/07/2024	NQ kỳ họp Quý II năm 2024 của HĐQT	85,71%
180	182/NQ-HĐQTCSVN	22/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
181	183/NQ-HĐQTCSVN	22/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
182	184/NQ-HĐQTCSVN	22/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
183	185/NQ-HĐQTCSVN	24/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
184	186/NQ-HĐQTCSVN	30/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
185	186A/NQ-HĐQTCSVN	30/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
186	187/NQ-HĐQTCSVN	31/07/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
187	188/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
188	189/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
189	190/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
190	191/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
191	192/NQ-HĐQTCSVN	02/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
192	193/NQ-HĐQTCSVN	02/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
193	194/NQ-HĐQTCSVN	02/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
194	195/NQ-HĐQTCSVN	02/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
195	196/NQ-HĐQTCSVN	03/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
196	197/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
197	198/NQ-HĐQTCSVN	14/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
198	199/NQ-HĐQTCSVN	19/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
199	200/NQ-HĐQTCSVN	19/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
200	201/NQ-HĐQTCSVN	19/08/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
201	202/NQ-HĐQTCSVN	21/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
202	203/NQ-HĐQTCSVN	21/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
203	204/NQ-HĐQTCSVN	26/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
204	205/NQ-HĐQTCSVN	26/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
205	206/NQ-HĐQTCSVN	27/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
206	207/NQ-HĐQTCSVN	30/08/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
207	208/NQ-HĐQTCSVN	30/08/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
208	209/NQ-HĐQTCSVN	04/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	75%
209	210/NQ-HĐQTCSVN	06/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
210	211/NQ-HĐQTCSVN	09/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
211	212/NQ-HĐQTCSVN	11/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
212	213/NQ-HĐQTCSVN	11/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
213	214/NQ-HĐQTCSVN	16/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
214	215/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
215	216/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
216	217/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
217	218/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
218	219/NQ-HĐQTCSVN	25/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
219	220/NQ-HĐQTCSVN	27/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
220	221/NQ-HĐQTCSVN	30/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
221	222/NQ-HĐQTCSVN	30/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
222	223/NQ-HĐQTCSVN	30/09/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
223	224/NQ-HĐQTCSVN	02/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
224	225/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
225	226/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
226	227/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
227	228/NQ-HĐQTCSVN	04/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
228	229/NQ-HĐQTCSVN	04/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
229	230/NQ-HĐQTCSVN	08/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
230	231/NQ-HĐQTCSVN	09/10/2024	NQ kỳ họp Quý III năm 2024 của HĐQT	85,71%
231	232/NQ-HĐQTCSVN	14/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
232	233/NQ-HĐQTCSVN	17/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
233	234/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
234	235/NQ-HĐQTCSVN	23/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
235	236/NQ-HĐQTCSVN	23/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
236	237/NQ-HĐQTCSVN	23/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
237	238/NQ-HĐQTCSVN	23/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
238	239/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
239	240/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	NQ về trả cổ tức bằng tiền năm 2023	85,71%
240	241/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
241	242/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
242	243/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
243	244/NQ-HĐQTCSVN	25/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	57,14%
244	245/NQ-HĐQTCSVN	30/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
245	246/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
246	247/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
247	248/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
248	249/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
249	250/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
250	251/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
251	252/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
252	253/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
253	254/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
254	255/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
255	256/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
256	257/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
257	258/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
258	259/NQ-HĐQTCSVN	05/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	57,14%
259	260/NQ-HĐQTCSVN	08/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
260	261/NQ-HĐQTCSVN	08/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
261	262/NQ-HĐQTCSVN	08/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
262	263/NQ-HĐQTCSVN	12/11/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
263	264/NQ-HĐQTCSVN	18/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
264	265/NQ-HĐQTCSVN	19/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
265	266/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
266	267/NQ-HĐQTCSVN	29/11/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
267	268/NQ-HĐQTCSVN	29/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
268	269/NQ-HĐQTCSVN	29/11/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
269	270/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
270	271/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
271	272/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
272	273/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
273	274/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
274	275/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
275	276/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
276	277/NQ-HĐQTCSVN	09/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
277	278/NQ-HĐQTCSVN	09/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
278	279/NQ-HĐQTCSVN	11/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
279	279A/NQ-HĐQTCSVN	11/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	57,14%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
280	280/NQ-HĐQTCSVN	12/12/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
281	281/NQ-HĐQTCSVN	12/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
282	282/NQ-HĐQTCSVN	16/12/2024	NQ về công tác cán bộ	85,71%
283	283/NQ-HĐQTCSVN	17/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
284	284/NQ-HĐQTCSVN	17/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
285	285/NQ-HĐQTCSVN	17/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
286	286/NQ-HĐQTCSVN	17/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
287	287/NQ-HĐQTCSVN	18/12/2024	NQ kỳ họp Quý IV năm 2024 của HĐQT	85,71%
288	288/NQ-HĐQTCSVN	19/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
289	289/NQ-HĐQTCSVN	19/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
290	290/NQ-HĐQTCSVN	20/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
291	291/NQ-HĐQTCSVN	20/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
292	292/NQ-HĐQTCSVN	24/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
293	293/NQ-HĐQTCSVN	26/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
294	294/NQ-HĐQTCSVN	27/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
295	295/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
296	296/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
297	297/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
298	298/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
299	299/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
300	300/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
301	301/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
302	302/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
303	303/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
304	304/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
305	305/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
306	306/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
307	307/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
308	308/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
309	309/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
310	310/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Trong năm 2024, Ban kiểm soát thực hiện 04 kỳ họp theo qui định, cụ thể:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Văn Hải Em	4/5	100%	100%	Bỏ nhiệm từ 17/6/2024
2	Ông Đỗ Khắc Thăng	1/1	100%	100%	Miễn nhiệm từ 17/6/2024
3	Ông Võ Văn Tuấn	5/5	100%	100%	
4	Ông Nguyễn Minh Đức	5/5	100%	100%	

- Ngày 17/6/2024, Tập đoàn đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 qua đó miễn nhiệm KSV đối với Ông Đỗ Khắc Thăng để nghỉ hưu theo chế độ. Đại hội đã bầu bổ sung Kiểm soát viên nhiệm kỳ năm 2021 - 2026 đối với Ông Phạm Văn Hải Em.
- Cùng ngày Ban kiểm soát Tập đoàn đã họp và bầu Ông Phạm Văn Hải Em làm Trưởng Ban kiểm soát Tập đoàn nhiệm kỳ năm 2021 - 2026.

Hoạt động của ban kiểm soát năm 2024

Trong năm 2024, đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và quy định của pháp luật hiện hành, kết quả thực hiện như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Tập đoàn để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư. Qua đó, tham gia đóng góp ý kiến và đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Thẩm định báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Thực hiện Báo cáo tổng kết năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024 và Thẩm định Báo cáo hoạt động năm 2023 của Tập đoàn.
- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Giám sát việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn; việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các Quy chế, Quy định và Nghị quyết của Tập đoàn; các Thông báo, Quyết định điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội cổ đông bất thường và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Giám sát công tác xây dựng và giao kế hoạch của Tập đoàn cho các đơn vị trong năm 2024. Giám sát công tác lao động, tiền lương công ty mẹ-Tập đoàn và một số đơn vị thành viên.
- Giám sát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Hoạt động của ban kiểm soát năm 2024

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường của Tập đoàn theo đúng quy định của Luật Chứng khoán; của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thực hiện giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 một số đơn vị thuộc Tập đoàn.
- Tham gia các cuộc họp của tổ xây dựng, bổ sung Điều lệ Tổ chức hoạt động, các Quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị Tập đoàn trong việc giao kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024 cho Kiểm soát viên của 20 Công ty do Tập đoàn góp vốn 100%.
- Các công tác khác theo qui định.

KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024

Năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 75/NQ-ĐHĐCĐCSVN ngày 29/3/2024 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 147/NQ-ĐHĐCĐCSVN ngày 17/6/2024. Tập đoàn đã thực hiện các Nghị quyết, cụ thể như sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn theo số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Số thực hiện	Tỉ lệ TH/KH (%)
Hợp nhất toàn Tập đoàn				
1	Doanh thu và thu nhập	24.999	28.739,25	114,96
2	Lợi nhuận sau thuế	3.437	4.826,67	140,43
Riêng Công ty mẹ				
1	Doanh thu và thu nhập	3.988	5.271,21	132,18
2	Lợi nhuận sau thuế	1.454	2.353,53	161,87
3	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	3% (1.200)	4% (1.600)	133,33

Hợp nhất toàn Tập đoàn: Doanh tthu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 28.739,25 tỷ đồng và 4.826,67, đạt lần lượt 114,96% và 140,43% kế hoạch năm.

Riêng Công ty mẹ Tập đoàn: Doanh tthu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 5.271,21 tỷ đồng và 2.353,53 tỷ đồng, đạt 132,18% và 161,87% kế hoạch năm.

Tỷ lệ cổ tức dự kiến 4%: 1.600 tỷ đồng (đạt 133% so với kế hoạch năm)

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính, thẩm định số liệu trong báo cáo tài chính năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2024

2.1 Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023: Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của Tập đoàn và đã được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo Nghị quyết số 147/NQ-ĐHĐCĐCSVN ngày 17/6/2024.

2.2 Thẩm định Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2024

- Trên cơ sở Báo cáo tài chính được Ban điều hành cung cấp đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán.
- Báo cáo số 260325.001/BCTC.HCM ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về Báo cáo kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn đã ý kiến Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Báo cáo số 341/BCKT-TC/AVA-NV9 ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Công ty Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam về Báo cáo kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính hợp nhất đã ý kiến Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Ban kiểm soát thống nhất ý kiến với kết quả kiểm toán do kiểm toán viên độc lập trình bày.



Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, tuân thủ đúng quy định của pháp luật cũng như Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.
- Hội đồng quản trị Tập đoàn đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo đúng Điều lệ Tập đoàn và pháp luật hiện hành có sự thống nhất cao của các thành viên. Thực hiện nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tập đoàn, đồng thời đảm bảo kịp thời trong việc ra các quyết định đầu tư, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.



Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Ban Tổng giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Thực hiện nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tập đoàn. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp, để kịp thời đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị có những chỉ đạo định hướng phù hợp đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đã đề ra.
- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như sau:

Tại công ty mẹ Tập đoàn:

Tổng doanh thu và thu nhập 5.271.207.524.658 đồng, đạt 132,18% kế hoạch năm và bằng 132,43% cùng kỳ năm 2023.

Lợi nhuận sau thuế là 2.353.531.650.555 đồng, đạt 161,87% kế hoạch năm và bằng 164,23% cùng kỳ năm 2023.

Việc bảo toàn và phát triển vốn cổ đông năm 2024: Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024 là 44.529.492.179.837 đồng. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023 là 43.387.438.797.510 đồng. Vốn góp chủ sở hữu là 40.000.000.000.000 đồng. Hệ số bảo toàn vốn $H > 1$. Tập đoàn đã bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.

Hợp nhất toàn Tập đoàn: Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 28.739,25 tỷ đồng và 4.826,67, đạt lần lượt 114,96% và 140,43% kế hoạch năm.



Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch của các bên liên quan theo Nghị quyết 18/NQ-HĐQTCSVN ngày 23/01/2024 và văn bản 59/HĐQTCSVN-TCKT ngày 23/01/2024 được trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã được Tập đoàn công bố thông tin theo quy định.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông được phối hợp trên nguyên tắc vì sự ổn định, phát triển bền vững của Tập đoàn và đảm bảo quyền lợi của cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp và tham gia đóng góp ý kiến liên quan đến nhận diện và cảnh báo rủi ro trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Hội đồng quản trị tiếp thu các ý kiến đóng góp và đề xuất của Ban kiểm soát để công tác lãnh đạo, chỉ đạo quản trị điều hành đạt hiệu quả cao nhất.

KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS ĐỐI VỚI NĂM 2025

1. Kiểm tra/Giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Tập đoàn, Luật Doanh nghiệp, các qui định khác.
2. Kiểm tra/Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD.
3. Giám sát việc xây dựng kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn.
4. Rà soát giao dịch với người có liên quan (nếu có) thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ; giám sát công tác công bố thông tin tại Công ty mẹ Tập đoàn.
5. Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (nếu có) phù hợp với quy định tại Điều lệ, của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành; đề xuất ĐHĐCĐ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
6. Lập báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện.
7. Thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2024; Báo cáo tài chính bán niên năm 2025.
8. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn và một số đơn vị thành viên.
9. Các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ khi cần thiết.

Đơn vị: đồng

STT	Họ Và Tên	Chức vụ	Thù lao
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông Trần Công Kha	Chủ tịch HĐQT	1.261.045.490
2	Ông Lê Thanh Hưng	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	1.266.016.449
3	Ông Hà Văn Khương	Thành viên HĐQT	1.120.929.325
4	Ông Nguyễn Hay	Thành viên HĐQT	168.139.399
5	Ông Đỗ Hữu Phước	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 17/06/2024)	1.120.929.325
6	Ông Nguyễn Đông Phong	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 17/06/2024)	91.075.508
7	Ông Trần Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT (Từ nhiệm từ ngày 28/06/2024)	551.123.585
8	Ông Huỳnh Văn Bảo	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/03/2024)	280.232.331
9	Ông Phạm Văn Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/03/2024)	280.232.331
10	Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/03/2024)	42.034.850
II BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	1.120.929.325
2	Ông Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	1.120.929.325
3	Ông Lê Đình Bửu Trí	Phó Tổng Giám đốc	1.120.929.325
4	Ông Phạm Hải Dương	Phó Tổng Giám đốc	1.120.929.325
5	Ông Huỳnh Kim Nhựt	Phó Tổng Giám đốc	1.120.929.325
III BAN KIỂM SOÁT			
1	Ông Phạm Văn Hải Em	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 17/06/2024) Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 17/06/2024)	1.015.842.201
2	Ông Đỗ Khắc Thăng	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 17/06/2024)	465.594.342
3	Ông Nguyễn Minh Đức	Kiểm soát viên	152.376.330
4	Ông Võ Văn Tuấn	Kiểm soát viên	152.376.330
TỔNG CỘNG			9.756.463.758

**XÁC LẬP****QUẢN LÝ****THỰC THI****ĐẢM BẢO**

QUẢN TRỊ RỦI RO là một trong những hoạt động thường xuyên và quan trọng nhất của doanh nghiệp, đặc biệt là trong môi trường đầy cạnh tranh và biến động như hiện nay. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trải rộng trên nhiều địa bàn kể cả ở nước ngoài, một số sản phẩm chiếm thị phần lớn ở thị trường trong nước. Vì vậy, có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Các nhóm rủi ro sau được phân loại và đánh giá có khả năng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững và chiến lược kinh doanh dài hạn của Tập đoàn, do đó được tập trung theo dõi, giám sát thường xuyên và thực hiện các biện pháp để phòng quản lý rủi ro một cách hợp lý.

RỦI RO	NHẬN DIỆN RỦI RO	ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO
NHÓM RỦI RO KINH TẾ - THỊ TRƯỜNG		
Tăng trưởng kinh tế và nhu cầu tiêu thụ	» Tình trạng lạm phát cao dai dẳng và chính sách tiền tệ thắt chặt được áp dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới. » Sự phục hồi chậm chạp của nền kinh tế thế giới được cho là do ảnh hưởng kéo dài của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine. » Nhu cầu cao su tự nhiên trên toàn cầu trong năm 2024 tăng trưởng ở mức khiêm tốn là 1.8% so với năm 2023, phản ánh những khó khăn và thách thức mà ngành cao su đang phải đối mặt do tình hình kinh tế thế giới không mấy khả quan.	» Theo dõi chặt chẽ các biến động kinh tế để đưa ra các kịch bản dự báo, đảm bảo tính ổn định và tiên tục của hoạt động kinh doanh. » Thực hiện các nghiên cứu, đánh giá về xu hướng giá cả nguyên vật liệu, theo dõi biến động giá để có sự chủ động, tính toán toàn diện trong quá trình đấu thầu dự án và đặt đơn hàng cung ứng.
Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào	» Giá cao su trên thị trường thế giới cũng như Việt Nam đã có sự phục hồi mạnh mẽ trong năm 2024, đến từ việc thắt chặt nguồn cung và nhu cầu tăng từ các nước tiêu thụ lớn như Trung Quốc và Mỹ. » Giá cao su thiên nhiên năm 2024 chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: (1) Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại; (2) Căng thẳng địa chính trị gia tăng; (3) Chính sách tiền tệ thắt chặt của các nước lớn; (4) Cân đối cung – cầu cao su tự nhiên trên thị trường thế giới có sự thay đổi; (5) Giá dầu thô biến động mạnh; (6) Thời tiết không thuận lợi và dịch bệnh trên cây cao su ở một số khu vực	» Nâng cao năng lực và kỹ thuật thi công, đầu tư nguồn lực vào các dự án chuyển đổi số để quản lý giá thành, gia tăng thế mạnh cạnh tranh. » Đẩy mạnh phát triển mở rộng sang lĩnh vực phát triển các đại đô thị, hạ tầng thông qua tận dụng danh mục dự án và mạng lưới quan hệ của Tập đoàn.
Rủi ro tài chính và tỷ giá	» Những thay đổi trong chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), cũng như các yếu tố liên quan đến tình hình kinh tế vĩ mô trong nước của Việt Nam, có thể ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu. » Chính sách tiền tệ thận trọng tiếp tục duy trì, lãi suất cho vay vẫn có xu hướng tăng lên do chịu áp lực từ lạm phát. Việc này làm gia tăng đáng kể chi phí vốn vay của VRG, đặc biệt là các khoản vay bằng ngoại tệ, gây áp lực lên chi phí tài chính của Tập đoàn. Mặc dù sử dụng nguồn vốn vay khá thấp, tuy nhiên biến động lãi suất cũng ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh Tập đoàn.	» Cân nhắc sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý và an toàn. » Thiết lập mối quan hệ với nhiều tổ chức tín dụng, đa dạng hóa nguồn huy động. » Chủ động xem xét, đánh giá tình hình tài chính tại từng thời điểm, tính thanh khoản của từng dự án... để có phương án phòng ngừa rủi ro.

RỦI RO	NHẬN DIỆN RỦI RO	ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO
NHÓM RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Rủi ro pháp lý và chính sách	VRG hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trải rộng trên nhiều địa bàn trong và ngoài nước. Do đó, Tập đoàn luôn đối mặt với các rủi ro liên quan đến thay đổi chính sách pháp luật, đặc biệt trong các lĩnh vực: » Quản lý đất đai và môi trường: - Quy định chặt chẽ về quản lý đất đai và bảo vệ môi trường, đặc biệt trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang khu công nghiệp. - Tiêu chuẩn phát triển bền vững và chứng chỉ rừng (như FSC) ngày càng quan trọng để đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế. » Chính sách thương mại quốc tế: - Các hiệp định thương mại như EVFTA, CPTPP, VPA/ FLEGT yêu cầu khắt khe về nguồn gốc xuất xứ và chứng nhận sản phẩm bền vững. - Dòng vốn FDI: Một số doanh nghiệp FDI đã trì hoãn hoặc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vào Việt Nam do lo ngại về sự bất ổn trong chính sách thương mại của Mỹ.	» Xây dựng Ban pháp chế thanh tra phụ trách nghiên cứu vận dụng các quy định mới để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả trên tinh thần thượng tôn pháp luật. » Đề cao việc áp dụng và tuân thủ các chính sách, quy trình nội bộ, tiêu chuẩn ISO nhằm kiểm soát tính tuân thủ.
Rủi ro khí hậu	» Hiện tượng El Nino năm 2024 tại Việt Nam đã dẫn đến tình trạng hạn hán kéo dài trên diện rộng, đặc biệt nghiêm trọng ở khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ. Tình trạng thiếu nước này đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây cao su, từ đó gây ra những tác động tiêu cực, làm giảm năng suất thu hoạch mủ cao su. » Bên cạnh những ảnh hưởng của hạn hán, tình hình dịch bệnh trên cây trồng cũng cho thấy những diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Các loại bệnh hại phổ biến trên cây cao su, chẳng hạn như bệnh phấn trắng và bệnh rụng lá mùa mưa, có xu hướng gia tăng và gây hại nghiêm trọng hơn trong điều kiện thời tiết bất lợi, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cây.	» Thực hiện các nghiên cứu và phân tích để xác định mức độ rủi ro do biến đổi khí hậu đối với cây cao su. » Áp dụng các phương pháp nông nghiệp bền vững nhằm tăng năng suất cũng như giảm mầm bệnh. » Đầu tư vào nghiên cứu khoa học và phát triển giống cây có khả năng chống chịu tốt hơn với điều kiện thời tiết khắc nghiệt và dịch bệnh.

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp Phát triển bền vững

Mục tiêu Phát triển bền vững

Tiêu chí Phát triển bền vững

Gắn kết với các bên liên quan

Chiến lược hành động





THÔNGIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“Với mục tiêu hướng đến phát triển bền vững, đạt được tăng trưởng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, tiến tới góp phần xây dựng nền kinh tế các bon thấp, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính”

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp – chuyên trồng cây cao su thiên nhiên đồng thời phát triển các khu công nghiệp theo định hướng xanh và bền vững, Tập đoàn nhận thức sâu sắc rằng mỗi hoạt động sản xuất kinh doanh đều có khả năng tác động đến môi trường tự nhiên, đời sống xã hội và cộng đồng xung quanh. Với sứ mệnh kiến tạo giá trị bền vững từ thiên nhiên, chúng tôi không ngừng nỗ lực để mang đến những đóng góp tích cực cho xã hội, cùng nhau tạo nên cuộc sống tốt đẹp hơn và hình thành diện mạo phát triển hài hòa tại các khu vực mà chúng tôi hiện diện. Chúng tôi cam kết theo đuổi chiến lược phát triển bền vững thông qua những hoạt động chủ đạo sau:

1. Khai thác và sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả: Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình canh tác cây cao su, ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối. Đồng thời, tối ưu hóa việc sử dụng đất đai, nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác nhằm giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái.

2. Phát triển các khu công nghiệp xanh, thông minh: Với vai trò nhà phát triển khu công nghiệp, chúng tôi xây dựng các khu công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, tích hợp các giải pháp thông minh trong quản lý năng lượng, xử lý chất thải, và đảm bảo tiện ích phục vụ doanh nghiệp lẫn cộng đồng cư dân.

3. Gắn kết và đồng hành cùng cộng đồng: Tích cực tổ chức các chương trình hỗ trợ cộng đồng từ hoạt động bảo vệ rừng, giữ gìn hệ sinh thái, đến các chương trình giáo dục, y tế, và nâng cao chất lượng sống cho người dân tại khu vực sản xuất và đầu tư.

4. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường hiệu quả: Chúng tôi liên tục cải tiến hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, giảm phát thải khí nhà kính và mở rộng ứng dụng năng lượng sạch trong toàn bộ chuỗi giá trị – từ nông trại đến nhà máy, từ sản xuất đến khu công nghiệp.

5. Đối thoại thường xuyên với các bên liên quan: Duy trì kênh liên lạc mở với chính quyền, người dân, khách hàng và đối tác để cập nhật, điều chỉnh chiến lược phát triển sao cho phù hợp với kỳ vọng của cộng đồng và hướng đi bền vững của doanh nghiệp.

Tập đoàn tin rằng sự thịnh vượng của doanh nghiệp phải gắn liền với sự cân bằng sinh thái và phúc lợi xã hội. Từ cây cao su đến khu công nghiệp, mọi bước đi của chúng tôi đều hướng đến một tương lai xanh – hài hòa giữa kinh tế, con người và thiên nhiên.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia đã cam kết với Chương trình nghị sự của Liên Hiệp Quốc đến năm 2030, tuân thủ chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 với tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai các hoạt động trên cơ sở Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của Tập đoàn giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2050 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam nhằm đạt được tăng trưởng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, tiến tới góp phần xây dựng nền kinh tế các bon thấp, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính.

Trong đó tập trung vào các mục tiêu sau:

- Tiếp tục triển khai các giải pháp giảm cường độ phát thải khí nhà kính;
- Đẩy mạnh phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo;
- Duy trì và thực hiện chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống VFCS/PEFC-FM và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC;
- Thực hiện chứng nhận Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam; Tiếp tục xây dựng và thực hiện Lộ trình tái kết nối với Hội đồng quản lý rừng (FSC);
- Theo dõi và hỗ trợ các đơn vị thành viên triển khai các hoạt động nhằm thích ứng với EUDR;
- Tiếp tục nghiên cứu và tham mưu thực hiện tín chỉ các-bon tiến tới thương mại hóa tín chỉ các-bon rừng cây cao su;
- Tiếp tục hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (NGOs) nhằm tăng cường thực hiện kết nối cộng đồng và bình đẳng giới tại nơi làm việc;
- Tiếp tục nâng cao nhận thức và truyền thông về Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của Tập đoàn đồng thời đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.





TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



STT	Mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc và Việt Nam đến 2030	Cam kết của VRG về thực hiện SDGs
	Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi	Bảo đảm lương và thu nhập của người lao động cao hơn mức tối thiểu trong vùng theo quy định của quốc gia.
	Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững	Đảm bảo không có người lao động nào bị đói. Thực hiện quy trình sản xuất bền vững và đầu tư có trách nhiệm, tăng năng suất, cải thiện thu nhập. Tạo điều kiện đa dạng cây trồng, phát triển nông lâm kết hợp góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho người lao động và cộng đồng địa phương. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến tiến bộ khoa học công nghệ, sử dụng bộ giống và kỹ thuật thích hợp có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, không làm mất đa dạng sinh học, đa dạng di truyền để tạo tuyển giống cây cao su tiến bộ liên tục, cải tạo đất với giải pháp thân thiện, không sử dụng hóa chất bị cấm. Hỗ trợ hộ cao su tiêu diễn qua đào tạo, mua mủ cao su với giá cạnh tranh, áp dụng hợp đồng trong sản xuất và tiêu thụ theo pháp luật và chính sách phát triển bền vững. Hạn chế rủi ro do biến động về giá và thị trường. Đạt được chứng nhận về phát triển bền vững, đầu tư có trách nhiệm, đảm bảo chất lượng và uy tín trong thương mại.

	Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi	Tất cả người lao động được khám sức khỏe định kỳ, phòng chữa bệnh kịp thời, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh. Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ chế độ theo pháp luật. Hỗ trợ thân nhân của người lao động trong phòng chống, chữa bệnh. Đóng góp xây dựng trạm y tế, bệnh viện trong vùng dự án cho người lao động và cộng đồng địa phương. Xử lý tốt các loại chất thải; không gây ô nhiễm môi trường. Tập huấn và trang bị đầy đủ để đảm bảo an toàn lao động. Sản phẩm an toàn cho người sử dụng.
	Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người	Đào tạo cho người lao động để thực hành tốt công việc và tăng năng suất. Tạo điều kiện được học tập suốt đời để nâng cao kỹ năng làm việc và hòa nhập với chuyển biến của xã hội, xu thế phát triển bền vững. Tạo điều kiện, đóng góp và khuyến khích việc học tập cho con em của người lao động.
	Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái	Không phân biệt giới trong chính sách tuyển dụng lao động, trả lương, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, đảm bảo quyền lợi nữ lao động theo pháp luật. Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của phụ nữ và cơ hội bình đẳng để lãnh đạo ở tất cả các cấp. Tăng cường công nghệ, thiết bị để tạo thuận lợi cho công việc giao phụ nữ phụ trách. Không sử dụng lao động trẻ em.
	Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người	Tạo nguồn nước sạch an toàn và giá cả phù hợp cho người lao động, chú ý đến nhu cầu của phụ nữ và người yếu thế. Không tác hại đến chất lượng nước (không xả rác thải, hóa chất, vật liệu độc hại vào nguồn nước). Tiết kiệm nước, xử lý nước thải theo tiêu chuẩn quốc gia và tái sử dụng nước ở mức đáng kể. Bảo vệ nguồn nước qua phục hồi hệ sinh thái (rừng, sông suối, nước ngầm, hồ chứa...). Kết nối cộng đồng địa phương để duy trì, cải thiện, quản lý nguồn nước sạch.
	Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người	Tăng cường áp dụng năng lượng sạch, tái tạo, hiệu quả, bền vững (sử dụng ánh sáng tự nhiên, điện mặt trời, dầu DO thay dầu diesel, năng lượng biomass...) với giá cả phù hợp trong chuỗi cung ứng và trong sinh hoạt của các gia đình người lao động.
	Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người	Cải tiến quản lý và kỹ thuật liên tục, tạo năng suất cao, giá trị gia tăng và bền vững cho rừng cây cao su, các nhà máy và cho người lao động với mức thu nhập cao hơn trung bình cùng ngành nghề trong khu vực. Xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức và lao động trẻ em. Đảm bảo quyền lợi của người lao động theo pháp luật và theo Công ước Lao động quốc tế (ILO).



TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới

Đảm bảo các công trình cơ sở hạ tầng có chất lượng, bền vững, thân thiện với môi trường, khả năng chống chịu cao, được sửa chữa kịp thời, sử dụng công bằng, hợp lý. Hỗ trợ phát triển kinh tế và phúc lợi tập thể. Thúc đẩy công nghiệp hóa qua phát triển sản phẩm cao su và sản phẩm gỗ cao su có giá trị gia tăng cao.



Giảm bất bình đẳng trong xã hội

Đảm bảo cơ hội bình đẳng, không phân biệt đối xử, áp dụng nguyên tắc đối xử đặc biệt theo quy định của pháp luật. Tăng cường kết nối cộng đồng, tôn trọng quyền của phụ nữ và nhóm người yếu thế.



Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng

Xây dựng, tạo không gian xanh cho khu nhà ở của người lao động và cơ sở làm việc với các hệ thống tiện ích an toàn, giá cả hợp lý, quy hoạch phù hợp, dễ tiếp cận, không phát thải gây ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh.



Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững

Áp dụng quy trình sản xuất bền vững, kỹ thuật tốt nhất theo quy định, hạn chế hoặc không đốt lửa trong rừng cao su, giám sát và báo cáo các đám cháy. Nghiên cứu và đào tạo để cải tiến kỹ thuật liên tục. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường, kiểm soát và hạn chế sử dụng hóa chất, tái chế, tái sử dụng, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và xử lý chất thải theo quy định. Phấn đấu đạt chứng nhận bền vững của ISO, CSI 100, PEFCFM, PEFC-CoC, FSC, Ecovadis... cho mặt hàng cao su thiên nhiên, gỗ cao su và sản phẩm cao su. Có kế hoạch và quản lý diện tích, sản lượng cao su qua bản đồ số (GIS). Có chính sách mua sắm bền vững, phù hợp với chính sách quốc gia và hệ thống chứng nhận chọn lọc.



Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai

Nghiên cứu cải tiến liên tục quy trình kỹ thuật và bộ giống cao su chống chịu tốt với biến đổi khí hậu. Đánh giá rủi ro và xây dựng phương án thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu và khắc phục tác hại do thiên tai.



Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững

Tham gia ủng hộ các hoạt động, truyền thông về bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn lợi biển. Tuyên truyền, hướng dẫn người lao động ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm biển, không sử dụng, không tiêu thụ sản phẩm từ biển liên quan đến các hoạt động tác hại biển bị pháp luật ngăn cấm.



Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất

Xây dựng và thực hiện các phương án quản lý rừng cao su bền vững, giám sát (qua GIS) và có báo cáo về quản lý rừng; ngăn chặn phá rừng, mất rừng, chuyển đổi hệ sinh thái tự nhiên từ sau năm 2015; phục hồi và bảo tồn rừng, hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; đánh giá trữ lượng carbon và giá trị bảo tồn cao; cấm săn bắt, mua bán, tiêu thụ sản phẩm rừng bất hợp pháp. Không trồng cao su, khai thác trên đất than bùn ở bất cứ độ sâu nào. Bảo vệ hành lang sông suối. Áp dụng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp. Giảm thiểu hóa chất và không sử dụng hóa chất cấm. Các nhà cung ứng phải thực hiện quy tắc này. Thực hiện lộ trình đến 2030 có chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc gia và quốc tế (VFCS, PEFC, FSC) cho tất cả diện tích cao su của Tập đoàn tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Đánh giá, báo cáo tác động xã hội và môi trường theo quy định.



Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp

Tham gia ủng hộ các chính sách và hoạt động của Chính phủ và các tổ chức có liên quan đến mục tiêu này. Phòng chống tham nhũng và hối lộ. Xây dựng thể chế minh bạch, hiệu quả ở các cấp. Tôn trọng quyền hợp pháp và chính đáng của cộng đồng và các bên liên quan được Việt Nam cam kết với Liên Hợp Quốc và các công ước quốc tế (ILO).



Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

Cải tiến hệ thống quản trị nội bộ, Có quy trình xử lý khiếu nại. Xây dựng báo cáo theo quy định quốc gia, hướng đến báo cáo theo tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường quan hệ, hợp tác với nhiều tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm huy động, chia sẻ kiến thức, công nghệ, nguồn lực và nâng cao năng lực để đạt các mục tiêu phát triển bền vững.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

3

Nhóm Chiến lược

PHÁT TRIỂN ƯU TIÊN TRONG GIAI ĐOẠN 2022-2026

Tiếp nối kết quả Chương trình PTBV trong giai đoạn 2019-2023, năm 2024 Tập đoàn đã tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường các giải pháp sản xuất sạch hơn, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tái tạo, thực hành tiết kiệm. Bước sang năm 2025, Tập đoàn sẽ tập trung vào các mục tiêu sau:

01

Tiếp tục triển khai các giải pháp giảm cường độ phát thải khí nhà kính; Đẩy mạnh phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo

02

Duy trì và thực hiện chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống VFCS/PEFC-FM và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC;
Thực hiện chứng nhận Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam;
Tiếp tục xây dựng và thực hiện Lộ trình tái kết nối với Hội đồng quản lý rừng (FSC);
Theo dõi và hỗ trợ các đơn vị thành viên triển khai các hoạt động nhằm thích ứng với EUDR;
Tiếp tục nghiên cứu và tham mưu thực hiện tín chỉ các-bon tiến tới thương mại hóa tín chỉ các-bon rừng cây cao su.

03

Tiếp tục hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (NGOs) nhằm tăng cường thực hiện kết nối cộng đồng và bình đẳng giới tại nơi làm việc;
Tiếp tục nâng cao nhận thức và truyền thông về Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững của Tập đoàn đồng thời đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2025



Giảm cường độ phát thải khí nhà kính

- Mục tiêu giảm mức phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng ít nhất 4% so với định mức sử dụng năng lượng năm 2023 trong phạm vi hoạt động phát thải khí nhà kính (KNK) của việc sử dụng năng lượng.
- Triển khai công cụ kiểm kê khí nhà kính trên toàn Tập đoàn xác định lượng phát thải/hấp thụ toàn Tập đoàn.
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn nội bộ về kiểm kê khí nhà kính phù hợp với ISO 14064 và các tiêu chuẩn quốc tế.



Xanh hóa chuỗi cung ứng

- a) Xây dựng và thực hiện Lộ trình tái kết nối với Hội đồng Quản lý Rừng (FSC)**
- Tích cực làm việc với FSC, đơn vị tư vấn nhằm đẩy nhanh tiến trình thực hiện hướng đến Lộ trình tái kết nối với FSC, cụ thể hóa nội dung trong lộ trình, tính khả thi trong việc thực hiện các bước tiếp theo của Điều khoản tham chiếu (ToR) để có phương án và lộ trình thực hiện phù hợp.
- b) Thực hiện Chứng nhận của quốc gia và quốc tế về quản lý bền vững rừng cao su và nhà máy chế biến**
- Tiếp tục theo dõi và hỗ trợ các đơn vị đang triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững nhằm đáp ứng Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững và Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; Chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống VFCS/PEFC-FM và Chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (PEFC-CoC).
- Mục tiêu đến cuối năm 2025, Tập đoàn có 56-60% diện tích cao su tại Việt Nam đạt chứng nhận quản lý rừng bền vững (VFCS/PEFC-FM) và 80%-85% nhà máy chế biến mủ cao su tại Việt Nam, Lào và Campuchia đạt chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (PEFC-CoC).
- Khuyến khích các Công ty tiếp tục tự triển khai thêm diện tích chưa thực hiện Chứng chỉ quản lý rừng bền vững (ngoài kế hoạch Tập đoàn giao) để hoàn chỉnh hệ thống quản lý. Xây dựng và triển khai các giải pháp quảng bá, tiếp thị sản phẩm là mủ và gỗ cao su có chứng chỉ quản lý rừng bền vững.
- Tăng cường quảng bá rộng rãi kết quả thực hiện Chứng chỉ quản lý rừng bền vững nhằm được sự thừa nhận của các đơn vị tiêu thụ trực tiếp các sản phẩm, dịch vụ có liên quan và nâng cao giá trị chứng chỉ đã đạt được. Phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền để giới thiệu, nâng tầm giá trị các chứng chỉ đến khách hàng trực tiếp sử dụng sản phẩm dịch vụ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục tập trung đeo bám và quyết liệt để đạt mục tiêu các đơn vị có chứng chỉ rừng bền vững được hưởng dịch vụ môi trường rừng theo Luật lâm nghiệp.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2025



Xanh hóa chuỗi cung ứng

c) Thực hiện Chứng nhận về doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam

Hỗ trợ các công ty thành viên chuẩn bị và hoàn thành hồ sơ đăng ký theo chương trình. Mục tiêu cuối năm 2025, phấn đấu duy trì số lượng 14-16 đơn vị đạt Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2025, trong đó có 1 đơn vị đạt Top 10 nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu của công ty thành viên và của Tập đoàn.

d) Thực hiện Chứng nhận đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo EcoVadis

Tích cực triển khai thực hiện chứng nhận đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo EcoVadis cho Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam để đáp ứng nhu cầu của khách hàng sản xuất lốp xe.

e) Nghiên cứu và tham mưu thực hiện tín chỉ các-bon

Nghiên cứu, tìm hiểu thông tin và tham mưu đề xuất hướng thực hiện về trữ lượng các-bon cho rừng cây cao su Tập đoàn nhằm đánh giá trữ lượng các-bon của rừng cây cao su để hướng tới thương mại hóa tín chỉ các-bon trong tương lai.

Tìm kiếm các đối tác phù hợp để thực hiện thí điểm đánh giá tiềm năng thực hiện tín chỉ các-bon tại 01-02 đơn vị thành viên, tập trung vào diện tích rừng cao su có giá trị hấp thụ các-bon cao. Tăng cường hợp tác với các tổ chức/đối tác quốc tế (PEFC, Oxfam, Hiệp hội cao su Lào/ Campuchia, ...) để nghiên cứu và hướng tới tham gia thị trường các-bon.

f) Theo dõi và tham mưu về dự luật chống phá rừng và suy thoái rừng (EUDR)

Tiếp tục theo dõi các hướng dẫn về đạo luật chống phá rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR). Theo dõi và hỗ trợ các đơn vị thành viên đã và đang triển khai các hoạt động nhằm thích ứng với EUDR. Mục tiêu đến cuối năm 2025, tất cả công ty thành viên hoàn thành xây dựng hệ thống DDS (Due Diligence System) và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Mục tiêu hoàn thành 100% chứng nhận PEFC-EUDR-DDS đối với các công ty đã đạt Chứng chỉ quản lý rừng bền vững trong tháng 3/2025, đến tháng 5/2025 hoàn thành thực hiện Hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS) và Chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (PEFC-CoC) và hoàn thành xây dựng hồ sơ đáp ứng yêu cầu của EUDR cho các công ty thành viên tại Lào và Campuchia.

g) Thực hiện các giải pháp về phát triển bền vững

- Tăng cường tiếp thị sản phẩm có chứng chỉ quản lý rừng bền vững

Ngoài một số khách hàng mà Tập đoàn đang có mối quan hệ chặt chẽ, tiếp tục xây dựng một số kế hoạch hoạt động về tiếp thị sản phẩm có chứng nhận, cụ thể:

Tiếp thị, cung cấp danh sách các đơn vị thành viên của Tập đoàn có Chứng chỉ quản lý rừng bền vững đến khách hàng cao su mà Tập đoàn đang giao dịch, tích cực tham gia các Hội chợ, các đoàn xúc tiến thương mại của chính phủ, bộ, ngành, hiệp hội, ...

Phối hợp với PEFC và Văn phòng chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCO) giới thiệu thêm các đơn vị thành viên đã đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững lên website của PEFC và VFCO, các kênh kết nối, giới thiệu từ tổ chức PEFC đến các khách hàng có nhu cầu tiêu thụ sản phẩm mủ và gỗ cao su thiên nhiên có chứng nhận VFCS/PEFC; Tham gia một số hoạt động nhằm quảng bá hình ảnh và thương hiệu Tập đoàn tại Tuần lễ PEFC do PEFC và VFCO phối hợp tổ chức.

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thành viên đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm có chứng chỉ.

- Triển khai thực hiện dự án GIS.VRG trong quản lý rừng bền vững:

Tiếp tục các bước thực hiện Dự án “Xây dựng hệ thống thông tin địa lý quản lý cơ sở dữ liệu đất đai vườn cây cao su Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GIS.VRG)” trong quản lý rừng bền vững, mục tiêu đến cuối năm 2026 sẽ hoàn thành dự án nhằm hướng tới mục tiêu quản lý toàn bộ diện tích Tập đoàn bằng công nghệ số và viễn thám.



Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm và nâng cao năng lực chống chịu

Tiếp tục phối hợp với tổ chức Oxfam tại Việt Nam, Campuchia, Lào để thực hiện các hoạt động: Đào tạo về giới cho lãnh đạo cấp cao của các công ty tại Campuchia và VRG; kết nối cộng đồng và thực hiện bình đẳng giới tại nơi làm việc; Tổ chức tham quan học tập về bình đẳng giới tại công ty điển hình do Oxfam đề xuất cho các công ty thành viên... và tổ chức giám sát việc thực hiện, đánh giá, tổng kết và tuyên truyền phổ biến kết quả đạt được.

Phối hợp với các tổ chức phi chính phủ (NGOs) đào tạo, tập huấn và thực hiện tham vấn cộng đồng theo quy định và nguyên tắc quốc tế, phương án quản lý rừng bền vững, đầu tư an sinh xã hội, bảo tồn và phục hồi rừng, quản lý tài nguyên nước, bảo vệ đất chống xói mòn, xử lý chất thải... Có cơ chế tiếp nhận, xử lý các phản ánh, khiếu nại của cộng đồng địa phương. Tôn trọng quyền hợp pháp của các bên liên quan.

Tiếp tục đầu tư an sinh xã hội cho người lao động và cộng đồng địa phương theo nhu cầu thực tế, đồng thuận của địa phương và phù hợp với nguồn lực, kế hoạch của đơn vị. Tạo điều kiện cải thiện sinh kế, đời sống và góp phần bảo đảm an ninh lương thực tại địa phương.

Đảm bảo trả lương đúng, đủ cho người lao động theo quy định với mức lương bình quân tương đương hoặc cao hơn mức lương tối thiểu trong vùng. Tất cả người lao động được ký hợp đồng, được cấp trang phục, vật dụng bảo hộ và an toàn lao động, được chăm lo sức khỏe và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Hỗ trợ nhà ở cho một số công nhân ở vùng sâu vùng xa. Tổ chức đào tạo người lao động để thực hành tốt, nâng cao năng suất và chất lượng công việc, có kế hoạch cụ thể hàng năm. Đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định pháp luật quốc gia và công ước quốc tế được quốc gia ký kết.

Hỗ trợ cao su tiểu điền nâng cao năng suất, chất lượng mủ cao su, thu mua với giá tốt và thanh toán kịp thời, có thể truy xuất nguồn gốc đáp ứng EUDR.

Tiếp tục nâng cao nhận thức và truyền thông để triển khai Chiến lược Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững giai đoạn 2023-2030 của Tập đoàn tới các đơn vị thành viên.

Giám sát, đánh giá việc thực hiện các quyền lợi của người lao động và trách nhiệm với cộng đồng căn cứ trên kế hoạch và kết quả thực tế của đơn vị.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2025



Xanh hóa quy trình sản xuất

a) Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, sử dụng hiệu quả năng lượng, giảm xả thải và chuyển đổi sử dụng năng lượng xanh/hăng lượng tái tạo

Trên cơ sở kết quả đạt được năm 2024, tiếp tục áp dụng các giải pháp tiết kiệm nguyên nhiên liệu sử dụng trong sản xuất, giảm thiểu chất thải ra môi trường, triển khai các giải pháp chuyển đổi, sử dụng các nguồn năng lượng xanh, năng lượng tái tạo vào hoạt động sản xuất như năng lượng mặt trời, Bio-mass, ... Tận dụng, tái sử dụng chất thải nhằm thúc đẩy giảm phát thải CO2 và kinh tế tuần hoàn. Kiểm toán, thống kê đánh giá kết quả, hiệu quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường, sản xuất sạch hơn của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Công tác chuyển đổi cấp nhiệt lò sấy mủ cao su bằng nhiên liệu sinh khối (Biomass)

Mục tiêu đến cuối năm 2025, hoàn tất chuyển đổi cấp nhiệt sấy mủ bằng nhiên liệu sinh khối (Bio-mass) tại các công ty cao su (dự kiến toàn bộ sản lượng mủ cao su sấy bằng Biomass là 507.422,51 tấn đạt 100%).

- Về năng lượng mặt trời áp mái:

Mục tiêu sản lượng điện mặt trời năm 2025 đạt 13,7 triệu KWh, tương đương giảm phát thải khí nhà kính 8.950 tấn CO2td. Mở rộng thực hiện hệ thống điện mặt trời tại các đơn vị có điều kiện phù hợp.

- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm/giảm thiểu trong toàn Tập đoàn:

Bảng: Kế hoạch chỉ tiêu tiết kiệm/giảm thiểu năm 2025 trong toàn Tập đoàn

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng thực hiện
I TIẾT KIỆM/GIẢM THIỂU			
1	Tiết kiệm năng lượng điện sử dụng	Kwh	Đạt tối thiểu 3.000.000 kwh
2	Tiết kiệm nhiên liệu sử dụng (dầu DO, gas LPG, gỗ, củi,...)	Kg	Đạt tối thiểu 600.000 kg
II GIẢM THIỂU XẢ THẢI			
4	Tiết kiệm và giảm thiểu hóa chất sử dụng	Kg	Đạt tối thiểu 200.000 kg
5	Tái sử dụng nước thải	%	Tối thiểu 20% trên tổng lượng sử dụng
6	Giảm thiểu xả thải chất thải rắn thông thường ra môi trường.	%	Tối thiểu 20% trên tổng lượng chất thải rắn thông thường ra môi trường
7	Giảm thiểu xả thải chất thải nguy hại (CTNH) ra môi trường	%	Tối thiểu 20% trên tổng lượng chất thải nguy hại ra môi trường

b) Tiếp tục hoàn chỉnh các hệ thống quản lý theo ISO

Hoàn chỉnh các hệ thống quản lý nâng cao hiệu quả sản xuất, thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua các hệ thống quản lý SA 8000, hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001, hệ thống quản lý ISO tích hợp...bên cạnh duy trì và mở rộng số lượng các hệ thống ISO 14001 hiện nay.

c) Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế

Tiếp tục đề xuất kiến nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT và các cơ quan hữu quan xem xét công nhận đối với các diện tích cao su có chứng nhận quản lý rừng bền vững theo VFCS/PEFC-FM được hưởng dịch vụ môi trường rừng.

Thúc đẩy, hướng dẫn, giám sát các đơn vị thành viên thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường (BVMT) theo Luật Bảo vệ môi trường hiện hành, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Quy chế quản lý & BVMT của Tập đoàn.

Tiếp tục hưởng ứng các chương trình, hoạt động, sự kiện bảo vệ môi trường như thu gom rác, khơi thông cống, trồng cây, tập huấn, tuyên truyền, khuyến khích các sáng kiến, giải pháp BVMT, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Phát triển nguồn năng lượng sạch, năng lượng xanh

Hoàn thiện và thông qua Đề án phát triển năng lượng sạch của Tập đoàn.

Ký kết thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nhằm hỗ trợ lẫn nhau thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mỗi bên trong công tác đầu tư phát triển trong lĩnh vực điện lực.

Tiếp tục theo dõi việc điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, hợp tác với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) để phát triển lĩnh vực năng lượng của Tập đoàn.

Phấn đấu làm chủ đầu tư các dự án thủy điện tích năng, lòng hồ Đăk Ruôi, cánh đồng năng lượng tại Bình Phước, Bình Dương, Phấn đấu khởi động 01 dự án thí điểm do Tập đoàn làm chủ đầu tư.



Gắn kết các Bên liên quan

Xây dựng và phát triển mối quan hệ với các bên liên quan có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với thành công của Tập đoàn, với mỗi nhóm đối tượng, Tập đoàn sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau, thận trọng nghiên cứu và có những điều chỉnh phù hợp vào các chính sách và các hoạt động của Tập đoàn.

Hoạt động gắn kết của Tập đoàn với các bên liên quan

Bên liên quan	Hình thức tương tác	Các chủ đề được quan tâm
CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ	» Gặp gỡ trực tiếp; » ĐHĐCĐ; » Website; Phương tiện truyền thông đại chúng; » Các kênh liên lạc khác (Email, Điện thoại...).	» Hoạt động kinh doanh tăng trưởng hiệu quả bền vững; » Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông; » Thông tin minh bạch.
NGƯỜI LAO ĐỘNG	» Hội nghị người lao động; » Chương trình hội thao, rèn luyện tay nghề; » Hợp đánh giá mức độ hoàn thành công việc; » Kênh truyền thông nội bộ; » Đào tạo;	» Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp; » Gia tăng quyền lợi, phúc lợi cho người lao động; » Chế độ đãi ngộ và cơ hội thăng tiến.
CHỦ ĐẦU TƯ	» Gặp gỡ trao đổi trực tiếp; » Quá trình đấu thầu dự án; » Hợp đồng tổng thầu dự án.	» Uy tín doanh nghiệp; » Chất lượng sản phẩm, dịch vụ; » Tiến độ thực hiện; » An toàn lao động; » Chi phí thi công.
KHÁCH HÀNG (NGƯỜI DÙNG CUỐI)	» Khảo sát mức độ hài lòng;	» Chất lượng mang lại cho người sử dụng; » An toàn và hiệu quả trong thực tế sử dụng.
ĐỐI TÁC, NHÀ CUNG CẤP	» Gặp gỡ trao đổi trực tiếp; » Quy chế mua sắm; » Hợp đồng hợp tác với nhà cung cấp.	» Chất lượng dịch vụ, nguồn gốc hàng hóa rõ ràng; » Đối xử bình đẳng với đối tác, nhà cung cấp; » Đảm bảo minh bạch trong chào thầu » Hợp tác cùng phát triển, nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Bên liên quan	Hình thức tương tác	Các chủ đề được quan tâm
CỘNG ĐỒNG	» Phối hợp với Chính quyền địa phương tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.	» Tạo cơ hội nghề nghiệp, cải thiện thu nhập cho người dân địa phương; » Hỗ trợ phát triển kinh tế, hạ tầng ở địa phương.
CHÍNH PHỦ	» Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Cơ quan ban ngành nhà nước tổ chức; » Tham gia các tổ chức, Hiệp hội Ngành.	» Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ, tích cực đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư.
NGÂN HÀNG VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG	» Gặp mặt trao đổi trực tiếp; » Hợp đồng tín dụng.	» Hiệu quả kinh doanh; » Khả năng chi trả cho các nhà cung cấp vốn.
TRUYỀN THÔNG	» Các chương trình giao lưu, hợp tác báo chí, thông cáo báo chí về hoạt động Tập đoàn.	» Cung cấp, chia sẻ thông tin cởi mở, chủ động, thường xuyên để báo chí có thể phản ánh chân thực, khách quan về hoạt động của Tập đoàn đến công chúng.

Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đáp ứng mong đợi của bên liên quan

Về Quản trị Công ty

Nỗ lực của Tập đoàn

- » Tuân thủ công bố thông tin, đảm bảo thông tin trung thực, minh bạch, phản ánh đúng hoạt động và các chiến lược phát triển của Tập đoàn;
- » Đa dạng hóa kênh trao đổi thông tin, chủ động xử lý khủng hoảng thông tin, điều chỉnh các thông tin sai lệch về Tập đoàn trên thị trường, chú trọng xây dựng hình ảnh Tập đoàn vững mạnh tiêu biểu;
- » Rà soát và cải tiến hoạt động QTCT theo các thông lệ tốt trên thị trường;
- » Tăng cường vai trò Kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro tuân thủ, phát huy sức mạnh hợp lực và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành.

Kết quả đạt được

- » Tuân thủ chặt chẽ các Điều luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng trong mọi hoạt động của Công ty;
- » Không có khiếu nại của cổ đông liên quan đến QTCT;
- » Giảm thiểu các rủi ro phát sinh ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.



Gắn kết các Bên liên quan

Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đáp ứng mong đợi của bên liên quan

Về Sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm

Nỗ lực của Tập đoàn

- » Triển khai Phương án quản lý rừng bền vững;
- » Đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường các giải pháp sản xuất sạch hơn, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tái tạo, thực hành tiết kiệm;
- » Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ để phục vụ cho nhu cầu khách hàng.

Kết quả đạt được

- » 17 thành viên được cấp chứng chỉ QLRBV (VFCS/PEFC-FM) trên 121.124,91 ha rừng cao su và được cấp chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC cho 39 nhà máy (chế biến cao su thiên nhiên, chế biến gỗ và sản phẩm công nghiệp cao su);
- » 36 công ty đạt ISO 14001:2015;
- » 55 hệ thống XLNT đạt cột A quy chuẩn QCVN (trong đó, có 07 hệ thống đạt tương đương cột AQC VN do theo tiêu chuẩn của Campuchia),
- » 35 Hệ thống quan trắc tự động;
- » Đã lắp 28 hệ thống lò đốt Biomass thay thế lò đốt Dầu DO nhằm tận dụng phụ phẩm gỗ, tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường, công suất sinh hơi của 28 hệ thống sấy chuyển đổi nhiên liệu sang Biomass là trên 105 tấn hơi/giờ, nâng tổng số hệ thống nổi hơi công nghiệp sử dụng nhiên liệu Biomass trong Tập đoàn lên 58 hệ thống (nhà máy gỗ, công nghiệp cao su, chế biến cao su...); công tác chuyển đổi cấp nhiệt các hệ thống sấy đã làm lợi cho Tập đoàn hơn 94,9 tỷ đồng, giảm phát thải khí nhà kính từ nhiên liệu hóa thạch tương đương 53.627,9 tấn CO₂ qui đổi (dựa trên 20% tiết giảm khi chuyển đổi nhiên liệu từ DO/LPG sang Biomass bằng hình thức mua nhiệt và tự đầu tư nổi hơi), năm 2024 sấy được 235.800 tấn mù bằng Biomass, việc chuyển đổi làm lợi cho Tập đoàn số tiền 36,38 tỷ đồng;
- » Đã có 11 đơn vị thành viên Tập đoàn đầu tư hợp tác thương mại sản xuất điện năng lượng mặt trời áp mái tại các nhà máy sản xuất của Tập đoàn với tổng công suất lắp đặt là 11.203,61 KWp, sản lượng điện mặt trời sản xuất năm 2024 là 12,3 triệu KWh, đem lại doanh thu 7,75 tỷ đồng (tương đương giảm phát thải 8,32 tấn CO₂/năm).





BÁO CÁO TÀI CHÍNH





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.670.285.917.606	23.842.248.926.140
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	5.778.855.663.194	5.564.089.010.514
111	1. Tiền		3.017.617.559.937	2.334.647.911.242
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.761.238.103.257	3.229.441.099.272
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	13.952.353.795.617	11.355.359.823.009
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.163.634.161	1.163.634.161
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(68.237.000)	(68.237.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		13.951.258.398.456	11.354.264.425.848
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.539.074.723.889	2.546.020.285.787
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.548.547.265.059	1.431.437.222.156
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	354.480.392.462	429.506.912.582
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	8.048.249.000	8.048.249.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	916.345.560.357	922.609.139.120
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(355.597.946.855)	(312.530.530.881)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.07.01	67.251.203.866	66.949.293.810
140	IV. Hàng tồn kho	V.08	4.351.510.470.326	3.360.240.302.718
141	1. Hàng tồn kho		4.373.924.132.656	3.388.137.574.911
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(22.413.662.330)	(27.897.272.193)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.048.491.264.580	1.016.539.504.112
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	77.300.511.797	69.180.592.590
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		566.535.714.641	527.300.614.290
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	404.655.038.142	420.058.297.232
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		55.713.396.594.398	54.219.844.693.958
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		607.786.542.911	657.484.252.712
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	3.049.584.972	3.585.475.244
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	787.511.137.957	798.339.917.201
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.06	214.871.963.977	223.466.914.989
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(397.646.143.995)	(367.908.054.722)
220	II. Tài sản cố định		35.337.155.884.690	34.438.241.979.610
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	35.216.722.037.923	34.325.967.725.476
222	- Nguyên giá		58.319.330.687.217	54.895.510.290.377
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.102.608.649.294)	(20.569.542.564.901)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.13	975.132.667	697.064.068
225	- Nguyên giá		3.101.449.158	1.866.940.741
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.126.316.491)	(1.169.876.673)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.12	119.458.714.100	111.577.190.066
228	- Nguyên giá		217.248.371.299	203.375.045.062
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.789.657.199)	(91.797.854.996)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.14	1.286.697.181.872	1.344.022.245.376
231	- Nguyên giá		2.340.289.970.664	2.277.537.159.287
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.053.592.788.792)	(933.514.913.911)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.15	9.067.120.273.522	10.774.411.544.433
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		195.804.240.940	196.926.030.106
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.871.316.032.582	10.577.485.514.327
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	2.687.592.909.120	2.956.531.742.936
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.258.208.135.808	2.184.436.484.097
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		358.702.878.861	360.702.878.861
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(48.815.534.590)	(47.107.613.940)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		119.497.429.041	458.499.993.918
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.727.043.802.283	4.049.152.928.891
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.09	6.204.462.521.120	3.637.589.873.576
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.16	245.690.231.161	115.055.154.691
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		108.625.965.905	105.873.272.385
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	4. Lợi thế thương mại	V.17	168.265.084.097	190.634.628.239
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		83.383.682.512.004	78.062.093.620.098

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.986.520.299.896	23.084.890.704.040
310	I. Nợ ngắn hạn		11.594.062.718.132	9.652.535.590.089
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.18	990.003.522.683	931.394.013.415
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.19	618.985.484.125	518.634.401.781
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	743.202.155.064	541.785.333.881
314	4. Phải trả người lao động		1.952.983.457.523	1.571.452.577.561
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	443.960.994.408	384.394.202.896
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.21	382.656.247.271	341.540.873.232
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.22	1.108.432.716.478	1.029.349.049.335
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.23	4.074.933.861.713	3.002.624.606.830
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		23.055.160	6.974.277
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.278.881.223.707	1.331.353.556.881
330	II. Nợ dài hạn		13.392.457.581.764	13.432.355.113.951
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.19	78.723.068.619	78.701.769.117
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	V.20	438.988.933.162	332.639.595.932
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.21	9.095.394.159.991	8.947.475.780.198
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.22	173.372.363.096	134.352.361.575
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.23	2.963.853.299.554	3.577.280.067.014
341	6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.16	4.291.419.969	4.291.419.969
343	7. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		637.834.337.373	357.614.120.146



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.24	58.397.162.212.108	54.977.202.916.058
410	I. Vốn chủ sở hữu		58.343.704.981.056	54.936.297.729.629
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		325.832.755.422	325.832.755.422
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		10.591.031.002	10.591.031.002
415	4. Cổ phiếu quỹ		(959.534.010)	(959.534.010)
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(1.574.186.166.104)	(1.574.186.166.104)
417	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.348.954.014.686	460.661.081.422
418	7. Quỹ đầu tư phát triển		6.577.606.883.132	5.408.494.473.494
420	8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		252.909.421	252.909.421
421	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.240.538.555.065	5.187.395.112.271
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.251.821.936.583	2.564.219.921.978
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.988.716.618.482	2.623.175.190.293
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		5.415.074.532.442	5.118.216.066.711
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	V.25	53.457.231.052	40.905.186.429
431	1. Nguồn kinh phí		(33.823.318.791)	(53.804.697.590)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		87.280.549.843	94.709.884.019
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		83.383.682.512.004	78.062.093.620.098

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	26.267.016.732.896	22.167.764.814.943
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	25.072.618.051	29.361.662.457
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01 - 02)	VI.03	26.241.944.114.845	22.138.403.152.486
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.04	19.276.896.067.715	17.175.504.672.774
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 11)		6.965.048.047.130	4.962.898.479.712
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.05	957.207.763.983	1.114.792.596.285
22	7. Chi phí tài chính	VI.06	464.998.442.921	618.011.845.618
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		352.905.202.449	477.578.421.406
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	VI.07	161.885.146.836	(208.249.655.606)
25	9. Chi phí bán hàng	VI.08	554.280.177.352	591.451.294.471
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.09	2.325.102.410.148	1.864.450.111.955
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (20+21-22+24-25-26)		4.739.759.927.528	2.795.528.168.347
31	12. Thu nhập khác	VI.10	1.378.217.343.266	1.654.215.097.847
32	13. Chi phí khác	VI.11	511.585.831.630	335.851.426.630
40	14. Lợi nhuận khác (31 - 32)		866.631.511.636	1.318.363.671.217
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)		5.606.391.439.164	4.113.891.839.564
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.12	943.200.647.191	688.075.163.368
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.13	(163.475.234.978)	52.955.013.507
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50-51-52)		4.826.666.026.951	3.372.861.662.689
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.988.716.618.482	2.623.175.190.293
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		837.949.408.469	749.686.472.396
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.14	851	487
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		851	487



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.606.391.439.164	4.113.891.839.564
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.539.662.029.573	353.560.926.443
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.703.728.428.563	2.488.425.976.550
03	- Các khoản dự phòng		69.045.896.917	(43.408.958.719)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(27.096.219.994)	46.957.442.844
05	- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.558.921.278.362)	(2.944.015.312.045)
06	- Chi phí lãi vay		352.905.202.449	805.601.777.813
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.146.053.468.737	4.467.452.766.007
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.162.233.548)	199.569.497.016
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(985.786.557.745)	842.676.980.101
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.214.983.143.497	(693.546.845.913)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.574.992.566.751)	32.224.000.910
14	- Tiền lãi vay đã trả		(343.068.707.207)	(457.590.930.686)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(795.928.493.459)	(621.751.502.843)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.340.912.360.433	1.728.819.054.169
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.552.018.855.492)	(2.249.339.599.450)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		433.991.558.465	3.248.513.419.311

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(596.299.774.505)	(964.954.528.436)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		352.338.150.870	611.336.137.318
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.160.763.241.581)	(2.639.190.543.183)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác		1.439.382.494.042	1.538.729.973.579
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.885.806.298)	(12.303.056.383)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.219.256.472
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		358.920.028.113	378.154.029.977
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(617.308.149.359)	(1.087.008.730.656)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		6.577.822.955.117	4.572.002.442.848
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(6.118.940.467.694)	(5.404.859.421.904)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(87.895.463.843)	(87.893.800.763)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		370.987.023.580	(920.750.779.819)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)		187.670.432.686	1.240.753.908.836
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.564.089.010.514	4.370.292.544.522
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		27.096.219.994	(46.957.442.844)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)		5.778.855.663.194	5.564.089.010.514

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 đã được công bố thông tin tại địa chỉ: <https://vnrubbergroup.com/>

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THANH HƯNG





ANNUAL REPORT **2024**

*PIONEERING GREEN GROWTH AND
SUSTAINABLE DEVELOPMENT*

**VIETNAM RUBBER GROUP
- JOINT STOCK COMPANY**



Abbreviations

The Group/VRG/GVR	:	VIETNAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY	PAT	:	Profit After Tax
FS	:	Financial Statements	LTD	:	Limited Liability Company
JSC	:	Joint Stock Company	HCMC	:	Ho Chi Minh City
GSM	:	General Meeting of Shareholders			
BOD/The Board	:	Board of Directors			
BOS	:	Board of Supervisors			
GDP	:	Gross Domestic Product			
CPI	:	Consumer Price Index			





TABLE OF CONTENTS

06

CHAPTER 1: GENERAL OVERVIEW

Commitment - Vision - Mission - Core Values
Message from the Chairman of the Board
Key figures 2024
Prominent events of 2024

22

CHAPTER 2: OVERVIEW OF THE GROUP

General information
Development process
Business lines
Governance model and Organizational structure
List of directly affiliated units and branches
Development Orientation
Human Resources Information

62

CHAPTER 3: OPERATIONS IN THE YEAR

Financial Highlights
Human Resources and Employment Policies
Environmental and social assessment

76

CHAPTER 4: REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Assessment of operating results in 2024
Financial situation
Achievements in 2024
Assessment report related to the Company's Environmental and social responsibility

86

CHAPTER 5: CORPORATE GOVERNANCE

Board of Directors' Assessment of the Group's Operations
Board of Directors' Assessment of the Board of Management's Performance
Assessment of the Performance of Independent Board Members
Board of Directors' Plans and Orientation for 2025
Board of Directors
Board of Supervisors
Risk Management Report

126

CHAPTER 6: SUSTAINABILITY REPORT

Message on Sustainable Development
Sustainable Development Goals
Sustainable Development Criteria
Connect with Stakeholders

144

CHAPTER 7: FINANCIAL STATEMENTS FOR 2024

Auditor's Opinion
Audited Financial Statements



GENERAL OVERVIEW

Commitment - Vision - Mission - Core Values

Message from the Chairman of the Board

Key figures 2024

Prominent events of 2024





COMMITMENT - VISION - MISSION - CORE VALUES

Satisfying the highest requirements of customers; always focusing on diversifying the structure of rubber products according to customer needs; continuously improving product quality in accordance with Vietnamese and international standards; implementing a professional sales policy, thoughtful after-sales service; promoting the prestige of the VRG brand. Continuously improving the Management System and Production Processes and Standards to ensure the supply of products that are always of guaranteed quality, stable, and sustainable. Investing in development, organizing production based on the perspective of sustainable development, environmental friendliness, and social responsibility.

COMMITMENT



To be a leading enterprise in the field of agricultural production in terms of efficiency, scale, product quality, application of high technology, and environmental friendliness in Vietnam, in the region, and to affirm the brand of Vietnamese products on the world market.

VISION



Providing the domestic and foreign markets with agricultural, industrial products and services that are competitively priced, safe for users, environmentally friendly, and socially responsible. Building and developing corporate culture: inheriting, uniting, harmonizing interests, and respecting the law. Building a team of competitive managers and employees who are constantly innovative and committed to the company.

MISSION



Developing the Group on the basis of 3 pillars: Economy - Environment - Society; well implementing the green growth and sustainable development program, and developing responsibly with society.

CORE VALUES





MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE BOARD

“

**IMPLEMENT BREAKTHROUGH,
INNOVATIVE, AND CREATIVE SOLUTIONS
DETERMINED TO COMPLETE ALL TASKS
FOR 2025**

”



Dear shareholders!

2024 was a volatile year, but the leadership and all officials and employees of the Vietnam Rubber Industry Group have strived and achieved encouraging results. Although the global and domestic economic context has many unpredictable changes, the prices of some items are under increasing pressure, and the financial and monetary markets fluctuate strongly. In addition, extreme weather such as droughts, floods and the increasingly obvious impacts of climate change have caused no few difficulties and challenges.

With the close, timely, and scientific direction of the Party and the State, along with the support of ministries, central agencies, and local Party committees and authorities where the Group's member units are located; the proactive, flexible, and drastic direction and management of the Party Committee, the Board of Directors, and the General Director of the Group, together with the consensus and efforts for the goal of sustainable development of all officials and employees of the Group, the production and business activities in 2024 of the Vietnam Rubber Industry Group have achieved and exceeded the set plan targets. Some business areas of the Group have developed well, gradually affirming the “VRG Brand” in the regional and world markets. At the same time, national defense, security, social order and safety in the area and border areas are well implemented, contributing to diplomatic work between Vietnam and Laos and Cambodia; ensuring a stable environment, creating jobs and a prosperous life for workers, including ethnic minorities and indigenous people in project areas in the Lao People's Democratic Republic and the Kingdom of Cambodia.

The Group is investing in production and business in an area spanning 34 provinces and cities domestically and in 2 neighboring countries, Laos and Cambodia, with 115 subsidiaries and affiliated companies, including 65 rubber planting companies, 12 wood processing companies, 9 industrial park (IP) development companies, 9 industrial and service companies, and 20 companies in other industries. Creating stable jobs for more than 81,000 employees with an average income in 2024 of 11.0 million VND/person/month, of which ethnic minority workers are over 17,300 people (accounting for over 21.3% of the total number of employees), foreign workers (Laos, Cambodia) are over 19,900 people (accounting for over 24.5% of the

total number of employees).

Specific results achieved include: Total revenue of the entire Group reached 28,739 billion VND, reaching 115% of the plan and increasing by 16% compared to the previous year; pre-tax profit of 5,606 billion VND, reaching 137% of the plan and 36% higher than the previous year; after-tax profit of 4,826 billion VND, reaching 140% of the plan and 43% higher than in 2023; budget payment of the entire Group was 6,460 billion VND, 63% higher than the plan and 67% higher than the same period last year, the disbursement of investment capital of the entire Group was 6,182 billion VND/ 6,393 billion VND plan, equal to 96.7% of the set plan.

Also in 2024, the Group achieved some outstanding achievements such as: (1) The Group's stock code GVR continued to be on the list of 50 best listed companies in Vietnam voted by Forbes Magazine. (2) The Group ranked 13th in the top 43 enterprises with the largest market capitalization on the HOSE Stock Exchange. (3) Chu Pah Rubber Co., Ltd. - a unit directly under the Group was honored to be ranked as one of the Top 10 sustainable businesses in the manufacturing sector, in addition, 14 other units of the Group were also honored in the Top 100 sustainable businesses. (4) There are 3 industrial parks of the Group including Nam Tan Uyen IP JSC, Tan Binh IP JSC and Saigon VRG Investment Joint Stock Company in the Top 10 prestigious industrial real estate companies.



MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE BOARD

Dear shareholders!

The year 2025 is particularly important, holding a pivotal significance as it establishes a breakthrough growth foundation to achieve the 5-year production and business plan target for the period (2021 – 2025), which has been agreed upon by the state capital ownership representative agency and approved by the Group's Annual General Meeting of Shareholders, associated with the Resolution of the Group's Party Congress IX, term (2020 – 2025), synchronously and comprehensively implementing the contents to deploy the plan with the highest political determination from the parent company – the Group to its member units, creating momentum, strength, and position for the period (2026-2030), striving for double-digit economic growth, contributing to the country's rapid and sustainable development, promoting existing strengths, outstanding advantages of the group, maximizing resources including land, finance, management capacity, labor... The Board of Directors of Vietnam Rubber Industry Group sets out the following key policies and tasks to focus on implementing:

Firstly, implement many synchronous, creative, and effective solutions to strive to best complete the targets for the 2025 production, business, and development investment plan that have been agreed upon by the state capital ownership representative agency and approved by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

Secondly, continue to effectively implement the Restructuring Project for the period (2021-2025) according to Decision No. 360/QĐ-TTg dated 2022-03-17 of the Prime Minister; the 05-year production and business plan and development investment for the period (2021-2025), and the Group's development strategy for the period (2021-2030), with a vision to 2035, which have been approved by the Owner's Representative Agency and the Group's General Meeting of Shareholders.

Thirdly, pioneer the implementation of the Group's green growth, sustainable development, and social responsibility strategy on the foundation of 3 pillars: economy – environment – society.

Fourthly, focus on effectively implementing investments in industrial zone/cluster infrastructure projects; large-scale agricultural projects applying science and technology; and renewable energy projects to maintain high growth rates and sustainable development.

Fifthly, strengthen marketing and trade promotion activities, seek and expand consumption markets, and attract domestic and international investment. Develop e-commerce with new and effective business models, linking production, distribution, and consumption. Focus on improving product quality, jointly building and developing a strong VRG brand to enhance competitiveness and affirm its position in domestic and international markets.

Sixthly, strongly promote the research and application of science and technology, innovation, digital transformation, application of information technology, digital tools, and artificial intelligence (AI) in all aspects, fields, and chains of the Group's production and business operations.

Seventh, resolutely implement the streamlining of the organizational structure, reduce staff, and eliminate intermediate steps, unnecessary and ineffective procedures and processes. Build a modern and friendly working environment to attract human resources with ethical qualities, high professional qualifications, especially personnel with technical skills and technology suitable to the Group's development orientation.

Eighth, establish flexible mechanisms to quickly respond to and handle promptly, appropriately, and effectively the fluctuations in global politics and economics as well as the rapid development of science and technology.

Ninthly, the collective leadership and all officials and employees of Vietnam Rubber Industry Group, continue to promote proactivity and creativity, maintain the 96-year tradition of the Vietnam Rubber industry, join forces, unite, and strive with the highest determination to successfully complete the tasks and plans for 2025 as well as sustainable development, in order to achieve the double-digit economic growth target for the period (2026-2030) that has been set.

On behalf of the Group's Board of Directors, I would like to express my gratitude to the leaders of central and local agencies and departments – where the Group's directly affiliated units are located, partners, and more than 81,000 employees who have contributed to the Group's development. Special thanks to the shareholders and investors who have accompanied us. We hope to continue to receive your attention, companionship, and cooperation in 2025 and the following years.

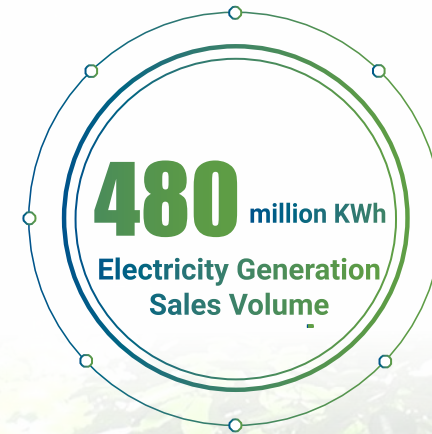
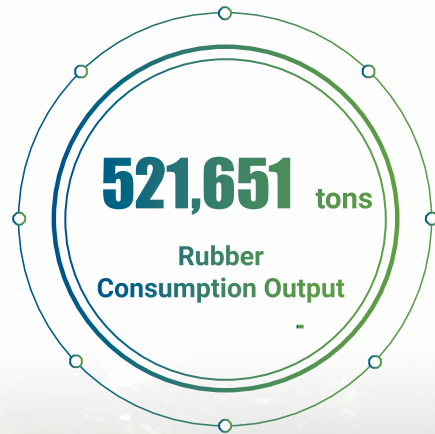
Sincerely, thank you./

Chairman of the Board of Directors

TRAN CONG KHA

Inheriting the achievements gained in nearly a century of accompanying the country's development, the Group's employees and laborers have continuously strived, enthusiastically competed, united, joined forces, and promoted resources to build the Group to become increasingly sustainably developed, worthy of the trust and expectations of leaders at all levels, worthy of the noble Gold Star Order title awarded by the Party and State. Today, the Vietnam Rubber Industry Group is ready and steadfastly entering a new era, joining hands to build a prosperous and powerful Vietnam.

 **KEY
FIGURES 2024**





KEY
FIGURES 2024



No. 1

Area and Output of Vietnam Rubber

445,200 tons

Exploitation output

24,582 billion VND

Rubber division revenue



KEY
FIGURES 2024

As of December 31, 2024

BEST-LISTED COMPANIES IN 2024 BY FORBES VIETNAM MAGAZINE

TOP 50

CONSOLIDATED NET REVENUE

28,739
billion VND

CONSOLIDATED PRE-TAX PROFIT

5,606
billion VND

CONTRIBUTE TO THE STATE BUDGET

6,677
billion VND

TOTAL NUMBER OF EMPLOYEES

81,013
workers





PROMINENT EVENTS OF 2024

01

May-June 2024

Workers and Civil Servants Sports Festival

The Group organized the Sports Festival in 5 regions: the Northern Mountains, the Central Highlands - Central Coast - Laos, Ho Chi Minh City, and neighboring commercial service units, Cambodia, and the Southeast region. The Sports Festival is a traditional activity of VRG to create a healthy playground, exchange in a vibrant atmosphere, strengthen solidarity, train physically, improve health, and create motivation for enthusiastic work



02

October 25, 2024

Ceremony to celebrate the 95th anniversary of the founding of the Indochinese Communist Party Cell; Traditional Day of the Vietnam Rubber Industry (October 28, 1929 – October 28, 2024)

At the ceremony, 2 collectives received the Government's Emulation Flag; 14 grassroots collectives belonging to Group member units received the Emulation Flag of the Commission for the Management of State Capital at Enterprises; 7 individuals received the title of Emulation Soldier of the Commission for the Management of State Capital at Enterprises; 2 individuals received the "Phu Rieng Do" award and 54 typical rubber worker traditional families were honored.



03

December 14, 2024 - December 17, 2024

The XIV Golden Hands Rubber Latex Harvesting Contest

The competition had 60 teams with 240 contestants participating. As a result of the competition, 79 contestants were awarded the title of Golden Hand, and 81 contestants were awarded the title of Champion. On this occasion, the Group organized commendation for 16 companies, 88 farms, 20 typical teams and groups in the 2-ton Club to commend, encourage, and reward excellent units. At the same time, honoring the 2022 industry-level Golden Hands.





**OVERVIEW
OF THE GROUP**

- General information
- Development process
- Business lines
- Governance model and Organizational structure
- List of directly affiliated units and branches
- Development Orientation
- Human Resources Information





Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company (VRG) established in 1975, after many changes in organizational model and name; on December 26, 2017, the Prime Minister approved the equitization plan - Vietnam Rubber Group. On May 22, 2018, the Group held the first General Meeting of Shareholders, launching VIETNAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY and officially moved to operate under the joint stock company model from June 1, 2018.

Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company (grade-1 enterprise) is an enterprise that invests financially in other enterprises, holding control over the subsidiaries through development strategies, business investment plans, management, capital coordination, brands, markets, and process control, norms throughout the Group...; directly doing business and ensuring the implementation of tasks in accordance with the law.

The Group's member units include grade-2 and grade-3 Enterprises organized and operating in the form of Limited Liability Companies, Joint Stock Companies, and Joint Ventures.



GENERAL INFORMATION

REPRESENTATIVES OF THE STATE CAPITAL AT THE GROUP

Currently include 05 people; including the Chairman of the Board of Directors, who is the Representative in charge of the group of representatives, 03 Board of Directors' members, and 01 Deputy General Director.

No.	Name	Number of Shares	Percentage %	Note
1	Tran Cong Kha	1,032,224,751	25.82	Chairman of the Board of Directors
2	Le Thanh Hung	1,290,280,940	32.25	Member of the Board of Directors cum General Director
3	Ha Van Khuong	516,112,376	12.90	Member of the Board of Directors
4	Do Huu Phuoc	516,112,376	12.90	Member of the Board of Directors cum Deputy General Director
5	Le Dinh Buu Tri	516,112,376	12.90	Deputy General Director

MANAGEMENT AND OPERATIONAL APPARATUS

- Board of Directors (06 people; including 04 members representing state capital, 02 non-state capital members who are independent members of the Board of Directors).
- Board of Management (including 01 General Director and 06 Deputy General Directors).
- The Board of Supervisors: has 03 members (including 01 Head of the Board who is full-time and 02 Board of Supervisors members who are part-time).
- Supporting apparatus: The Board of Management and general advisory directly under the Board of Directors, 14 professional departments and agencies including: Office, Department of Organization and Personnel; Department of Legal Affairs and Inspection; Department of Finance and Accounting; Department of Investment and Construction Management; Department of Industry; Department of Business Market; Department of Technical Management; Department of Development and Management of Industrial park; Group Office, Party Committee Organization Board, Party Committee Office, Party Committee Propaganda Board, Party Committee Inspection Commission Agency.
- Representative Offices in: Hanoi, Cambodia, Laos



GENERAL INFORMATION

VIETNAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY

Company name	: VIETNAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY
International company name	: VIETNAM RUBBER GROUP
Abbreviated name	: VRG
Business Registration Certificate No.	: 0301266564 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on June 30, 2010, 5th change on January 20, 2022.
Address	: 236 Nam Ky Khoi Nghia Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City
Tel	: (84-28) 39 325 235
Fax	: (84-28) 39 327 341
Website	: www.vnrubbergroup.com
Email	: vrg@rubbergroup.vn
Charter capital	: 40,000,000,000,000 VND
Stock code	: GVR

Logo



STOCK INFORMATION

Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company (GVR) was listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE), Vietnam, on July 31, 2020.

Stock code: GVR

Fiscal year ends on: December 31

Independent audit: Vietnam Auditing and Valuation Company Limited



Total number of shares issued: 4,000,000,000 shares

Outstanding shares: 4,000,000,000 shares

Number of treasury shares: 0

Stock type: Ordinary shares

Par value: VND10,000 per share

Transaction of treasury stocks: None

Other securities: None

Foreign ownership limit: 49% (As of December 31, 2024)

GVR price trend in 2024

(Closing price from January 1, 2024 to December 31, 2024)



Shareholders structure (as of November 15, 2024)

No.	Subject	Number of shareholders	Number of shares	Value (VND)	Ownership/ Charter capital (%)
I	Domestic Shareholders	20,295	3,985,881,344	39,858,813,440,000	99.65%
1	State shareholders	1	3,870,842,819	38,708,428,190,000	96.77%
2	Institutional shareholders	65	39,911,724	399,117,240,000	1.00%
3	Individual shareholders	20,229	75,126,801	751,268,010,000	1.88%
II	Foreign Shareholders	240	14,118,656	141,186,560,000	0.35%
1	Individuals	205	1,207,831	12,078,310,000	0.03%
2	Organizations	35	12,910,825	129,108,250,000	0.32%
TOTAL		20,535	4,000,000,000	40,000,000,000,000	100%

List of major shareholders

No.	Shareholder	Number of shares (shares)	Ownership/Charter capital (%)
1	Commission for the Management of State Capital at Enterprises	3,870,842,819	96.77%





FORMATION AND DEVELOPMENT PROCESS

A **50**-year

JOURNEY OF CREATING VALUE

1975

Predecessor was the Southern Rubber Committee; in April 1975, it was transformed into the General Department of Rubber under the Provisional Revolutionary Government of South Vietnam.

1977

In July 1977, it was transformed into the Vietnam Rubber Corporation directly under the Ministry of Agriculture.

1980

In March 1980, it was transformed into the General Department of Rubber directly under the Council of Ministers with two functions: State management of rubber and organization of rubber production.

1989

In 1989, it was transformed into the General Rubber Corporation directly under the Ministry of Agriculture and Food Industry.

1995

Became a state-owned corporation of special grade under Decision No. 91/TTg.

2018

On May 22, 2018, the first General Meeting of Shareholders was held, and it has been operating as a Joint Stock Company since June 01, 2018.

2017

On December 26, 2017, the Prime Minister approved the equitization plan for the Vietnam Rubber Group.

2010

Transformed into a single-member limited liability company wholly owned by the State.

2006

The government decided to establish the Vietnam Rubber Group.

2021

On December 17, 2021, the Group organized a conference to hand over the equitized enterprise to the joint stock company for the Parent Company - the Group, along with 20 one-member limited liability companies, and 4 public service units.

2024

CULTIVATION, EXPLOITATION, PROCESSING, AND CONSUMPTION OF RUBBER

01

Each year, the Group produces an average of 500,000 tons of rubber. Although it accounts for only about 30% of the country's rubber area and output, the Group plays a very important role in promoting the development of Vietnam's rubber industry. The Group currently has 59 factories and processing plants with a total designed capacity of 636,400 tons, equipped with modern and advanced machinery and equipment. Not only is it capable of processing all the exploited latex, but the Group's factories also process and manufacture an average of over 80,000 tons/year for the smallholder rubber sector.

The Group's rubber product structure is diverse, of high and stable quality, and suitable for market demand. The Group's rubber products focus on 3 main groups: Technically specified rubber, centrifuged latex, and ribbed smoked sheet rubber. In addition, the Group is developing Group-branded rubber products with higher product quality.

In 2024, the entire Group reached 521,651 tons, achieving 100.2% of the year's plan and 1,361 tons higher (up 0.3%) compared to the same period in 2023. Product quality is always the Group's top concern. The Group's rubber products always ensure high, uniform, and stable quality through a rigorous product quality management, control, and inspection system that meets strict domestic and international standards.

To date, the Group has 46 processing plants with a quality management system certified to be in compliance with ISO9001:2015 standards; 26 QC Departments have achieved Vilas certification. The Group's natural rubber products meet standards such as EUDR, PEFC, FSC, Eco Vadis..... The Group's rubber products are currently exported to more than 70 countries and territories around the world, and the Group is continuing to expand its consumption market. The Group is proud to be a rubber product supplier to major customers around the world, such as: Goodyear, Bridgestone, Michelin, Yokohama, Kumho, Sailun...

TOTAL AREA OF RUBBER PLANTATION

As of December 31, 2024

380,043

ha

Domestic: 266,699 ha (70.2%)

Foreign: 113,344 ha (29.8%)

02

HIGH-TECH APPLICATION AGRICULTURE

Developing high-tech application agriculture is also VRG's strategic orientation to take advantage of abundant land resources and increase land use efficiency. The Group is implementing 14 high-tech application agricultural projects with a total area of 4,030 ha. High-tech application agricultural projects mainly involve growing bananas or citrus trees (jackfruit, grapefruit, durian, etc.).

03

CLEAN ENERGY AND RENEWABLE ENERGY

With a vast land area under management, the Group is well-positioned to develop clean and renewable energy sources such as solar power, wind power, and pumped-storage hydropower. Currently, the Group has 05 hydropower companies, including Geruco Song Con Hydropower Joint Stock Company, VRG Phu Yen, VRG Bao Loc, VRG Dak Nong Company and VRG Ngoc Linh with 4 hydropower plants having a total installed capacity of 135 MW and a total annual electricity output of 514 million kWh. The hydropower companies have made significant contributions to the Group's economic performance and sustainable development strategy.



RUBBER INDUSTRY

04

The Group currently has 5 companies producing industrial products: Ben Thanh Rubber JSC, VRG-Khai Hoan JSC, Geru Star Sports JSC, SADO Rubber Thread JSC, Dong Phu Technical Rubber JSC and tire products under the brand name. The Group's current rubber industrial products include: Manufacturing branded tires; rubber mattress pillows (DORUFOAM); Khai Hoan gloves (Vglove); sports balls (Geru Star); rubber thread (SADO); conveyor belt lines (Ben Thanh Rubber)... These products have been asserting their prestige in the market and are trusted by domestic and international customers.



WOOD PROCESSING SECTOR

05

The Group possesses significant strengths and resources in land for developing raw material plantation forests. Furthermore, with an average of 10,000 – 12,000 hectares of liquidated rubber area per year, the Group has a considerable advantage in ensuring the supply of raw materials for processing and producing wood products. In recent years, the Group's wood processing sector has increasingly expanded in scale and revenue. In the coming years, the Group will continue to increase the capacity of existing wood processing plants, invest in other projects, promote the development of certified product lines, and produce new products suitable for the raw material area capabilities and the market.

To date, the Group has 16 wood production factories (14 factories for preliminary processing, panel splicing, and refining; 4 MDF factories)

The global consumption market continued to decline sharply, coupled with the fact that the prices of raw materials and fuels increased sharply, which had a significant impact on the operations of wood companies. In 2024, the wood processing sector achieved a total production output of more than 1,090 million m³ of all types of wood, achieving 87.4% of the plan.

INDUSTRIAL PARK INFRASTRUCTURE INVESTMENT SECTOR.

06

Industrial Park is a very important field of VRG, the Group is investing in 11 companies operating in the field of Industrial Park infrastructure (Bac Dong Phu, Dau Giay, Nam Tan Uyen, An Dien, Tan Binh, Long Khanh, Binh Long, Cong Hoa, Thong Nhat, VRG Long Thanh, Nam Pleiku). With 16 projects, a total area of more than 6,566 ha, located in the provinces/cities: Ho Chi Minh City, Dong Nai, Binh Duong, Binh Phuoc, Dong Nai, Tay Ninh, Gia Lai. In recent years, the Industrial Parks have distributed an average dividend of over 40%, some Industrial Parks over 60%; average return on equity of over 60%.

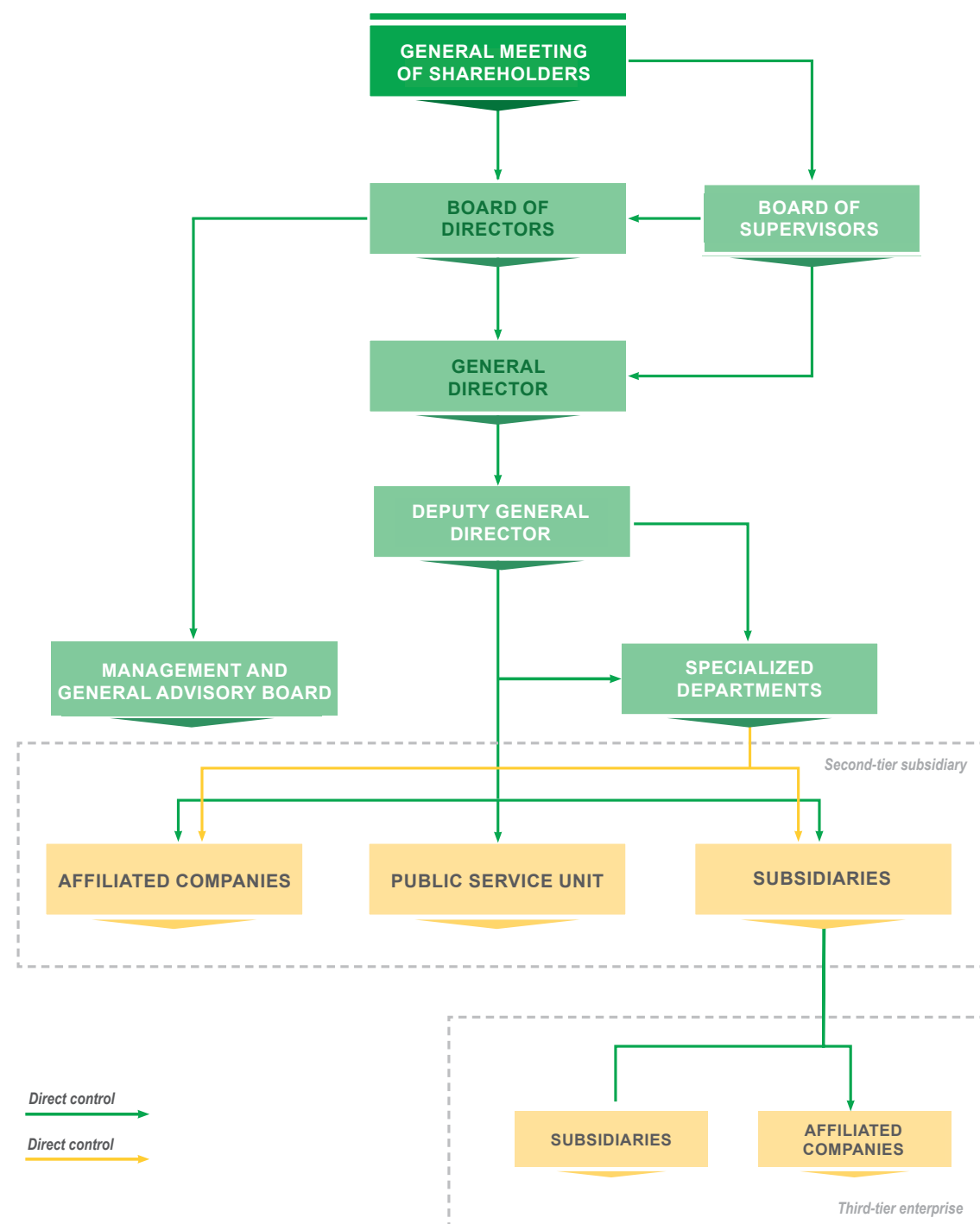
In 2024, the revenue from the industrial park segment reached 1.199 billion VND, achieving 78.2% of the plan; pre-tax profit reached 642 billion VND (reaching 84.8% of the plan).

In the period of 2021 – 2025, in addition to focusing on implementing legal procedures and deploying investment in Industrial Parks/Industrial Clusters that have been approved for investment policies and are applying for approval of investment policies with an area of 2,921 ha (including 1,734.53 ha under procedure implementation), the Group will continue to work with local and ministerial authorities to create a premise for the deployment of an additional 16,592 ha development.

In 2024, the Group received investment policies for 03 Industrial Park projects: Hiep Thanh Industrial Park phase 1 (March 01, 2024); Rach Bap Industrial Park expansion (December 27, 2024); Minh Hung III Industrial Park phase 2 (February 27, 2025).



GOVERNANCE MODEL



RELATED COMPANIES

The Group is currently managing 115 companies (including 99 Company's subsidiaries and 16 associated companies). Among the 99 Company's subsidiaries, there are 63 rubber planting companies, 10 wood processing companies, 6 industrial park companies, 11 industrial and service companies, and 9 companies in other industries.

GEOGRAPHICAL LOCATION OF MEMBER UNITS



01

REPRESENTATIVE OFFICE IN HANOI

-  Address : 56 Nguyen Du, Hai Ba Trung District, Hanoi City, Vietnam
-  Tel : (84-24) 39 427 091
-  Email : vphn@rubbergrouvn



02

REPRESENTATIVE OFFICE IN CAMBODIA

-  Address : 46, 228 Street, Chamkamom District, Phnom Penh, Cambodia
-  Tel : +855 977527776
-  Email : vpcam@rubbergrouvn



03

REPRESENTATIVE OFFICE IN LAOS

-  Address : House No. 123, Alley 3, Sisangyone Ward, Xaysettha District, Vientiane Capital, Laos
-  Tel : +8562099666668
-  Email : vpla@rubbergrouvn



As of 2024-12-31

No	Name	Registered office's address	Equity Interest
SUBSIDIARIES			
1	Dong Nai Rubber Corporation One Member Co., Ltd.	Trung Tam Hamlet, Xuan Lap Commune, Long Khanh Town, Dong Nai Province	100%
2	Binh Long Rubber One Member Co., Ltd.	National Route 13, Hung Chien Ward, Binh Long Town, Binh Phuoc Province	100%
3	Dau Tieng Rubber One Member Co., Ltd.	Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	100%
4	Loc Ninh Rubber One Member Co., Ltd.	Ninh Thuan Ward, Loc Ninh Town, Loc Ninh District, Binh Phuoc Province	100%
5	Phu Rieng Rubber One Member Co., Ltd.	Phu Rieng Commune, Phu Rieng District, Binh Phuoc Province	100%
6	Krong Buk Rubber One Member Co., Ltd.	Ea Ho Commune, Krong Nang District, Dak Lak Province	100%
7	Eah Leo Rubber One Member Co., Ltd.	499 Giai Phong Road, Ea Drang Town, Ea H'leo District, Dak Lak Province	100%
8	Chu Prong Rubber One Member Co., Ltd.	Ia Drang Commune, Chu Prong District, Gia Lai Province	100%
9	Chu Se Rubber One Member Co., Ltd.	420 Hung Vuong, Chu Se Town, Chu Se District, Gia Lai Province	100%
10	Kon Tum Rubber One Member Co., Ltd	258 Phan Dinh Phung, Kon Tum City, Kon Tum Province	100%
11	Mang Yang Rubber One Member Co., Ltd	536 Nguyen Hue, Dak Doa Town, Dak Doa District, Gia Lai Province	100%
12	Chu Pah Rubber One Member Co., Ltd.	01 Nguyen Thi Minh Khai, Phu Hoa Town, Chu Pah District, Gia Lai Province	100%
13	Quang Nam Rubber One Member Co., Ltd.	National Route 1A, Binh Nguyen Commune, Thang Binh District, Quang Nam Province	100%
14	Nam Giang Rubber - Quang Nam One Member Co., Ltd.	Nam Giang District, Quang Nam Province	100%
15	Ha Tinh Rubber One Member Co., Ltd.	Km 22, QL 15A, Ha Linh Commune, Huong Khe District, Ha Tinh Province	100%
16	Huong Khe Ha Tinh Rubber One Member Co., Ltd.	Xom 12, Huong Long Commune, Huong Khe District, Ha Tinh Province	100%



LIST OF DIRECTLY AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

No	Name	Registered office's address	Equity Interest
17	Thanh Hoa Rubber One Member Co., Ltd.	Ly Nam De Street, Dong Hung New Urban Area, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province	100%
18	Quang Tri Rubber One Member Co., Ltd.	264 Hung Vuong Road, Dong Luong Ward, Dong Ha City, Quang Tri Province	100%
19	Binh Thuan Rubber One Member Co., Ltd.	Duc Tai Town, Duc Linh District, Binh Thuan Province	100%
20	Quang Ngai Rubber One Member Co., Ltd.	Binh Hiep Commune, Binh Son District, Quang Ngai Province	100%
21	Rubber Research Institute	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Võ Thị Sáu Ward, District 3, Ho Chi Minh City	100%
22	Rubber Medical Center	410 Truong Chinh, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City	100%
23	Rubber Magazine	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Võ Thị Sáu Ward, District 3, Ho Chi Minh City	100%
24	Eastern College	1428 Phu Rieng Do, Dong Xoai Town, Binh Phuoc Province	100%
25	Geruco Song Con Hydropower Joint Stock Company	Ngat Hamlet, Jở Ngây Commune, Dong Giang District, Quang Nam Province	77,25%
26	VRG Bao Loc Joint Stock Company	263 Hoang Van Thụ, Ward 1, Bao Loc City, Lam Dong Province	80,93%
27	VRG Dak Nong Joint Stock Company	Nghia Thanh Ward, Gia Nghia Town, Dak Nong Province	91,34%
28	Rubber Industry and Import-Export Joint Stock Company	64 Truong Dinh, Ward 7, District 3, Ho Chi Minh City	82,44%
29	Geru Star Sports Joint Stock Company	1/1 Tan Ky Tan Quy, Son Ky Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City	83,08%
30	VRG Quang Tri MDF Wood Joint Stock Company	Nam Dong Ha Industrial Zone, Dong Luong Ward, Dong Ha City, Quang Tri Province	97,31%
31	Phuoc Hoa Rubber Joint Stock Company	Phu Giao District, Binh Duong Province	66,62%
32	Vietnam-Laos Rubber Joint Stock Company	207 Nguyen Van Troi, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City	89,29%
33	Hoa Binh Rubber Joint Stock Company	7th Hamlet, Hoa Binh Commune, Xuyen Moc District, Ba Ria-Vung Tau Province	55,06%

No	Name	Registered office's address	Equity Interest
34	Hang Gon Rubber Joint Stock Company	Hang Gon Commune, Long Khanh Town, Dong Nai Province	50,00%
35	Quasa Geruco Joint Stock Company	D21, Southeast Asia Trade Center, Lao Bao Town, Huong Hoa District, Quang Tri Province	99,00%
36	Rubber Trade & Tourism Joint Stock Company	Hoa Binh Boulevard, Tran Phu Ward, Mong Cai City, Quang Ninh Province	96,52%
37	Nam Tan Uyen Industrial Zone Joint Stock Company	Khanh Binh Ward, Tan Uyen Town, Binh Duong Province	42,30%
38	Thuan An Wood Processing Joint Stock Company	Binh Duong Boulevard, Thuan Giao Commune, Thuan An Town, Binh Duong Province	59,69%
39	Dau Tieng Wood Joint Stock Company	Block 3, Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	61,00%
40	Hung Yen Tourism and Commerce Hotel Joint Stock Company	611 Phan Dinh Phung Street, Duy Tan Ward, Kon Tum City, Kon Tum Province	98,41%
41	Rubber Machinery Joint Stock Company	12 HT25 Street, Zone 2, Hiep Thanh Ward, District 12, Ho Chi Minh City	92,05%
42	Dong Phu Rubber Joint Stock Company	Thuan Phu Commune, Dong Phu District, Binh Phuoc Province	55,24%
43	Tay Ninh Rubber Joint Stock Company	Highway 22B, Hiep Thanh Commune, Go Dau District, Tay Ninh Province	60,00%
44	Son La Rubber Joint Stock Company	Group 11, Chieng Le Ward, Son La City, Son La Province	99,36%
45	Dien Bien Rubber Joint Stock Company	Team 19, Thanh Hung Commune, Dien Bien District, Dien Bien Province	100,00%
46	Lai Chau Rubber Joint Stock Company	Group 5, Doan Ket Ward, Lai Chau Town, Lai Chau Province	98,32%
47	Sa Thay Rubber Joint Stock Company	308E Phan Dinh Phung, Ngo May Ward, Kon Tum City, Kon Tum Province	95,36%
48	Nghe An Rubber Development Investment Joint Stock Company	17 Phan Dang Luu Street, Truong Thi Ward, Vinh City, Nghe An Province	93,03%
49	Tan Bien Kampongthom Rubber Joint Stock Company	Group 8, Thanh Phu Hamlet, Tan Hiep Commune, Tan Chau District, Tay Ninh Province	99,07%
50	Ba Ria Rubber Joint Stock Company	Chau Duc District, Ba Ria-Vung Tau Province	97,47%
51	Phu Rieng Kratie Rubber Joint Stock Company	Phu Nguyen Hamlet, Phu Rieng District, Binh Phuoc Province	70,00%



LIST OF DIRECTLY AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

No	Name	Registered office's address	Equity Interest
52	VRG Phu Yen Joint Stock Company	Tuy Hoa City, Phu Yen Province	94,70%
53	Tan Bien Rubber Joint Stock Company	Tan Chau District, Tay Ninh Province	98,46%
54	Dau Giay Industrial Park Joint Stock Company	Km 2, Provincial Road 769, Bau Ham 2 Commune, Thong Nhat District, Dong Nai Province	71,84%
55	Long Khanh Industrial Park Joint Stock Company	Long Khanh Industrial Park, Binh Loc Commune, Long Khanh Town, Dong Nai Province	75,68%
56	Ha Giang Rubber Joint Stock Company	Group 4, Group 9, Viet Quang Town, Bac Quang District, Ha Giang Province	100%
57	Truong Phat Rubber Joint Stock Company	Lot 117, 118, Map Sheet No. 15, Hamlet 1, Hung Hoa Commune, Bau Bang District, Binh Duong Province	55,09%
58	Dong Phu Kratie Rubber Joint Stock Company	Thuan Phu I Hamlet, Thuan Phu Commune, Dong Phu District, Binh Phuoc Province	62,20%
59	Dong Nai Kratie Rubber Joint Stock Company	Trung Tam Hamlet, Xuan Lap Commune, Long Khanh Town, Dong Nai Province	88,73%
60	VRG Ngoc Linh Hydropower Joint Stock Company	Dak Glei Town, Dak Glei District, Kon Tum Province	77,46%
61	Dong Phu Technical Rubber Joint Stock Company	Tan Lap Commune, Dong Phu District, Binh Phuoc Province	41,54%
62	Bao Lam Rubber Joint Stock Company	Loc Bao Commune, Bao Lam District, Lam Dong Province	93,83%
63	An Dien Industrial Joint Stock Company	Rach Bap Industrial Park, D1 Road, An Dien Commune, Ben Cat District, Binh Duong Province	92,67%
64	VRG Kien Giang MDF Wood Industry Joint Stock Company	Lot M, Road No. 1, Thanh Loc Industrial Park, Thanh Loc Commune, Chau Thanh District, Kien Giang Province	99,82%
65	Phu Thinh Rubber Construction Investment Joint Stock Company	Phu Nguyen Hamlet, Phu Rieng District, Binh Phuoc Province	86,36%
66	Tay Ninh Export-Import Wood Processing Joint Stock Company	Ben Muong Hamlet, Thanh Duc Commune, Go Dau District, Tay Ninh Province	50,67%
67	Dau Tieng Rubber Transport Mechanics Joint Stock Company	4A Hamlet, Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	59,03%

No	Name	Registered office's address	Equity Interest
68	Phu Thinh Trading Fertilizer Joint Stock Company	Thuan An Small-Scale Industry Cluster, Thuận An Commune, Dak Mil District, Dak Nong Province	48,52%
69	Lai Chau II Rubber Joint Stock Company	Muong Te Town, Muong Te District, Lai Chau Province	99,80%
70	Ba Ria Kampong Thom Rubber Joint Stock Company	National Road 56, Binh Ba Commune, Chau Duc District, Ba Ria-Vung Tau Province	92,75%
71	Chu Se Kampong Thom Rubber Joint Stock Company	No. 420 Hung Vuong, Chu Se Town, Chu Se District, Gia Lai Province	99,95%
72	Mang Yang Ratanakiri Rubber Joint Stock Company	No. 536 Nguyen Hue, Dak Doa Town, Dak Doa District, Gia Lai Province	100,00%
73	Phu Hoa Kampong Thom Rubber Development Company Limited	Boeung Lavea Commune, Santuk District, Kampong Thom Province, Cambodia	66,62%
74	North Dong Phu Industrial Park Joint Stock Company	Bau Ke Hamlet, Tan Phu Town, Dong Phu District, Binh Phuoc Province	45,38%
75	Binh Long Rubber Industrial Park Joint Stock Company	Hamlet 3A, Minh Hung Commune, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province	57,09%
76	Yen Bai Rubber Joint Stock Company	Hamlet 2, Tan Thinh Commune, Yen Bai City, Yen Bai Province	99,79%
77	Dau Tieng Lao Cai Rubber Joint Stock Company	No. 186, Hoang Lien Street, Coc Leu Ward, Lao Cai City, Lao Cai Province	89,12%
78	Krong Buk Ratanakiri Rubber Joint Stock Company	Ea Ho Commune, Krong Buk District, Dak Lak Province	100,00%
79	Chu Prong Stung Treng Rubber Joint Stock Company	Ia Drang Commune, Chư Prông District, Gia Lai Province	99,86%
80	Dau Tieng Kratie Rubber Joint Stock Company	No. 33, Group 26, Hamlet 2, Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	95,00%
81	Dau Tieng Kampong Thom Rubber Joint Stock Company	Group 2, Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	97,99%
82	Dong Nai Rubber Wood Processing Joint Stock Company	Road No. 7, Long Khanh Industrial Park, Binh Loc Commune, Long Khanh Town, Dong Nai Province	69,00%
83	C.R.C.K Rubber Development Company Limited	Don Cam Pech Commune, San Dan District, Kampong Thom Province, Cambodia	100,00%
84	Tan Binh Industrial Park Joint Stock Company	Tan Binh Commune, Bac Tan Uyen District, Binh Duong Province	59,64%



LIST OF DIRECTLY AFFILIATED UNITS AND BRANCHES

No	Name	Registered office's address	Equity Interest
85	Khai Hoan VRG Joint Stock Company	Cau Sat Hamlet, Lai Hung Commune, Ben Cat District, Binh Duong Province	51,04%
86	Bolikhamxay Ha Tinh Rubber Company Limited	Bolikhamxay Province, Lao People's Democratic Republic	100,00%
87	Tay Ninh Siem Reap Rubber Development Company Limited	Trapeang Prasat Commune, Trapeang Prasat District, Oddar Mean Cheay Province, Cambodia	60,00%
88	VRG Oudomxay Single Member Limited Company	Oudomxay Province, Lao People's Democratic Republic	100,00%
89	VKETI Company Limited	Kratie Province, Kingdom of Cambodia	100,00%
90	Dau Tieng Lai Chau Rubber Joint Stock Company	Group 2, Than Uyen Town, Than Uyen District, Lai Chau Province	99,99%
91	Ea H'leo BM Rubber Company Limited	Ratanakiri Province, Cambodia	100,00%
92	Phu Hoa Dak Lak Rubber Company Limited	138 Hung Vuong, Ea Sup Town, Ea Sup District, Dak Lak Province	66,62%
93	Muong Nhe Dien Bien Rubber Joint Stock Company	Muong Nhe Hamlet, Muong Nhe Commune, Muong Nhe District, Dien Bien Province	100,00%
94	Qua Van Rubber Single Member Limited Company	Salavan Province, Lao People's Democratic Republic	100,00%
95	VRG Japan Rubber Export Joint Stock Company	269A Nguyen Trong Tuyet, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City	50,00%
96	Loc Ninh Wood Joint Stock Company	Dien Bien Phu Road, Ninh Thuan Hamlet, Loc Ninh Town, Loc Ninh District, Binh Phuoc Province	68,17%
97	Phuoc Hoa Dak Lak Rubber & Forestry Company Limited	Village 2, Ia Jloi Commune, Ea Súp District, Dak Lak Province.	60,22%
98	Kon Tum Rubber Wood Production Company Limited	Hamlet 1, Dak La Commune, Dak Ha District, Kon Tum Province	51,00%
99	Vietnam Furniture City Joint Stock Company	U&I Building, No. 158, Ngo Gia Tu Street, Chanh Nghia Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong, Vietnam.	33,97%
AFFILIATED COMPANIES AND JOINT VENTURES			
1	Thong Nhat Joint Stock Company	Bau Xeo Industrial Park, Song Trau Commune, Trang Bom District, Dong Nai Province	36,07%

No	Name	Registered office's address	Equity Interest
2	Vietnam Rubber Industry Urban and Industrial Park Development Joint Stock Company	165 Bach Dang, Hai Duong City, Hai Duong Province	36,25%
3	Visorutex Rubber Science Research & Experimental Production Company Limited	8 Tran Qui Khach, District 1, Ho Chi Minh City	27,57%
4	Binh Phuoc Infrastructure Construction Investment Joint Stock Company	Hoa Vinh Hamlet, Thanh Tam Commune, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province	29,17%
5	BOT DT.741 Road Business Joint Stock Company	Km 72+000, DT.741 Road, Thuan Hai Hamlet, Thuan Phu Commune, Dong Phu District, Binh Phuoc Province	16,89%
6	VRG Dongwha MDF Wood Joint Stock Company	Lot G, Minh Hung III Industrial Park, Minh Hung Commune, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province	49,00%
7	Ho Chi Minh City Rubber Joint Stock Company	636 Vo Van Kiet Street, Ward 1, District 5, Ho Chi Minh City	27,14%
8	Ben Thanh Rubber Joint Stock Company	Lot B3,1, Northwest Cu Chi Industrial Park, Ho Chi Minh City	48,27%
9	Dong Nai Rubber Construction Joint Stock Company	Road 1, Trung Tam Hamlet, Xuan Lap Commune, Long Khanh Town, Dong Nai Province	26,91%
10	Loc Thinh Joint Stock Company	Nhon Trach 2 Industrial Park, Loc Khang, Hiep Phuoc Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province	32,59%
11	V.R.G SA DO Rubber Yarn Joint Stock Company	Lot K5, K6, K7, N9A Road, Dau Giay Industrial Park, Bau Ham 2 Commune, Thong Nhat District, Dong Nai Province	49,06%
12	Nam Tan Uyen Urban and Industrial Company Limited	Long Thanh Farm Office, Zone 13, Long Duc Commune, Long Thanh District, Dong Nai Province	8,46%
13	Chu Pah Rubber Wood Processing Joint Stock Company	Ia Khuol Industrial Park, Tan Lap Hamlet, Ia Khuol Commune, Chu Pah District, Gia Lai Province	34,32%
14	Viet My Ha Tinh Agricultural Development Joint Stock Company	16 Vo Liem Son, Ha Tinh City, Ha Tinh Province	36,00%
15	Vietnam-Laos Dau Tieng Rubber Joint Stock Company	Area 3, Dau Tieng Town, Dầu Tiếng District, Binh Dương Province	49,00%
16	VRG Long Thanh Investment and Development Joint Stock Company	Lot E, Loc An Industrial Park, Binh Son, Binh Son Commune, Long Thanh District, Dong Nai Province	31,00%



DEVELOPMENT ORIENTATION

DEVELOPMENT OBJECTIVES

- Maintain the Group's position as a leading enterprise in Vietnam in the fields of natural rubber planting, processing, and trading; artificial wood processing; rubber industrial products; investment in industrial park infrastructure on rubber land; and high-tech agriculture. Among these, the Group ranks first in the field of natural rubber planting, processing, and trading.
- To be a pioneer in science and technology, innovation, and the application of information technology and AI.
- To develop the enterprise harmoniously on all three pillars: Economic - Social - Environmental, with green and sustainable growth as the consistent goal.
- To improve the operational efficiency and competitiveness of the Group on the basis of a modern technology platform; innovate management methods and governance according to international standards approaching developed countries; consolidate and develop the VRG brand in domestic and foreign markets; rationalize the industry structure, focusing on key production-business sectors as the core, for sustainable development; and improve the efficiency of land use and sustainable management of forest resources.





MEDIUM AND LONG-TERM DEVELOPMENT STRATEGY

- Implement synchronized solutions to maintain the position as the leading State-owned economic group in the field of planting, tending, processing, and trading rubber in the world, maintaining the pioneering role in the agricultural sector in innovation, research, and application of scientific and technological techniques in production and business activities. Focus on completing the certification of sustainable forest development VFCS/PEFC, all products meet the green criteria, energy saving, clean production, in accordance with the standards and requirements of transparency, traceability, in accordance with the regulations of the European Union (EUDR).
- Develop Carbon credits for the entire rubber plantation area to improve value and efficiency, focus on finding potential partners to cooperate in assessing carbon reserves and towards commercializing carbon credits in the future, in order to improve the value and efficiency of rubber plantations.
- Continue to invest in expanding the rubber area in Laos and Cambodia to enhance land accumulation and increase economic efficiency, while compensating for the domestic rubber area that is gradually being narrowed according to the socio-economic development plan.
- Focus resources on developing Industrial Parks according to new modern Industrial Park models, green Industrial Park, circular eco-Industrial Park, associated with digital transformation, application of high technology, and energy saving.
- Promote investment in clean energy and renewable energy projects, this will be a very important pillar for new growth momentum, green economic development, and efficient use of the Corporation's resources in the period 2025-2030 and vision to 2050.

As of December 31, 2024

No.	Personnel	Position	Start Date/No longer a member of the BOD, General Director, BOS	
			Appointment Date	Dismissal Date
I	BOARD OF DIRECTORS			
1	Mr. Tran Cong Kha	Chairman of the BOD	January 12, 2022	-
2	Mr. Le Thanh Hung	Member of the BOD	January 13, 2022	-
3	Mr. Tran Ngoc Thuan	Member of the BOD	May 22, 2018	On June 28, 2024, the Board of Directors approved the acceptance of the resignation letter.
4	Mr. Huynh Van Bao	Member of the BOD	May 22, 2018	
5	Mr. Ha Van Khuong	Member of the BOD	May 22, 2018	-
6	Mr. Pham Van Thanh	Member of the BOD	May 22, 2018	March 29, 2024
7	Mr. Do Huu Phuoc	Member of the BOD	June 17, 2024	-
8	Mr. Nguyen Dong Phong	Independent member of the BOD	June 17, 2024	-
9	Mr. Phan Manh Hung	Independent member of the BOD	May 22, 2018	March 29, 2024
10	Mr. Nguyen Hay	Independent member of the BOD	May 22, 2018	-

As of December 31, 2024

No.	Personnel	Position	Start Date/No longer a member of the BOD, General Director, BOS	
			Appointment Date	Dismissal Date
II BOARD OF MANAGEMENT				
1	Mr. Le Thanh Hung	General Director	January 13, 2022	-
2	Mr. Do Huu Phuoc	Permanent Deputy General Director	June 01, 2022	-
3	Mr. Tran Thanh Phung	Deputy General Director	February 18, 2020	-
4	Mr. Truong Minh Trung	Deputy General Director	June 01, 2018	-
5	Mr. Pham Hai Duong	Deputy General Director	September 08, 2023	-
6	Mr. Le Dinh Buu Tri	Deputy General Director	June 01, 2022	-
7	Mr. Huynh Kim Nhut	Deputy General Director	June 01, 2022	-
III BOARD OF SUPERVISORS				
1	Mr. Pham Van Hoi Em	Head of the BOS	June 17, 2024	-
2	Mr. Do Khac Thang	Head of the BOS	May 22, 2018	June 17, 2024
3	Mr. Vo Van Tuan	Member of the BOS	January 12, 2022	-
4	Mr. Nguyen Minh Duc	Member of the BOS	January 12, 2022	-




TRAN CONG KHA
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS
 Appointment: January 12, 2022
 Year of birth: 1974
 Education: Doctor of Economics



MR. LE THANH HUNG

MEMBER OF THE BOD

Appointment: January 12, 2022

Year of birth: 1966

Education: Master of Economics



MR. HA VAN KHUONG

MEMBER OF THE BOD

Appointment: January 12, 2022

Year of birth: 1970

Education: Master of Agricultural Science



MR. DO HUU PHUOC

MEMBER OF THE BOD

Appointment: June 17, 2024

Year of birth: 1968

Education: Master of Engineering



MR. NGUYEN DONG PHONG

INDEPENDENT MEMBER OF THE BOD

Appointment: June 17, 2024

Year of birth: 1960

Education: Professor, Doctor of Economics



MR. NGUYEN HAY

INDEPENDENT MEMBER OF THE BOD

Appointment: January 12, 2022

Year of birth: 1959

**Education: Professor, Doctorate
 Major in Mechanical Engineering - Dynamics**



LE THANH HUNG
GENERAL DIRECTOR
Appointment: January 12, 2022
Year of birth: 1966
Education: Master of Economics



MR. DO HUU PHUOC
PERMANENT DEPUTY GENERAL DIRECTOR

Appointment: June 01, 2022
Year of birth: 1968
Education: Master of Engineering



MR. TRUONG MINH TRUNG
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

Appointment: June 01, 2018
Year of birth: 1968
Education: Master of Business
Administration



MR. TRAN THANH PHUNG
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

Appointment: February 18, 2020
Year of birth: 1968
Education: Master of Business
Administration



MR. LE DINH BUU TRI
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

Appointment: June 01, 2022
 Year of birth: 1970
 Education: Master of Finance and
 International Trade



MR. HUYNH KIM NHUT
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

Appointment: June 01, 2022
 Year of birth: 1973
 Education: Master of Economics



MR. PHAM HAI DUONG
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

Appointment: September 08, 2023
 Year of birth: 1966
 Education: Master of Engineering



MR. PHAM VAN HOI EM
HEAD OF THE BOS

Appointment: June 17, 2024
 Year of birth: 1975
 Education: Bachelor of Economics
 Certified Auditor Certificate



MR. NGUYEN MINH DUC
MEMBER OF THE BOS

Appointment: January 12, 2022
 Year of birth: 1984
 Education: Construction engineer



MR. VO VAN TUAN
MEMBER OF THE BOS

Appointment: January 12, 2022
 Year of birth: 1971
 Education: Master of Agriculture

03

OPERATIONS IN THE YEAR

Financial Highlights

Human Resources and Employment Policies

Environmental and social assessment



The year 2024 continued to witness significant economic and social fluctuations that strongly impacted global supply chains, and Vietnam was no exception in facing the repercussions of this crisis. Despite numerous challenges, thanks to the strategic direction of the Board of Directors and the unwavering determination and efforts of the Board of Management and all employees, the Group's consolidated business results in the past year recorded notable achievements.

BUSINESS RESULTS

Unit: Billion VND

Indicator	Year 2020	Year 2021	Year 2022	Year 2023	Year 2024	Change from Previous Year
Net revenue from sale of goods and rendering of services	21,116	26,189	25,425	22,138	26,242	18.54%
Gross profit from sale of goods and rendering of services	4,599	7,575	6,342	4,962	6,965	40.34%
Net operating profit	4,802	5,783	4,381	2,795	4,740	69.55%
Net profit after tax	5,076	5,340	4,753	3,372	4,827	43.10%

According to the Audited Consolidated Financial statements



MAJOR FINANCIAL INDICATORS

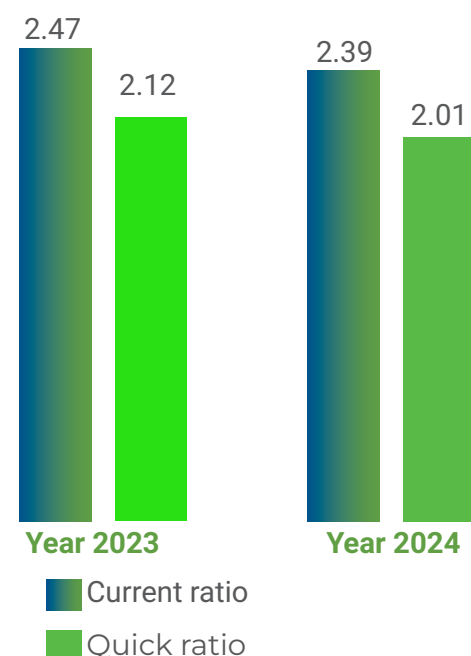
Indicators	Unit	Year 2023	Year 2024
SOLVENCY RATIO			
Current ratio	Times	2.47	2.39
Quick ratio	Times	2.12	2.01
CAPITAL STRUCTURE RATIO			
Debt/Total assets ratio	%	29.57	29.97
Debt/Owner's Equity ratio	%	41.99	42.79
OPERATION CAPABILITY RATIO			
Inventory turnover	Turn	4.59	5.00
Total asset turnover	Turn	0.28	0.33
PROFITABILITY			
Profit after tax/Net revenue Ratio (ROS)	%	15.24	18.39
Profit after tax/Total capital Ratio (ROEA)	%	6.22	8.51
Profit after tax/Total assets Ratio (ROAA)	%	4.31	5.98
Net operating profit/Net revenue Ratio	%	12.63	18.06

According to the Audited Consolidated Financial statements



MAJOR FINANCIAL INDICATORS

SOLVENCY RATIO



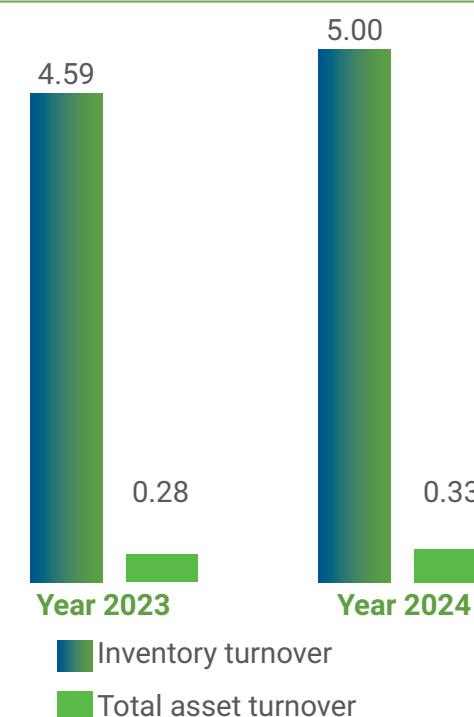
In 2024, the current ratio and quick ratio reached 2.39 and 2.01, respectively. The current ratio remained stable, while the quick ratio showed greater fluctuations. Although all components of the solvency ratios increased, the slower growth rate of current assets resulted in a slight decrease in the current ratio compared to 2023.

The Group's solvency has remained at a safe level over the years, as evidenced by its proactive liquidity risk management. As a result, the Group has ensured its ability to meet due obligations, minimized risks, and maintained stable business operations.

OPERATION CAPABILITY RATIO

The Company's operation capability indicators in 2024 remained stable with a slight upward trend compared to 2023.

- Inventory turnover increased from 4.59 times to 5.00 times, as cost of goods sold in 2024 rose by 12.23% compared to the same period last year. This was driven by a 0.3% increase in rubber sales volume and a 20.17% increase in average selling price compared to the same period, which contributed to the higher inventory turnover.
- Total asset turnover also rose slightly from 0.28 times to 0.33 times, mainly due to an 18.49% increase in net revenue in 2024 (equivalent to a rise of over VND 4,099 billion) compared to the previous year.
- With increasingly stable macroeconomic prospects and business activities showing signs of recovery, the Company's operation efficiency indicators are expected to continue improving and achieve impressive results in the near future.

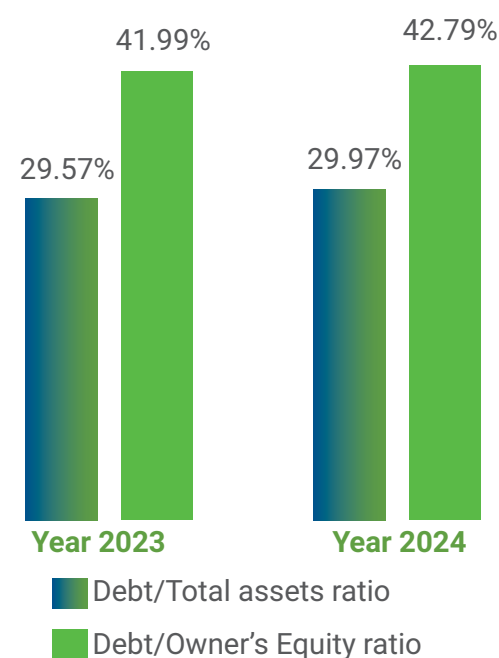


CAPITAL STRUCTURE RATIO

The Company has always exercised caution in raising and utilizing borrowings to ensure the most effective use of capital and minimize financial risks.

In 2024, the Company's total assets increased by 6.82%, equivalent to VND 5,322 billion, while both liabilities and owner's equity saw significant growth rates, rising by 8.24% and 6.22% respectively. As a result, the Company's capital structure ratios all increased compared to the previous year. Specifically, the debt/total assets ratio and the debt/owner's equity ratio were recorded at 29.97% and 42.79%, respectively.

Although the leverage ratio increased slightly in 2024, the Group has consistently applied a prudent and reasonable strategy regarding the use of debt, aiming to ensure a healthy financial position and maintain the lowest level of risk. This is clearly demonstrated by the fact that the Group's financial borrowings accounted for only 28.17% of total liabilities.



PROFITABILITY

Over the past year, despite facing significant challenges amid various external difficulties, the Group achieved encouraging results, with profit after tax increasing by 43.10% to VND 4,827 billion. Specifically, the ROS, ROEA, ROAA, and net operating profit/net revenue ratios reached 18.39%, 8.51%, 5.98%, and 18.06%, respectively.



NUMBER OF EMPLOYEES AT THE PARENT COMPANY – THE GROUP

Total: 212 employees

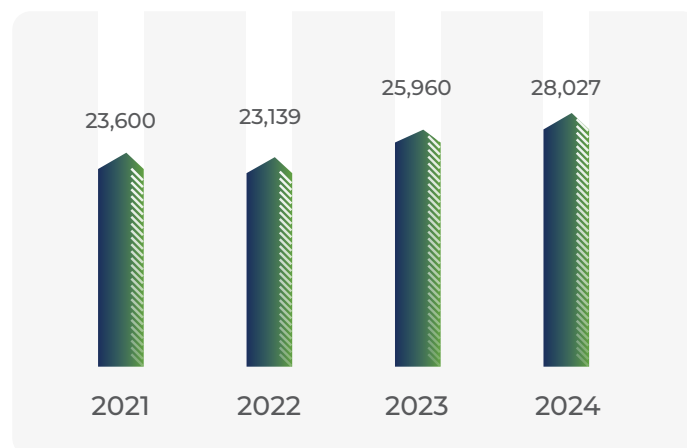
As of December 31, 2024

No.	Indicator	2023		2024	
		Number of employees (persons)	Proportion (%)	Number of employees (persons)	Proportion (%)
I	ACCORDING TO QUALIFICATION	218	100%	212	100%
1	Qualification Above University	59	27%	57	27%
2	Qualification University, College	115	53%	116	55%
3	Qualification Intermediate	3	1%	3	1%
4	Skilled Worker	0	0%	0	0%
5	Unskilled Labor	41	19%	36	17%
II	ACCORDING TO GENDER	218	100%	212	100%
1	Male	137	63%	134	63%
2	Female	81	37%	78	37%
III	ACCORDING TO TERM OF LABOR CONTRACT	218	100%	212	100%
1	Indefinite-Term Contract	195	89%	189	87%
2	Fixed-Term Contract (1-3 Years)	9	4%	13	6%
3	Other	14	6%	10	5%

Average income of employees over the years

Unit: Million VND/person/year

Year	Year 2021	Year 2022	Year 2023	Year 2024
Average income of employees	23,600	23,139	25,960	28,027



LABOR POLICY

The Group places great importance on the role of its workforce in the organization's development. Therefore, over the years, the Group has consistently prioritized investment in employees through appropriate training, compensation, and benefits policies.

RECRUITMENT POLICY

Recognizing the importance of human resources to the survival and development of the business, attracting high-quality talent is one of the Group's primary objectives. To bring in and retain talented individuals, the Group always strives to create a professional working environment, offers opportunities for employees to learn and work effectively, allows them to develop their careers, and encourages long-term commitment to the Group.



However, recruitment must meet the Group's medium- and long-term development goals and strategic requirements. Recruited personnel are not only expected to fulfill current job requirements but also to contribute to the Group's long-term growth. In addition, with the advancement of science and technology, the Group welcomes interns in fields such as information technology and engineering.

TRAINING AND EMPLOYEE DEVELOPMENT POLICY

SALARY, BONUS, AND BENEFITS POLICY

Throughout the year, the Group consistently ensures that each employee receives a suitable salary according to their position and role, based on working time, performance, business results, and market salary levels. Salary increases are considered for individuals and teams with excellent performance, in order to encourage and motivate employees to continuously strive for the best work outcomes.

In addition, the Group pays special attention to employee welfare, such as providing health and accident insurance in accordance with legal regulations to ensure peace of mind at work. The Group also implements bonus policies on occasions such as Tet, National Day, April 30th, May 1st, and more. Besides salary and bonus schemes, various benefits such as annual company trips and regular health check-ups are also maintained.

With fair and flexible salary and bonus policies, opportunities for promotion for talented young employees, and a friendly working environment, the Group has built a corporate culture that supports the maintenance and development of a workforce capable of meeting both current and future job requirements.

WORKING CONDITIONS

The Group always strives to create a modern, dynamic working environment through activities that build team spirit; sports – cultural – artistic programs, etc., so that employees have opportunities to interact, connect, and make efforts together for the sustainable development of the Group.

All employees working at the Group are trained and tested on safety regulations to avoid risks occurring during the working process. At the same time, during the year, the Group has also implemented occupational safety plans suitable to the actual requirements in production and business: procurement, distribution, and use of personal protective equipment; occupational safety and hygiene inspections are always carried out in accordance with the regulations of the State and of the Group.



ACTIVITIES TO SUPPORT EMPLOYEES DURING THE YEAR

- Organized the Workers' Sports Festival in 5 regions with 1,819 athletes participating from 78 units.
- Successfully organized Workers' Month with a variety of rich and diverse activities focusing on employees, targeting the grassroots level with activities that place employees at the center.

- Established teams to visit and promptly support employees in difficult circumstances, those suffering from occupational accidents, and workers' families affected by natural disasters and floods, etc. To overcome the impact of storm No. 3 (Yagi), the Vietnam Rubber Industry Trade Union and the Group mobilized more than 3.4 billion VND to support employees. The Vietnam Rubber Industry Trade Union set up teams to visit and support 13 units affected by storm No. 3 with a total of 340 million VND. In 2024, the units carried out social activities with nearly 39.7 billion VND to support local community activities and care for 10 Vietnamese Heroic Mothers.



- The management board of the "Trade Union Shelter" Fund has issued support for the construction and repair of 87 houses, including: constructing 64 new houses; repairing 23 houses with a total amount of 5,170 billion VND. Supporting serious illness cases for 49 people with a total amount of 490 million VND.
- The movement "Practicing Skills, Competing for Good Workers" has gone into depth, quality, and effectiveness.
- The movement "Creative Labor, Promoting Innovations and Technical Improvements". Many units have paid proper attention and investment; in the whole industry, there were 315 initiatives, including 10 at industry level and 305 at grassroots level, with the total profit of over 2,303 billion VND.





ENVIRONMENTAL AND SOCIAL ASSESSMENT

DETERMINED TO OVERCOME CHALLENGES, FULFILL TASKS, AND TAKE GOOD CARE OF EMPLOYEES.

Although achieving the objectives and tasks of the 2024 plan faced major challenges amid numerous external difficulties, with the perseverance of all staff and employees, the Group has basically fulfilled the assigned targets in terms of output and finance; surpassed the planned contribution to the State budget; preserved and developed shareholders' equity; safeguarded the interests of shareholders and investors; and maintained stable jobs and income for workers. On that foundation, the Group continues to implement the green growth and sustainable development strategy, focusing on three pillars: Economic - Environmental - Social.



RUBBER COMPANIES BLOC

Production output reached 445,200 tons, fulfilling 100.0% of the annual target; procurement was estimated at 77,921 tons, reaching 103.5% of the yearly plan and 103.5% compared to the previous year; processing reached 499,859 tons, equivalent to 99.3% of the yearly target and 1.8% higher than in 2023; consumption reached 521,651 tons, fulfilling 100.2% of the annual plan and 100.3% compared to 2023's actual results. The rubber bloc's revenue in 2024 reached VND 24,582 billion, equivalent to 110.7% of the plan, and pre-tax profit amounted to VND 4,718 billion, or 122.9% of the 2024 target.



WOOD PROCESSING

The Group's output of various types of wood (sawn wood, finger-jointed wood panels, refined wood, MDF) reached 1,090,458 m³, equal to 87.4% of the plan; revenue of wood companies in 2024 reached 2,366 billion VND, equal to 87.6% of the plan. The activities of wood companies faced many difficulties, failing to achieve both production volume and revenue targets, and profit, due to weak domestic demand and export markets not yet recovered, so there were no orders and no output.



RUBBER INDUSTRY

Total revenue in 2024 for the group of rubber product manufacturing companies (6 companies) reached 401 billion VND, equal to 83.0% of the annual plan. The business and production activities of these companies continued to face many challenges due to rising raw material and fuel costs, outdated production technology, and intense competition both in the domestic and international markets.



INDUSTRIAL PARK

The Group has 11 affiliated industrial park infrastructure companies to implement investment in 14 industrial parks with a total area of 4,628 ha; the average occupancy rate is 82% of the total commercial land area, mainly located in Binh Duong, Binh Phuoc, Dong Nai, Gia Lai, Hai Duong, and Tay Ninh provinces.



In 2024, the Group has agreed on the plan for 9 affiliated industrial parks; the business results as of December 31, 2024, of 9 affiliated industrial park companies are as follows: newly leased area is 61 hectares, equal to 24.8% of the annual plan; revenue reached 1,250 billion VND, equal to 81.5% of the plan; pre-tax profit is 710 billion VND, equal to 93.8% of the 2024 plan. The situation is difficult, as customer enterprises and partners have scaled down production, together with no new land bank for lease as planned (because the infrastructure project for Nam Tan Uyen Industrial Park expansion phase II with a scale of 345.9 ha is behind schedule), so the main sources of income for industrial park companies this year came from service fees, deposit interest, and allocation of long-term revenue.

HYDROPOWER

Abnormal weather, drought and no water at the beginning of the year, heavy and widespread rains at the end of the year, frequent storms and floods, so hydropower companies had to release floodwater, unstable electricity generation to the grid led to commercial electricity output only meeting the assigned 2024 plan of 480 million kWh, equivalent to 100% of the plan and a decrease of 9.7% compared to 2023; hydropower revenue reached 539 billion VND, equivalent to 96.3% of the plan; pre-tax profit reached 152 billion VND, equivalent to 99.3% of the 2024 plan.



HIGH-TECH APPLIED AGRICULTURE

The group is implementing 14 large-scale agricultural projects applying technology and mechanization, with a total area of 4,030 ha (1,615 ha have been planted, accounting for 40.1%). The main approach is investment cooperation, with the initial goal of accessing technology and consumer markets, gradually moving towards direct implementation. Cavendish banana tissue-cultured plants are mainly grown (1,443 ha out of 1,615 ha, accounting for 89.3%) due to strong market demand. Other crops such as jackfruit, sweet potato, pomelo, and corn are also being piloted on a small scale to assess their effectiveness.

The group continues to encourage its member units to develop large-scale agricultural models applying modern technology and mechanization, combined with building product consumption linkage chains to increase added value and ensure sustainable agricultural production.



DEVELOPMENT OF CLEAN AND RENEWABLE ENERGY

The Group has established a Steering Committee and a Task Force for the Planning of Clean Energy Development to review suitable areas for the development of clean and renewable energy sources supplying industrial zones and major energy users, under direct power purchase agreements and selling to Vietnam Electricity (EVN) through appropriate mechanisms in accordance with regulations.

The Group is actively promoting activities related to social responsibility and environmental protection, enhancing solutions for cleaner production, minimizing greenhouse gas emissions, utilizing renewable energy, practicing energy saving, and moving towards Net Zero.

Currently, 11 member units of the Group are investing in and commercially cooperating for the production of rooftop solar power at the production plants and company offices, mainly in the form of both leasing rooftops and purchasing electricity, with a total installed capacity of 11,204 kWp. In 2024, solar power generation reached 13 million kWh, generating revenue of VND 24 billion (equivalent to a reduction of 8,800 tons of CO₂ emissions).

The Group, together with the Vietnam Rubber Trade Union, takes good care of the material and spiritual life of more than 81,000 employees, among whom there are 19,857 foreign workers (Cambodia, Laos), accounting for 24.5%; 17,269 ethnic minority workers, accounting for 21.3%; 34,483 female workers, accounting for 42.6%, with an average income of 11 million VND per person per month.

The Group has also closely coordinated with the Vietnam Rubber Trade Union and the Group's Youth Union to carry out social welfare activities and environmental protection, contributing to strengthening and safeguarding national defense and security, and maintaining order and security in areas where its member companies are located. Overseas investment projects have proven effective and have contributed, and continue to contribute, to strengthening the cooperative and friendly relations between our country and the two neighboring countries of Laos and Cambodia. The Group's Green Growth and Sustainable Development Strategy for the 2023–2030 period, with a vision to 2050, continues to affirm its pioneering and exemplary role in the sustainable development of the rubber industry. At the 2024 Vietnam Sustainable Business Announcement Ceremony, the Group had 14 member companies honored among the Top 100 Sustainable Enterprises, including Chu Pah Rubber One Member Limited Liability Company in the Top 10. The year 2024 is also the year in which the Group accelerates the implementation of digital transformation and continues to promote the application of information technology in management and administration activities to improve corporate governance efficiency.



04

REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Assessment of operating results in 2024

Financial situation

Achievements in 2024

Assessment report related to the Company's
Environmental and social responsibility



OPERATING RESULTS IN 2024

BUSINESS RESULTS ACCORDING TO THE GROUP'S FINANCIAL STATEMENTS IN 2024

Unit: billion VND

Item	Actual 2023	Plan 2024	Actual 2024	% Actual 2024/ Plan 2024	% Actual 2024/ Actual 2023
Total revenue and other income	3,980	3,988	5,271	132.17%	132.44%
Profit before tax	1,433	1,454	2,353	161.90%	164.27%
Profit after tax	1,433	1,454	2,353	161.90%	164.27%

BUSINESS RESULTS ACCORDING TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS IN 2024

Unit: billion VND

Item	Actual 2023	Plan 2024	Actual 2024	% Actual 2024/ Plan 2024	% Actual 2024/ Actual 2023
Total revenue and other income	24,699	24,999	28,739	114.96%	116.36%
Profit before tax	4,114	4,104	5,606	136.60%	136.27%
Profit after tax	3,373	3,437	4,826	140.44%	143.11%

In 2024, thanks to the proactive, flexible approach and the spirit of unity among the leadership team and employees, the Group made efforts to overcome market challenges. Despite facing numerous difficulties and challenges, including rising production costs and raw material prices, as well as a decline in domestic and international consumer demand, the Group's business operations and investments in 2024 still achieved and exceeded the planned targets. Some areas of activity performed well, and the equity capital was preserved and grew. Specifically, the consolidated total revenue and other income reached VND 28,739 billion, achieving 114.96% of the plan and increasing by 16.36% compared to the same period last year. The consolidated profit before tax was VND 5,606 billion, reaching 136.60% of the plan and 36.27% higher than the previous year. The consolidated profit after tax was VND 4,826 billion, equivalent to 140.44% of the plan and 43.11% higher than in 2023.



CONSOLIDATED TOTAL REVENUE

28,739 Billion VND

Achieved 114.96% of the 2024 plan



TOTAL REVENUE OF
THE PARENT COMPANY

5,271 Billion VND

Achieved 132.17% of the 2024 plan



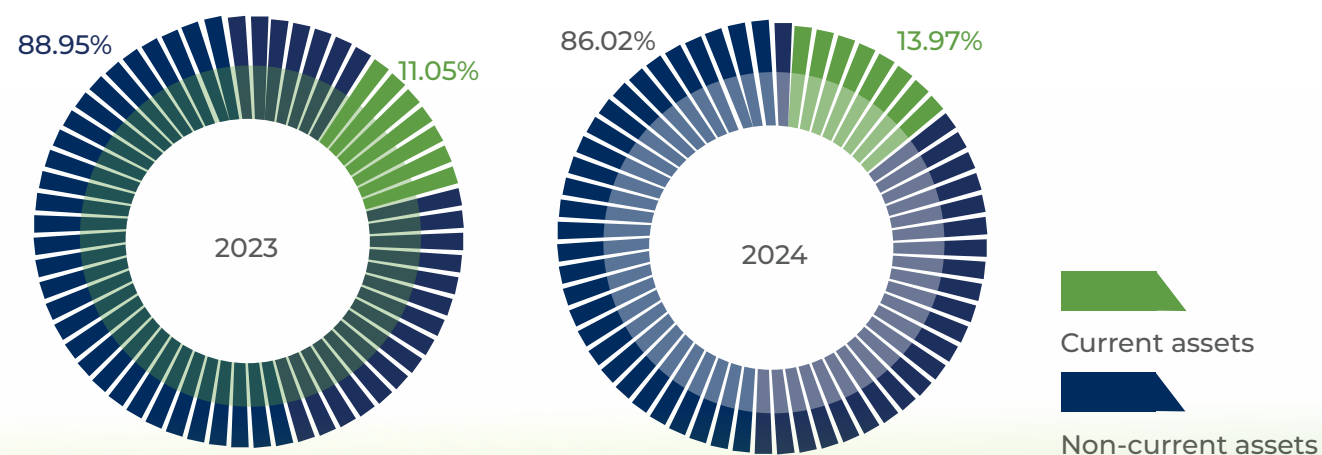
REGARDING THE FINANCIAL SITUATION OF THE PARENT COMPANY

ASSETS STRUCTURE

Unit: billion VND

Item	As of 31.12.2023		As of 31.12.2024		% Increase/ Decrease
	Value	Structure	Value	Structure	
Current assets	4,842	11.05%	6,347	13.97%	31.08%
Non-current assets	38,960	88.95%	39,074	86.02%	0.29%
Total assets	43,802	100.00%	45,422	100.00%	3.70%

As of 31/12/2024, the Group's total assets were recorded at 45,422 billion VND, an increase of 3.70% compared to the beginning of the year. Non-current assets remained at a high level, accounting for 86.02% of total assets, equivalent to 39,074 billion VND, an increase of 0.29% compared to 2023. Current assets were recorded at 6,347 billion VND, an increase of 31.08% compared to 2023, mainly due to the increase in the term deposits item (up by 1,297 billion VND).

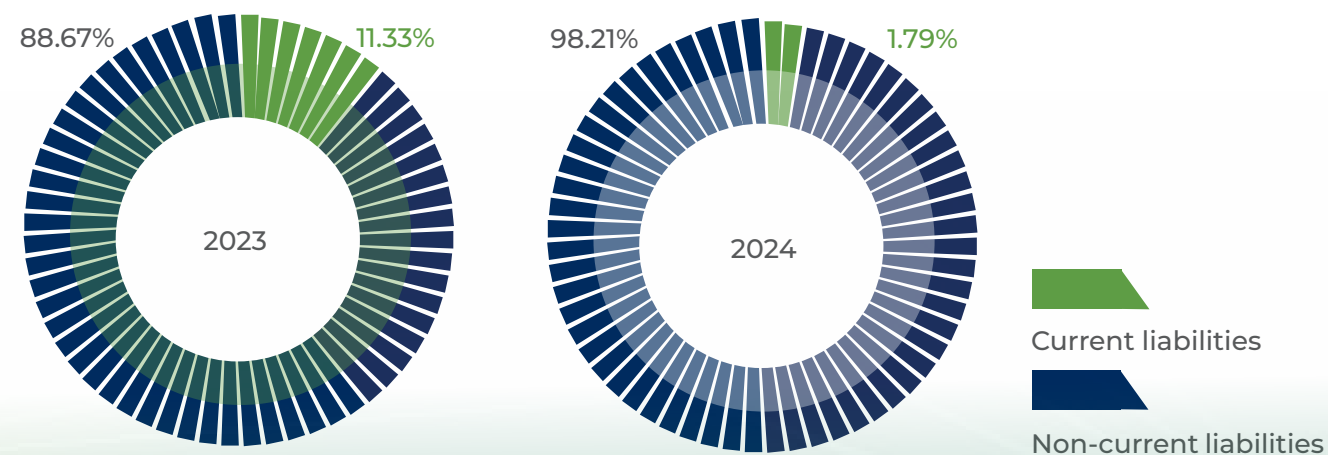


LIABILITIES STRUCTURE

Unit: billion VND

Item	As of 31.12.2023		As of 31.12.2024		% Increase/ Decrease
	Value	Structure	Value	Structure	
Current liabilities	368	88.67%	876	98.21%	138.04%
Non-current liabilities	47	11.33%	16	1.79%	(65.9%)
Total liabilities	415	100.00%	892	100.00%	114.94%
Owner's equity	43,487	100.00%	44,529	100.00%	2.63%

As of 31/12/2024, the Company's liabilities were recorded at 892 billion VND, an increase of 114.94% compared to the previous year. The liability structure is primarily made up of current liabilities, which account for a large proportion of 98.21%. Non-current liabilities decreased sharply by 39.35% compared to 2023. Additionally, the Company's equity capital in 2024 was recorded at 44,529 billion VND, a slight increase of 2.63% compared to the previous year, mainly due to an increase in undistributed after-tax profit.





33 member companies
have created a Sustainable Forest
Management plan for
284,354 hectares



18 companies have been granted
Sustainable Forest Management certification
under VFCS/PEFC for approximately
118,337 hectare

Annually, the Group has
>10 member
companies certified as
sustainable enterprises
under

CSI 100

39 factories (natural
rubber processing, wood
processing, and rubber
industrial products) have
been certified with

PEFC-CoC
(product chain of custody)





ASSESSMENT REPORT RELATED TO THE COMPANY'S ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITY

ASSESSMENT RELATED TO ENVIRONMENTAL INDICATORS (WATER CONSUMPTION, ENERGY, EMISSIONS, ETC.)

The Group fully complies with environmental protection measures to reduce pollution. It is essential to maintain effective environmental protection and regular monitoring, covering all environmental factors. Additionally, the Group frequently checks the automatic monitoring system to detect and address issues, ensuring wastewater quality meets standards before being discharged.

The Group also implements electricity and water-saving policies and adopts the 5S policy to maintain a clean, organized, and efficient working environment, improving productivity and work effectiveness.

ASSESSMENT RELATED TO THE COMPANY'S RESPONSIBILITY TOWARDS THE LOCAL COMMUNITY

The Group recognizes its responsibility towards the community and society, and therefore, always emphasizes and focuses on this work through activities such as: The management board of the 'Mái ấm CĐ' Fund has issued support for building new and repairing 87 houses, including 64 new houses and 23 repaired houses, with a total amount of VND 5.17 billion. The Group also supported 49 cases of critical illness with a total of VND 490 million.

The Group has initiated movements such as gratitude and memorial activities, blood donation festivals, island solidarity, and organized cultural exchanges, sports events, and Tet gift donations for disadvantaged individuals at member companies.

ASSESSMENT RELATED TO LABOR ISSUES

The labor situation and wages of employees are stable, and the Trade Union and the Group always pay attention to and care for the physical and mental well-being of employees, ensuring they are at ease in their work.

Thanks to the attention of leadership levels and the Trade Union Executive Committee, workers are secure in their work and have made significant contributions to the Group's overall performance.

In addition to professional activities, the Group also cares for the spiritual life of employees through activities such as giving flowers and gifts to female union members on March 8th and October 20th, organizing sports events, 'Workers' Month,' 'Union Meals,' 'Family Shelter,' the 2024 'Union Tet Market' program, the 'Skill Development and Excellent Worker Competition,' and the 'Creative Labor, Promoting Innovation, and Technical Improvement' movement.

The Group provides 24/7 insurance for employees. Throughout the year, several health checkups have been organized for workers.



05

CORPORATE GOVERNANCE

Board of Directors' Assessment of the Group's Operations

Board of Directors' Assessment of the Board of Management's Performance

Assessment of the Performance of Independent Board Members

Board of Directors' Plans and Orientation for 2025

Board of Directors

Board of Supervisors

Risk Management Report



DETERMINED TO OVERCOME CHALLENGES, FULFILL TASKS, AND ENSURE EMPLOYEE WELFARE

Despite facing significant challenges in achieving the goals and targets set for 2024 due to numerous external difficulties, the Group—driven by the resilient spirit of its entire staff—has fundamentally fulfilled its assigned plans in terms of production and finance, even exceeding its State budget contribution targets. The Group has maintained and grown its equity, safeguarded the interests of shareholders and investors, and ensured job stability and income for employees. Building on this foundation, the Group remains committed to implementing a green growth strategy and pursuing sustainable development based on three pillars: Economic - Environmental - Social.

Rubber Companies Segment

Wood Processing

Estimated exploitation output reached 445,200 tons, equal to 100.0% of the annual plan; procurement reached 77,921 tons, equal to 103.5% of the annual plan and 103.5% of the previous year; processing reached 499,859 tons, equal to 99.3% of the annual plan and 1.8% higher than in 2023; consumption reached 521,651 tons, equal to 100.2% of the annual plan and 100.3% compared to 2023 performance. Rubber segment revenue in 2024 reached VND 24,582 billion, equal to 110.7% of the plan and profit before tax reached VND 4,718 billion, equal to 122.9% of the 2024 plan.

Estimated exploitation output reached 445,200 tons, equal to 100.0% of the annual plan; procurement reached 77,921 tons, equal to 103.5% of the annual plan and 103.5% of the previous year; processing reached 499,859 tons, equal to 99.3% of the annual plan and 1.8% higher than in 2023; consumption reached 521,651 tons, equal to 100.2% of the annual plan and 100.3% compared to 2023 performance. Revenue from the rubber segment in 2024 reached VND 24,582 billion, equal to 110.7% of the plan, and profit before tax reached VND 4,718 billion, equal to 122.9% of the 2024 plan.

Rubber Industry

Hydropower

Total revenue in 2024 from the group of rubber industrial product manufacturing companies (6 companies) reached VND 401 billion, equal to 83.0% of the annual plan. The business and production activities of these companies continued to face many difficulties due to high prices of raw materials and fuel, outdated production technology, and intense competition in both domestic and international markets.

Abnormal weather conditions—with drought and lack of water in the early part of the year, followed by widespread heavy rains and frequent storms and floods toward the end of the year—forced hydropower companies to discharge water, causing unstable electricity generation to the grid. As a result, commercial electricity output only met the assigned 2024 plan of 480 million kWh, equivalent to 100% of the plan and a decrease of 9.7% compared to 2023. Hydropower revenue reached VND 539 billion, equal to 96.3% of the annual plan, and profit before tax reached VND 152 billion, equal to 99.3% of the 2024 plan.

Industrial Park

The Group has 11 subsidiary industrial park infrastructure companies responsible for developing 14 industrial parks with a total area of 4,628 hectares; the average occupancy rate is 82% of the total leasable land area, concentrated in the provinces of Binh Duong, Binh Phuoc, Dong Nai, Gia Lai, Hai Duong, and Tay Ninh.

In 2024, the Group agreed on plans for 9 subsidiary industrial parks; as of December 31, 2024, the business results of these 9 industrial park companies are as follows: new land leases reached 61 hectares, equivalent to 24.8% of the annual plan; revenue reached VND 1,250 billion, equivalent to 81.5% of the plan; and pre-tax profit reached VND 710 billion, equivalent to 93.8% of the 2024 plan. Due to challenging conditions, with customers and partners scaling down production and no new land available for lease as planned (as the 345.9-hectare Nam Tan Uyen Industrial Park infrastructure project—phase II—has been delayed), the main sources of income for the industrial park companies this year were service fees, deposit interest, and the allocation of deferred revenue.

Clean and Renewable Energy Development

The Group has established a Steering Committee and a Development Plan Implementation Team for Clean Energy to review suitable areas for the development of clean energy and renewable energy sources to supply industrial parks and large energy-consuming units under the direct power purchase mechanism and sell to Vietnam Electricity (EVN) in a manner consistent with regulations.

The Group is also strengthening activities related to social responsibility, environmental protection, promoting cleaner production solutions, reducing greenhouse gas emissions, utilizing renewable energy, practicing energy conservation, and striving towards Net Zero.

Currently, 11 member units of the Group are jointly investing in commercial production of rooftop solar energy at manufacturing plants and company offices, in cooperation with investment partners. This collaboration primarily involves leasing rooftops and purchasing electricity for use. The total installed capacity is 11,204 KWp. In 2024, solar power production amounted to 13 million kWh, generating revenue of VND 24 billion (equivalent to a reduction in emissions of 8,800 tons of CO₂).

The Group has also closely collaborated with the Vietnam Rubber Trade Union and the Youth Union of the Group to implement social welfare activities, environmental protection efforts, and contribute to strengthening national defense and security, maintaining order and safety at the locations of its member companies. The Group's overseas investment projects have been effective and continue to contribute to strengthening the friendly cooperation between Vietnam and the two neighboring countries, Laos and Cambodia.

The Group's Green Growth and Sustainable Development Strategy for the period 2023-2030, with a vision for 2050, reaffirms its pioneering role in the sustainable development of the rubber industry. At the 2024 Vietnam Sustainable Business Awards, 14 of the Group's member companies were honored as part of the Top 100 Sustainable Businesses, with Chư Păh Rubber Co., Ltd. ranked in the Top 10.

2024 is also the year the Group accelerates the digital transformation process, continuing to enhance the application of information technology in management and operations to improve corporate governance effectiveness.

 **BOARD OF DIRECTORS' ASSESSMENT OF THE
BOARD OF MANAGEMENT 'S PERFORMANCE**

**THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS HAS BEEN PROACTIVE
AND CREATIVE IN MANAGING AND OPERATING THE GROUP,
SUCCESSFULLY FULFILLING ITS TASKS.**

Although being greatly influenced by both domestic and global factors, in 2024, the Group has achieved remarkable results, with all targets being met and exceeded compared to the plan. This success is significantly attributed to the dynamic, creative, and timely management and leadership of the Board of Directors.

In accordance with the regulations of the Group's Charter and Governance Code, the Board of Directors has carried out monitoring and supervision of the General Director and the Board of Mangament's activities in the management of production and business operations, as well as in the implementation of resolutions from the General Shareholders' Meeting and the Board of Directors. Under the leadership of the Board of Directors, the General Director and Board of Management have effectively built and implemented the business and production plans. The Board of Directors and the Board of Management regularly communicate, exchange, and coordinate closely in providing direction and guidance through quarterly meetings and whenever necessary to ensure timely and specific instructions in each situation.

During the execution of tasks, the Board of Management have always proactively reported in detail, providing full updates on the progress of business plans as well as challenges and obstacles arising in the process of executing the business plan, seeking guidance from the Board of Directors. Meanwhile, the General Director and Executive Board have continuously made

efforts to overcome challenges, proactively and flexibly managing operations, while also providing timely proposals and recommendations to ensure appropriate directives aligned with the actual situation.

According to the evaluation from the Board of Directors, the General Director and Board of Management have excellently completed their duties in managing the production and business operations from January 1, 2024, to December 31, 2024, ensuring compliance with and proper implementation of the resolutions and decisions of the Board of Directors. They have successfully executed the risk control management system of the Group, ensuring the timely and accurate preparation and public disclosure of financial reports quarterly and annually according to Vietnamese accounting standards and the current legal regulations.

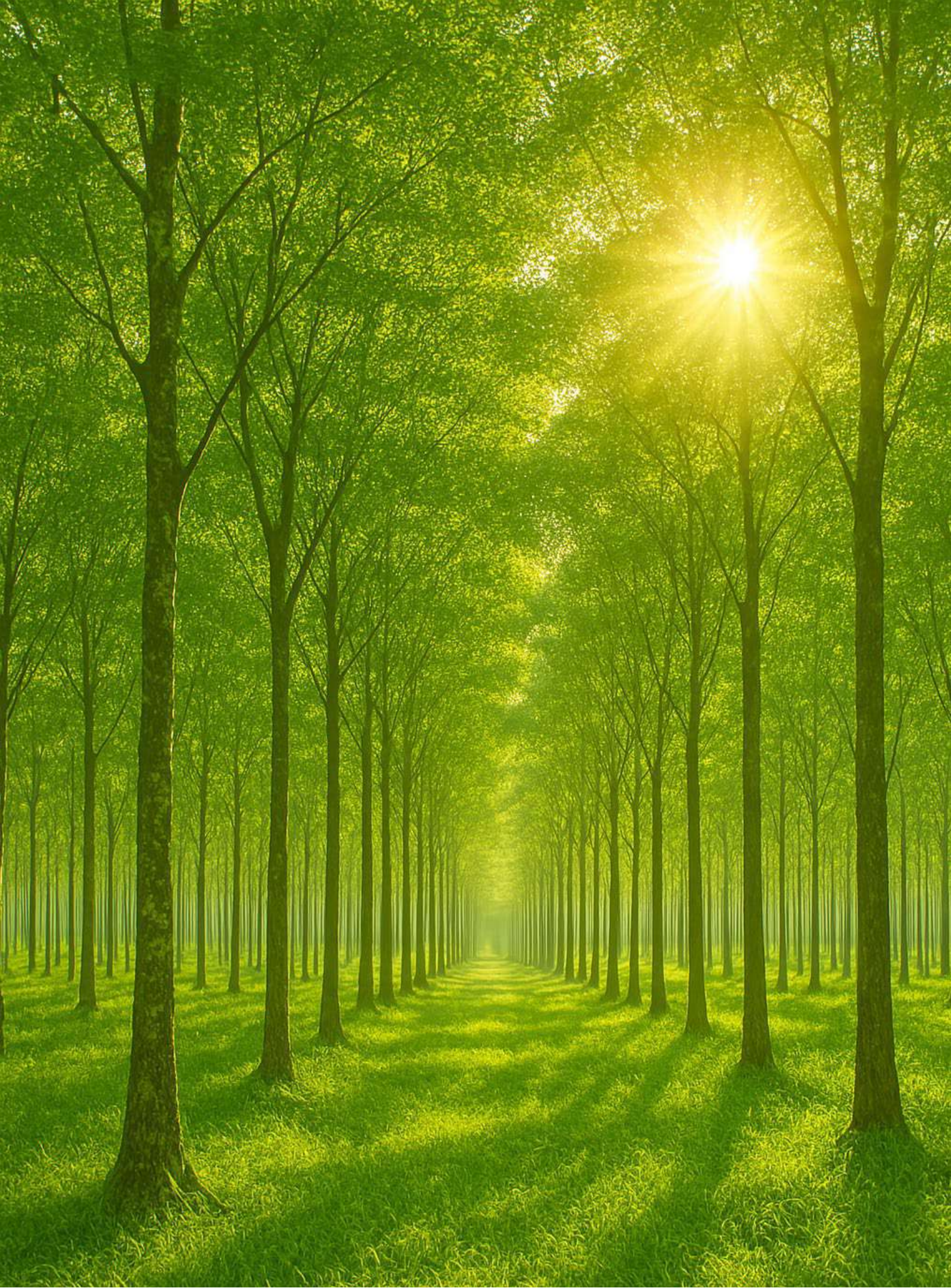
The Board of Directors of the Group recommends that the Board of Management continue to leverage the results achieved so far, remaining dynamic, creative, and flexible in managing and operating the business and production activities, in order to continue leading the Group toward new achievements.

In 2024, the Board of Management's high determination in leadership and management has helped the Group overcome challenges and successfully complete the assigned targets, as shown in the table below.

Unit: Billion VND

No.	Indicator	2024
1	Net Revenue	26,242
2	Profit before tax	5,606
3	Contributions to the state budget	6,677

According to the audited consolidated financial statements for 2024





ASSESSMENT OF THE PERFORMANCE OF INDEPENDENT BOARD MEMBERS

REGARDING THE ORGANIZATIONAL STRUCTURE

The Board of Directors (BOD) for the term 2021-2026 consists of 7 members, including 2 independent members. All members of the Board of Directors actively and fully participate in the company's governance activities, ensuring the company's governance practices are well-maintained.

REGARDING GOVERNANCE AND OVERSIGHT RESULTS

- BOD has effectively fulfilled its role in implementing the plans, policies, and strategic directions set by the GSM
- The Chairman of BOD assigned tasks and responsibilities to members to oversee and monitor the Group's activities in compliance with legal regulations and the company's charter
- The BOD has fulfilled its role and responsibilities in directing, supporting, and supervising the Executive Board in executing the items approved by the GSM and the BOD, ensuring compliance with legal regulations, while balancing the interests of the Group and its shareholders.
- The Group has complied with relevant regulations on approval authority, monitoring, and disclosure of transactions between the Group's insiders and related parties. These transactions have been publicly disclosed in accordance with legal requirements.

CONCLUSION

- The BOD has fully performed its functions in overseeing the Group's operations, providing appropriate direction, and giving timely guidance to ensure the effective use of resources in achieving the targets set by the GSM.
- The BOD's activities in 2024 comply with the company's charter, the corporate governance regulations, and legal provisions.
- All members of the BOD have adhered to the regulations regarding participation in BOD meetings, discussions, and independent, objective voting based on ensuring the highest interests of the Group's shareholders.



BOARD OF DIRECTORS' PLANS AND ORIENTATION FOR 2025

2025 is the final year of implementing the medium-term 5-year production and business plan (2021-2025) and investment development plan of the affiliated Party Committees/Branches, leading up to the Party Congress of the Viet Nam Rubber Group - Joint Stock Company for the term (2026-2030). Therefore, it holds significant importance as a year of acceleration and breakthrough, laying the foundation for building and implementing the 5-year production, business, and investment development plan for the period (2026-2030) according to the Resolution of the Group's

10th Party Congress (2025-2030) and the 5-year production, business, and investment development plan for the period (2021-2025) as per document number 129/UBQLV-NN dated January 23, 2025; the 5-year production, business, and investment development plan for the period (2021-2025) as per document number 2879/UBQLV-NN dated December 29, 2023, which has been approved by the State Capital Management Committee at enterprises. The Board of Directors (BOD) of the Group requires the capital representatives, the BOD members, the Board of Management, advisory departments, and affiliated units to focus on implementing the following tasks and solutions:

SOME KEY TARGETS

- Organize the effective implementation of the 2025 business and development goals, tasks, and key performance indicators (KPIs) as approved by the State Capital Management Committee at document number 129/UBQLV-NN dated January 23, 2025, from the first days of the year. This will create a solid foundation to achieve the 5-year business and development plan (2021-2025), which has been approved/ approved for implementation. Member units must develop specific tasks and solutions to successfully implement the 2025 business plan and the development orientation for the coming years.
- Focus on effectively implementing tasks and solutions to develop business areas, increase operational effectiveness, capital usage, and sustainable development. Aim for an annual growth rate of 10%.
- Decisively implement the work of restructuring and streamlining the organizational structure, scientifically reducing the workforce, ensuring effective and efficient operations at the parent company and its member units, in accordance with the directives of the Party, the State, and the Group, as well as the conclusions of the Steering Committee on the reform and restructuring of the Group's

- organizational structure towards efficiency and effectiveness. Strengthen the application of information technology and digital transformation across all business operations within the unit and commit to reducing the proportion of indirect labor to 6%.
- Enhance the role and responsibility of the leader in managing and operating business activities. The leader must be held accountable under the law and for the results of their assigned tasks. Promote proactivity, initiative, avoid evading or shifting responsibility, and continue to delegate to the Board of Members/Board of Directors, and the representatives of capital in accordance with legal regulations to ensure proactivity combined with accountability in managing and utilizing capital, assets, and land; managing procurement and bidding activities effectively, saving costs, and practicing thrift to prevent waste in business operations and investments in accordance with the Party's policies and the State's laws.
- Continue to strengthen and innovate the recruitment, training, evaluation, promotion, appointment, rotation, and transfer of personnel, ensuring that positions are filled with the right people, in the right jobs, with the right skills, expertise, and capabilities to meet the task requirements. Priority should be given to young employees, female staff, and ethnic minority

BOARD OF DIRECTORS' PLANS AND ORIENTATION FOR 2025

- workers. Personnel selection should align with the Group's development strategy, focusing on individuals with strong ethical qualities, specialized knowledge, political theory, practical ability, work experience, reputation, and good health to accomplish assigned tasks effectively. This is especially important for emerging fields such as high-tech agriculture, industrial zones/parks.
- Enhance the role and responsibility of leaders as prescribed, and be courageous in replacing employees who fail to complete their tasks, avoid work, or refuse to take responsibility.
 - Focus on the development of science and technology, innovation, research and development (R&D), and digital transformation, considering them as strategic and core tasks to enhance the Group's competitiveness and operational efficiency.
 - Complete legal procedures in accordance with the approved local planning decisions for the period 2021–2030, with a vision to 2050 as approved by the Prime Minister, in order to develop plans for upgrading, expanding, launching new investments, joint ventures, partnerships, subleasing, transferring, liquidating assets, or divesting... for investment projects in business sectors registered by the units and the Group.
 - Proactively promote marketing, trade promotion, and market expansion; seek out new distribution channels and consumer bases. Focus on improving product quality while building and strongly developing the VRG brand for each product category in the market.
 - Encourage member units of the Group to develop new products with high added value across all business areas. Develop green, circular production processes that support green growth, reduce greenhouse gas emissions, adapt to climate change, and green the production process.
 - Ensure strict quality management, increase labor productivity, reduce production and management costs. Rigorously control production costs to stay within planned cost limits, ensure the completion and overachievement of assigned targets on output, revenue, and profit, thereby securing business efficiency and legal compliance.
 - Focus on building financial strength and enhance the management and use of capital, assets, land, revenues, cash flow, receivables... to ensure safety and improve capital utilization and operational efficiency. Closely manage and properly use depreciation funds for fixed assets in compliance with current legal regulations.



PARENT COMPANY'S BUSINESS PLAN FOR 2025

Unit: Billion VND

No.	Consolidated Targets	Actual 2024	Plan 2025	Plan 2025/Actual 2024
1	Revenue and other income	5,271	5,631	106.83%
2	Profit before tax	2,354	2,381	101.15%
3	Profit after tax	2,354	2,381	101.15%
4	Total investment capital	34	1,048	3,082.35%
4.1	Capital construction investment	34	1,034	3,041.18%
4.2	Financial investment	-	14	-
5	Dividend distribution (4% of charter capital)	1,600	1,600	100%

CONSOLIDATED BUSINESS PLAN FOR 2025

Unit: Billion VND

No.	Consolidated Targets	Actual 2024	Plan 2025	Plan 2025/Actual 2024
1	Revenue and other income	28,739	30,452	105.96%
2	Profit before tax	5,606	5,528	98.61%
3	Profit after tax	4,827	4,780	99.03%
4	Contribution to the State budget	6,677	4,048	60.63%
5	Total investment capital	6,182	6,884	111.36%





BOARD OF DIRECTORS' PLANS AND ORIENTATION FOR 2025

SOLUTIONS FOR IMPLEMENTING THE 2025 PLAN

01 LAND MANAGEMENT AND UTILIZATION

Continue coordination with local authorities to develop land use planning/ schemes and convert the land use purpose of areas originating from rubber plantations. Accelerate the process of reorganizing and handling housing and land facilities in accordance with the Government's regulations.

03 DIGITAL TRANSFORMATION

Promote the application of information technology and digital transformation; adopt modern management models, digital technologies, and green technologies in production, management, and corporate governance to enhance productivity, quality, efficiency, and competitiveness in both domestic and international markets.

04 INVESTMENT AND DEVELOPMENT PLAN OF THE PARENT COMPANY – THE GROUP

- Organize the implementation of investment projects to ensure progress, quality, and efficiency.
- Strengthen inspection, supervision, and follow-up; promptly resolve difficulties and obstacles during implementation to ensure the disbursement rate of investment capital reaches over 95% of the agreed plan.

02 CORPORATE RESTRUCTURING

Continue implementing the restructuring plans of member units in line with the Group's restructuring scheme through 2025, as agreed upon by the Committee.



05 THE 2025 CONSOLIDATED INVESTMENT DEVELOPMENT PLAN FOR THE ENTIRE GROUP

- The group of State Capital Representatives shall coordinate with the BOD of the Group to direct and supervise the Representatives of the Group's capital at member companies in formulating and implementing their 2025 investment development plans in accordance with laws and the Group's regulations on capital and asset management, ensuring strict and effective use of investment capital and preventing any loss of corporate capital and assets.
- Investment should be carefully balanced and focused only on essential items, avoiding widespread investment. Priority should be given to allocating capital for key projects that are likely to be completed and put into operation in 2025. The mobilization of corporate resources must comply with legal regulations.
- Continue to review, amend, and supplement the Charter of organization and operation, and internal management regulations to align with current laws and regulations.



BOARD OF DIRECTORS' ACTIVITIES

Information about the Board of Directors (BOD) Meetings in 2024

No.	BOD Member	Number of BOD Meetings Attended	Attendance Rate	Reason for Absence
1	Mr. Tran Cong Kha	04/04	100%	
2	Mr. Le Thanh Hung	04/04	100%	
3	Mr. Tran Ngoc Thuan	01/04	25%	Resignation accepted by BOD on June 28, 2024
4	Mr. Ha Van Khuong	04/04	100%	
5	Mr. Do Huu Phuoc	03/03	100%	Appointed from 17/06/2024
6	Mr. Nguyen Dong Phong	03/03	100%	Appointed from 17/06/2024
7	Mr. Nguyen Hay	04/04	100%	

Subcommittees under the Board of Directors

The company has not yet established any BOD subcommittees



BOARD OF DIRECTORS' SUPERVISION OF THE BOARD OF MANAGEMENT

In accordance with the Charter and Governance Regulations of the Group, the Board of Directors (BOD) has conducted supervision over the activities of the General Director and the Board of Management in organizing and managing production and business operations, as well as implementing the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

According to the evaluation of the Board of Directors, the activities of the General Director and the Board of Management in executing the business plan have been in line with the resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the current market situation, and in compliance with the law. In 2024, the Board of Management has shown strong determination in directing and managing, which allowed the Group to overcome difficulties and achieve the targets set, as reflected in the following key industry indicators table.

Key Business Performance Indicators for 2024

Unit: Billion VND

No.	Indicator	2024
1	Revenue and other income	28,739
2	Profit before tax	5,606
3	Contribution to the State Budget	6,677

According to the 2024 audited financial statements

ACTIVITIES OF THE SUBCOMMITTEES UNDER THE BOARD OF DIRECTORS

None

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/ Decision Number	Date	Content	Approval Rate
1	01/NQ-HĐQTCSVN	04/01/2024	Resolution on personnel work	100%
2	02/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
3	03/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
4	04/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
5	05/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
6	06/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
7	07/NQ-HĐQTCSVN	12/01/2024	Resolution on personnel work	100%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
8	08/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
9	09/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
10	10/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
11	11/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
12	12/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	87.50%
13	13/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
14	14/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
15	15/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
16	16/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
17	17/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
18	18/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
19	19/NQ-HĐQTCSVN	24/01/2024	Resolution on personnel work	100%
20	20/NQ-HĐQTCSVN	25/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
21	21/NQ-HĐQTCSVN	25/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
22	22/NQ-HĐQTCSVN	25/01/2024	Resolution on organizing the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2024	100%
23	23/NQ-HĐQTCSVN	26/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
24	24/NQ-HĐQTCSVN	26/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
25	25/NQ-HĐQTCSVN	29/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
26	26/NQ-HĐQTCSVN	30/01/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
27	27/NQ-HĐQTCSVN	02/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
28	28/NQ-HĐQTCSVN	02/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
29	29/NQ-HĐQTCSVN	05/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
30	30/NQ-HĐQTCSVN	05/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
31	31/NQ-HĐQTCSVN	05/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
32	32/NQ-HĐQTCSVN	05/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
33	33/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
34	34/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
35	35/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
36	36/NQ-HĐQTCSVN	07/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
37	37/NQ-HĐQTCSVN	07/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
38	38/NQ-HĐQTCSVN	16/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
39	39/NQ-HĐQTCSVN	16/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
40	40/NQ-HĐQTCSVN	16/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
41	41/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
42	42/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
43	43/NQ-HĐQTCSVN	22/02/2024	Resolution on personnel work	100%
44	44/NQ-HĐQTCSVN	26/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
45	45/NQ-HĐQTCSVN	28/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
46	46/NQ-HĐQTCSVN	28/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
47	47/NQ-HĐQTCSVN	29/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
48	48/NQ-HĐQTCSVN	29/02/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
49	49/NQ-HĐQTCSVN	01/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
50	50/NQ-HĐQTCSVN	01/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
51	51/NQ-HĐQTCSVN	01/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
52	52/NQ-HĐQTCSVN	01/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
53	53/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2024	Resolution regarding the documents to be submitted to the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2024	100%
54	54/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
55	55/NQ-HĐQTCSVN	06/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
56	56/NQ-HĐQTCSVN	08/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
57	57/NQ-HĐQTCSVN	08/03/2024	Resolution on personnel work	100%
58	58/NQ-HĐQTCSVN	11/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
59	59/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
60	60/NQ-HĐQTCSVN	15/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
61	61/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2024	Resolution on personnel work	100%
62	62/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	87.50%
63	63/NQ-HĐQTCSVN	19/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
64	64/NQ-HĐQTCSVN	20/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
65	65/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
66	66/NQ-HĐQTCSVN	22/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
67	67/NQ-HĐQTCSVN	22/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
68	68/NQ-HĐQTCSVN	22/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
69	69/NQ-HĐQTCSVN	25/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
70	70/NQ-HĐQTCSVN	26/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
71	71/NQ-HĐQTCSVN	26/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
72	72/NQ-HĐQTCSVN	27/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
73	73/NQ-HĐQTCSVN	29/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
74	76/NQ-HĐQTCSVN	29/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
75	77/NQ-HĐQTCSVN	29/03/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
76	78/NQ-HĐQTCSVN	29/03/2024	Resolution on personnel work	100%
77	79/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
78	80/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
79	81/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
80	82/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
81	83/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2024	Resolution of the first quarter 2024 meeting of the BOD	100%
82	84/NQ-HĐQTCSVN	04/04/2024	Resolution on personnel work	100%
83	85/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
84	86/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
85	87/NQ-HĐQTCSVN	10/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
86	88/NQ-HĐQTCSVN	10/04/2024	Resolution on personnel work	100%
87	89/NQ-HĐQTCSVN	10/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
88	90/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
89	91/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
90	92/NQ-HĐQTCSVN	12/04/2024	Resolution to extend the timeframe for the 2024 Annual General Meeting of Shareholders	100%
91	93/NQ-HĐQTCSVN	12/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
92	94/NQ-HĐQTCSVN	16/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
93	95/NQ-HĐQTCSVN	16/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
94	96/NQ-HĐQTCSVN	16/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
95	97/NQ-HĐQTCSVN	16/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
96	98/NQ-HĐQTCSVN	17/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
97	99/NQ-HĐQTCSVN	17/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
98	100/NQ-HĐQTCSVN	19/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
99	101/NQ-HĐQTCSVN	19/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
100	102/NQ-HĐQTCSVN	19/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
101	103/NQ-HĐQTCSVN	23/04/2024	Resolution on personnel work	100%
102	104/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2024	Resolution on the time and form of organizing the Annual General Meeting of Shareholders in 2024	100%
103	105/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
104	106/NQ-HĐQTCSVN	26/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
105	107/NQ-HĐQTCSVN	26/04/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
106	108/NQ-HĐQTCSVN	02/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
107	109/NQ-HĐQTCSVN	03/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
108	110/NQ-HĐQTCSVN	03/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
109	111/NQ-HĐQTCSVN	04/05/2024	Resolution on personnel work	100%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
110	112/NQ-HĐQTCSVN	04/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
111	113/NQ-HĐQTCSVN	04/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
112	114/NQ-HĐQTCSVN	06/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
113	115/NQ-HĐQTCSVN	06/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
114	116/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
115	117/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
116	118/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
117	119/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
118	120/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
119	121/NQ-HĐQTCSVN	10/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
120	122/NQ-HĐQTCSVN	10/05/2024	Resolution on personnel work	100%
121	123/NQ-HĐQTCSVN	14/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
122	124/NQ-HĐQTCSVN	14/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
123	125/NQ-HĐQTCSVN	15/05/2024	Resolution on personnel work	100%
124	126/NQ-HĐQTCSVN	15/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
125	127/NQ-HĐQTCSVN	17/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
126	128/NQ-HĐQTCSVN	22/05/2024	Resolution regarding the documents to be submitted to the Annual General Meeting of Shareholders in 2024	100%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
127	129/NQ-HĐQTCSVN	22/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
128	130/NQ-HĐQTCSVN	23/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
129	131/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
130	132/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
131	133/NQ-HĐQTCSVN	29/05/2024	Resolution on personnel work	100%
132	134/NQ-HĐQTCSVN	29/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
133	135/NQ-HĐQTCSVN	30/05/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
134	136/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
135	137/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
136	138/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
137	139/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
138	140/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
139	141/NQ-HĐQTCSVN	06/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	80%
140	142/NQ-HĐQTCSVN	14/06/2024	Resolution on personnel work	100%
141	143/NQ-HĐQTCSVN	14/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
142	144/NQ-HĐQTCSVN	14/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
143	145/NQ-HĐQTCSVN	14/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
144	148/NQ-HĐQTCSVN	18/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	80%
145	149/NQ-HĐQTCSVN	18/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
146	150/NQ-HĐQTCSVN	19/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
147	151/NQ-HĐQTCSVN	19/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
148	152/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
149	153/NQ-HĐQTCSVN	21/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
150	154/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
151	155/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
152	156/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2024	Resolution on personnel work	85.71%
153	157/NQ-HĐQTCSVN	25/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
154	158/NQ-HĐQTCSVN	25/06/2024	Resolution on personnel work	85.71%
155	159/NQ-HĐQTCSVN	27/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
156	160/NQ-HĐQTCSVN	27/06/2024	Resolution on personnel work	85.71%
157	161/NQ-HĐQTCSVN	27/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
158	162/NQ-HĐQTCSVN	28/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
159	162A/NQ-HĐQTCSVN	28/06/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
160	163/NQ-HĐQTCSVN	02/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
161	164/NQ-HĐQTCSVN	05/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
162	165/NQ-HĐQTCSVN	05/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
163	166/NQ-HĐQTCSVN	08/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
164	167/NQ-HĐQTCSVN	09/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
165	168/NQ-HĐQTCSVN	09/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
166	169/NQ-HĐQTCSVN	09/07/2024	Resolution on personnel work	85.71%
167	170/NQ-HĐQTCSVN	09/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
168	171/NQ-HĐQTCSVN	10/07/2024	Resolution on personnel work	85.71%
169	171A/NQ-HĐQTCSVN	10/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
170	172/NQ-HĐQTCSVN	11/07/2024	Resolution on the assignment of duties for members of the BOD of VRG, for the term 2021-2026	85.71%
171	173/NQ-HĐQTCSVN	12/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
172	174/NQ-HĐQTCSVN	12/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
173	175/NQ-HĐQTCSVN	12/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
174	176/NQ-HĐQTCSVN	12/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
175	177/NQ-HĐQTCSVN	15/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
176	178/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
177	179/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
178	180/NQ-HĐQTCSVN	17/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
179	181/NQ-HĐQTCSVN	19/07/2024	Resolution of the second quarter 2024 meeting of the BOD	85.71%
180	182/NQ-HĐQTCSVN	22/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	71.43%
181	183/NQ-HĐQTCSVN	22/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
182	184/NQ-HĐQTCSVN	22/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
183	185/NQ-HĐQTCSVN	24/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
184	186/NQ-HĐQTCSVN	30/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
185	186A/NQ-HĐQTCSVN	30/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
186	187/NQ-HĐQTCSVN	31/07/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
187	188/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	100%
188	189/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
189	190/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
190	191/NQ-HĐQTCSVN	01/08/2024	Resolution on personnel work	85.71%
191	192/NQ-HĐQTCSVN	02/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
192	193/NQ-HĐQTCSVN	02/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
193	194/NQ-HĐQTCSVN	02/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
194	195/NQ-HĐQTCSVN	02/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
195	196/NQ-HĐQTCSVN	03/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
196	197/NQ-HĐQTCSVN	05/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
197	198/NQ-HĐQTCSVN	14/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
198	199/NQ-HĐQTCSVN	19/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
199	200/NQ-HĐQTCSVN	19/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
200	201/NQ-HĐQTCSVN	19/08/2024	Resolution on personnel work	85.71%
201	202/NQ-HĐQTCSVN	21/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
202	203/NQ-HĐQTCSVN	21/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
203	204/NQ-HĐQTCSVN	26/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
204	205/NQ-HĐQTCSVN	26/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
205	206/NQ-HĐQTCSVN	27/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
206	207/NQ-HĐQTCSVN	30/08/2024	Resolution on personnel work	85.71%
207	208/NQ-HĐQTCSVN	30/08/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
208	209/NQ-HĐQTCSVN	04/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	75%
209	210/NQ-HĐQTCSVN	06/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
210	211/NQ-HĐQTCSVN	09/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
211	212/NQ-HĐQTCSVN	11/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
212	213/NQ-HĐQTCSVN	11/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	71.43%
213	214/NQ-HĐQTCSVN	16/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
214	215/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2024	Resolution on personnel work	85.71%
215	216/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
216	217/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
217	218/NQ-HĐQTCSVN	24/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
218	219/NQ-HĐQTCSVN	25/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
219	220/NQ-HĐQTCSVN	27/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
220	221/NQ-HĐQTCSVN	30/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
221	222/NQ-HĐQTCSVN	30/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
222	223/NQ-HĐQTCSVN	30/09/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	71.43%
223	224/NQ-HĐQTCSVN	02/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
224	225/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
225	226/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
226	227/NQ-HĐQTCSVN	03/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
227	228/NQ-HĐQTCSVN	04/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
228	229/NQ-HĐQTCSVN	04/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
229	230/NQ-HĐQTCSVN	08/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
230	231/NQ-HĐQTCSVN	09/10/2024	Resolution of the third quarter 2024 meeting of the BOD	85.71%
231	232/NQ-HĐQTCSVN	14/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	71.43%
232	233/NQ-HĐQTCSVN	17/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
233	234/NQ-HĐQTCSVN	21/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
234	235/NQ-HĐQTCSVN	23/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
235	236/NQ-HĐQTCSVN	23/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
236	237/NQ-HĐQTCSVN	23/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	71.43%
237	238/NQ-HĐQTCSVN	23/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	71.43%
238	239/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
239	240/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	Resolution on cash dividend payment in 2023	85.71%
240	241/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
241	242/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
242	243/NQ-HĐQTCSVN	24/10/2024	Resolution on personnel work	85.71%
243	244/NQ-HĐQTCSVN	25/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	57.14%
244	245/NQ-HĐQTCSVN	30/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
245	246/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
246	247/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	71.43%
247	248/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
248	249/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
249	250/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
250	251/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
251	252/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
252	253/NQ-HĐQTCSVN	31/10/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
253	254/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
254	255/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
255	256/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
256	257/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
257	258/NQ-HĐQTCSVN	04/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
258	259/NQ-HĐQTCSVN	05/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	57.14%
259	260/NQ-HĐQTCSVN	08/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
260	261/NQ-HĐQTCSVN	08/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
261	262/NQ-HĐQTCSVN	08/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
262	263/NQ-HĐQTCSVN	12/11/2024	Resolution on personnel work	85.71%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
263	264/NQ-HĐQTCSVN	18/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
264	265/NQ-HĐQTCSVN	19/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
265	266/NQ-HĐQTCSVN	20/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
266	267/NQ-HĐQTCSVN	29/11/2024	Resolution on personnel work	85.71%
267	268/NQ-HĐQTCSVN	29/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
268	269/NQ-HĐQTCSVN	29/11/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
269	270/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	71.43%
270	271/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
271	272/NQ-HĐQTCSVN	02/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
272	273/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
273	274/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
274	275/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
275	276/NQ-HĐQTCSVN	04/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	71.43%
276	277/NQ-HĐQTCSVN	09/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
277	278/NQ-HĐQTCSVN	09/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
278	279/NQ-HĐQTCSVN	11/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
279	279A/NQ-HĐQTCSVN	11/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	57.14%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
280	280/NQ-HĐQTCSVN	12/12/2024	Resolution on personnel work	85.71%
281	281/NQ-HĐQTCSVN	12/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
282	282/NQ-HĐQTCSVN	16/12/2024	Resolution on personnel work	85.71%
283	283/NQ-HĐQTCSVN	17/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
284	284/NQ-HĐQTCSVN	17/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
285	285/NQ-HĐQTCSVN	17/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
286	286/NQ-HĐQTCSVN	17/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
287	287/NQ-HĐQTCSVN	18/12/2024	Resolution of the fourth quarter 2024 meeting of the BOD	85.71%
288	288/NQ-HĐQTCSVN	19/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
289	289/NQ-HĐQTCSVN	19/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
290	290/NQ-HĐQTCSVN	20/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
291	291/NQ-HĐQTCSVN	20/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
292	292/NQ-HĐQTCSVN	24/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
293	293/NQ-HĐQTCSVN	26/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
294	294/NQ-HĐQTCSVN	27/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
295	295/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
296	296/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%

RESOLUTIONS/DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Resolution/Decision Number	Date	Content	Approval Rate
297	297/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
298	298/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
299	299/NQ-HĐQTCSVN	30/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
300	300/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
301	301/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
302	302/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
303	303/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
304	304/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
305	305/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
306	306/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
307	307/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
308	308/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
309	309/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%
310	310/NQ-HĐQTCSVN	31/12/2024	Resolution on business and production activities – approved in the form of written comments	85.71%

ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS IN 2024

In 2024, the Board of Supervisors held 04 meetings as required, specifically:

No.	Members of the BOS	Number of meetings attended	Attendance rate	Voting rate	Reasons for not attending the meeting
1	Mr. Pham Van Hoi Em	4/5	100%	100%	Appointed from 17/6/2024
2	Mr. Do Khac Thang	1/1	100%	100%	Dismissed from 17/6/2024
3	Mr. Vo Van Tuan	5/5	100%	100%	
4	Mr. Nguyen Minh Duc	5/5	100%	100%	

- On 17/6/2024, GVR successfully held the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, during which the Supervisory Board position of Mr. Do Khac Thang was relieved in accordance with retirement regulations. The General Meeting also elected Mr. Pham Van Hoi Em as an additional Supervisor for the 2021 - 2026 term.
- On the same day, GVR's Board of Supervisors held a meeting and elected Mr. Pham Van Hoi Em as the Head of the Board of Supervisors for the 2021 - 2026 term.

Activities of the Board of Supervisors in 2024

In 2024, the tasks were carried out in accordance with the regulations in the Group's Charter, the Operational Regulations of the Board of Supervisors, and the applicable laws. The results of the implementation are as follows:

- Participated fully in the meetings of the Board of Directors and the leadership coordination meetings of the Group to keep track of business operations and investment status. Through this, contributed opinions and made recommendations to the Board of Directors and the Board of Management within the scope of their responsibilities and authority.
- Appraised the separate and consolidated financial statements for the year 2023 of Vietnam Rubber Industry Group – Joint Stock Company.
- Prepared the summary report for 2023 to present at the 2024 Annual General Meeting of Shareholders and appraised the 2023 activity report of the Group.
- Appraised the separate and consolidated financial statements for the first half of 2024 of Vietnam Rubber Industry Group – Joint Stock Company.
- Monitored the implementation of the Group's Charter; the development, issuance, and implementation of the Group's Regulations, Rules, and Resolutions; as well as the Notices and Executive Decisions of the Group's CEO.
- Monitored the implementation of the targets approved by the Extraordinary General Meeting and the Annual General Meeting of Shareholders in 2024.
- Monitored the development and assignment of the Group's plan to the units for 2024. Supervised labor and salary management at the parent company, the Group, and some member units.
- Monitored transactions with related parties within the approval authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders.

ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS IN 2024

Activities of the Board of Supervisors in 2024

- Monitored the periodic and extraordinary information disclosure of the Group in accordance with the Securities Law, regulations of the Ho Chi Minh City Stock Exchange, and other relevant legal documents.
- Monitored the business operations of some units within the Company for the year 2023.
- Participated in meetings of the working group to develop and amend the Group's Charter, internal governance regulations, and those of the member units.
- Coordinated with the Board of Directors of the Group in assigning the 2024 inspection and supervision plan to the Supervisors of the 20 companies in which the Group holds 100% of the capital.
- Other tasks as required by regulations.

RESULTS OF THE BOARD OF SUPERVISORS' WORK

Monitored the implementation of the resolutions of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders

In 2024, the General Meeting of Shareholders approved Resolution No. 75/NQ-ĐHĐCĐCSVN dated March 29, 2024, and Resolution No. 147/NQ-ĐHĐCĐCSVN dated June 17, 2024. The Group has implemented these resolutions as follows:

- The business results of the Group in 2024, according to the audited financial statements, are as follows:

Unit: Billion VND

No.	Indicator	According to the GMS's Resolution	Actual	Actual/Plan (%)
Consolidated revenue				
1	Revenue and income	24,999	28,739.25	114.96
2	After-tax profit	3,437	4,826.67	140.43
For the parent company				
1	Revenue and income	3,988	5,271.21	132.18
2	After-tax profit	1,454	2,353.53	161.87
3	Expected dividend rate	3% (1,200)	4% (1,600)	133.33

Consolidated across the entire Group: Revenue and after-tax profit were VND 28,739.25 billion and VND 4,826.67 billion, achieving 114.96% and 140.43% of the annual plan, respectively.

For the parent company of the Group: Revenue and after-tax profit were VND 5,271.21 billion and VND 2,353.53 billion, achieving 132.18% and 161.87% of the annual plan, respectively.

The expected dividend rate is 4%, equivalent to VND 1,600 billion, achieving 133% of the annual plan

ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS IN 2024

Results of monitoring the financial operations and appraising the data in the 2023 and 2024 financial statements.

2.1 Appraisal of the 2023 Financial Statements: The Board of Supervisors has conducted an appraisal of the Group's 2023 financial statements, which were approved by the Group's General Meeting of Shareholders at the 2024 Annual General Meeting, pursuant to Resolution No. 147/NQ-ĐHĐCĐCSVN dated June 17, 2024.

2.2 Appraisal of the 2024 Financial Statements and Business Results

- Based on the financial statements provided by the Board of Management, which were audited by the independent auditing firm.
- Report No. 260325.001/BCTC.HCM dated March 26, 2025, from AASC Auditing Company regarding the independent audit report on the parent company's financial statements. The report concluded that the financial statements fairly and accurately reflect, in all material respects, the financial position of Vietnam Rubber Industry Group - Joint Stock Company as of December 31, 2024, as well as the results of operations and cash flows for the fiscal year ending on the same date, in accordance with accounting standards, the Vietnamese enterprise accounting system, and the relevant legal regulations for the preparation and presentation of financial statements.
- Report No. 341/BCKT-TC/AVA-NV9 dated March 28, 2025, from Vietnam Auditing and Valuation Company regarding the independent audit report on the consolidated financial statements. The report concluded that the consolidated financial statements fairly and accurately reflect, in all material respects, the consolidated financial position of the Group as of December 31, 2024, as well as the consolidated results of operations and consolidated cash flows for the fiscal year ending on the same date, in accordance with accounting standards, the Vietnamese enterprise accounting system, and the relevant legal regulations for the preparation and presentation of consolidated financial statements.
- The Board of Supervisors agrees with the audit findings presented by the independent auditors.



Monitored the activities of the BOD

- The Board of Directors directed and closely monitored the implementation of the contents approved by the Extraordinary General Meeting and the Annual General Meeting of Shareholders in 2024, ensuring full compliance with legal regulations as well as the Group's Charter and operational guidelines.
- The Board of Directors of the Group has organized and regularly maintained periodic meetings in accordance with the Group's Charter and current laws, with a high degree of consensus among the members. They have carried out their duties in compliance with legal regulations, the Charter, and internal regulations of the Group, while ensuring timely decisions on investments and the direction of the Group's production and business activities.



Monitored the activities of the General Directors

- General Directors and the Board of Management have made efforts to successfully complete their tasks in managing the production and business activities of the Group. The Board of Management has promptly implemented the Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors. They have carried out their duties in accordance with legal regulations, the Charter, and internal regulations of the Group. Regular meetings have been held to propose and recommend timely directions to the Board of Directors to ensure that the Group's production and business goals are met.
- The results of the implementation of key production and business targets are as follows:

At the parent company of the Group:

The total revenue and income amounted to VND 5,271,207,524,658, achieving 132.18% of the annual plan and 132.43% of the same period in 2023.

The after-tax profit was VND 2,353,531,650,555, achieving 161.87% of the annual plan and 164.23% of the same period in 2023.

Shareholder capital preservation and growth in 2024: The equity capital as of December 31, 2024, was VND 44,529,492,179,837. The equity capital as of December 31, 2023, was VND 43,387,438,797,510. The owner's contributed capital was VND 40,000,000,000,000. The capital preservation ratio (H) is greater than 1. The Group has preserved and grown the shareholder capital.

Consolidated across the entire Group: Revenue and after-tax profit were VND 28,739.25 billion and VND 4,826.67 billion, achieving 114.96% and 140.43% of the annual plan, respectively.



Transactions with related parties

Transactions with related parties, as per Resolution No. 18/NQ-HĐQTCSVN dated January 23, 2024, and Document No. 59/HĐQTCSVN-TCKT dated January 23, 2024, are presented in the notes to the parent company's audited financial statements for 2024, audited by AASC Auditing Company, and the consolidated financial statements for 2024, audited by Vietnam Auditing and Valuation Company. The Group has disclosed this information in accordance with regulations.

ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS IN 2024

The coordination between the Board of Supervisors and the activities of the Board of Directors, Board of Management, and other management personnel:

The coordination between the Board of Supervisors, the Board of Directors, the Board of Management, and the shareholders is based on the principle of ensuring the stability and sustainable development of the Group, as well as safeguarding the rights and interests of shareholders in accordance with the law and the Group's Charter. In 2024, the Board of Directors and the Board of Management facilitated the execution of the Board of Supervisors' functions and duties. The Board of Supervisors attended meetings and actively contributed opinions related to the identification and warning of risks in the management and operation of the Group's production and business activities. The Board of Directors took into account the contributions and proposals from the Board of Supervisors to ensure the most effective leadership and management of the Group.

RECOMMENDATIONS AND OPERATIONAL DIRECTION OF THE BOARD OF SUPERVISORS FOR 2025:

1. Inspect/Monitor the implementation and compliance with the Group's Charter, the Law on Enterprises, and other regulations.
2. Inspect/Monitor the implementation of the resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders; the financial situation, capital balance, cash flow management, operational efficiency, debt repayment capacity, management and use of capital; capital preservation and growth; and the implementation of the production and business plan.
3. Monitor the development of the Group's investment and production business plan for 2025.
4. Review transactions with related parties (if any) within the approval authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders; monitor the information disclosure process at the parent company of the Group.
5. Carry out other tasks of the Board of Supervisors as requested by shareholders or groups of shareholders (if any), in accordance with the provisions of the Charter, the General Meeting of Shareholders, and current regulations; propose to the General Meeting of Shareholders the selection of an independent auditing firm.
6. Prepare the 2024 activity report and the 2025 activity plan of the Board of Supervisors for submission to the General Meeting of Shareholders for approval and implementation.
7. Appraise the 2024 financial statements and the 2025 half-year financial statements.
8. Check and monitor the implementation of the Group's and some member units' production and business plans for 2025.
9. Other tasks as per function and responsibilities when necessary.

Unit: VND

No.	Full name	Position	Remuneration
I BOARD OF DIRECTORS			
1	Mr. Tran Cong Kha	Chairman of the Board of Directors	1,261,045,490
2	Mr. Le Thanh Hung	Board Member, General Directors	1,266,016,449
3	Mr. Ha Van Khuong	Member of BOD	1,120,929,325
4	Mr. Nguyen Hay	Member of BOD	168,139,399
5	Mr. Do Huu Phuoc	Member of BOD (Appointed from June 17, 2024)	1,120,929,325
6	Mr. Nguyen Dong Phong	Member of BOD (Appointed from June 17, 2024)	91,075,508
7	Mr. Tran Ngoc Thuan	Member of BOD (Resigned from June 28, 2024)	551,123,585
8	Mr. Huynh Van Bao	Member of BOD (Dismissed from March 29, 2024)	280,232,331
9	Mr. Pham Van Thanh	Member of BOD (Dismissed from March 29, 2024)	280,232,331
10	Mr. Phan Manh Hung	Member of BOD (Dismissed from March 29, 2024)	42,034,850
II BOARD OF MANAGEMENT			
1	Mr. Truong Minh Trung	Deputy General Directors	1,120,929,325
2	Mr. Tran Thanh Phung	Deputy General Directors	1,120,929,325
3	Mr. Le Dinh Buu Tri	Deputy General Directors	1,120,929,325
4	Mr. Pham Hai Duong	Deputy General Directors	1,120,929,325
5	Mr. Huynh Kim Nhut	Deputy General Directors	1,120,929,325
III BOARD OF SUPERVISORS			
1	Mr. Pham Van Hoi Em	Head of the Board of Supervisors (Appointed from 17/06/2024) Chief Accountant (Resigned from 17/06/2024)	1,015,842,201
2	Mr. Do Khac Thang	Head of the Board of Supervisors (Resigned from June 17, 2024)	465,594,342
3	Mr. Nguyen Minh Duc	Supervisor	152,376,330
4	Mr. Vo Van Tuan	Supervisor	152,376,330
TOTAL			9,756,463,758

**ESTABLISH****MANAGEMENT****IMPLEMENT****GUARANTEE**

Risk Management is one of the most frequent and important activities of a business, especially in today's competitive and volatile environment. Vietnam Rubber Industry Group operates across multiple industries and sectors, covering a wide range of areas, including overseas, with some products holding a significant market share in the domestic market. As such, there are potential risks associated with the characteristics of each industry, territory, and economic conditions. The following risk groups are classified and assessed for their potential impact on the sustainable development and long-term business strategy of the Group. Therefore, these risks are closely monitored and supervised, with reasonable preventive measures taken to manage them effectively.

RISK	RISK IDENTIFICATION	RISK ASSESSMENT, MONITORING AND MANAGEMENT
ECONOMIC - MARKET RISK		
 Economic Growth and Consumption Demand	» The situation of persistent high inflation and tight monetary policies being applied in many countries around the world » The slow recovery of the global economy is believed to be due to the prolonged impact of the conflict between Russia and Ukraine. » Global demand for natural rubber in 2024 is expected to grow at a modest rate of 1.8% compared to 2023, reflecting the difficulties and challenges the rubber industry faces due to the unfavorable global economic situation.	» Closely monitor economic fluctuations to create forecast scenarios, ensuring the stability and continuity of business operations. » Conduct research and assess trends in material prices, track price fluctuations to proactively plan and make comprehensive calculations during the project bidding process and order placement.
 Fluctuations in Input Material Prices	» Rubber prices in both the global and Vietnamese markets have rebounded strongly in 2024, driven by tightened supply and increased demand from major consuming countries such as China and the United States. » The natural rubber prices in 2024 are influenced by the following factors: (1) Global economic growth slowing down; (2) Increased geopolitical tensions; (3) Tight monetary policies by major countries; (4) Changes in the supply-demand balance of natural rubber on the global market; (5) Volatile crude oil prices; (6) Unfavorable weather conditions and rubber tree diseases in certain regions.	» Enhance construction capacity and techniques, invest resources into digital transformation projects to manage costs and increase competitive advantages. » Strengthen expansion into the development of large urban areas and infrastructure by leveraging the project portfolio and the Group's network of relationships.
 Financial and Exchange Rate Risks	» Changes in the monetary policy of the U.S. Federal Reserve (Fed), along with factors related to the macroeconomic situation in Vietnam, may affect revenue and profits from export activities. » A cautious monetary policy continues to be maintained, with interest rates on loans trending upwards due to inflationary pressure. This significantly increases VRG's borrowing costs, especially for foreign currency loans, putting pressure on the Group's financial expenses. Although the use of borrowed capital is relatively low, interest rate fluctuations still have a certain impact on the Group's business operations.	» Consider using financial leverage in a reasonable and safe manner. » Establish relationships with various credit institutions and diversify funding sources. » Proactively assess the financial situation at each point in time, the liquidity of each project, etc., to devise risk prevention strategies

RISK	RISK IDENTIFICATION	RISK ASSESSMENT, MONITORING AND MANAGEMENT
BUSINESS OPERATIONS RISKS		
 Legal and Policy Risk	» VRG operates in multiple sectors and regions, both domestically and internationally. As a result, the Group faces various risks related to changes in legal policies, especially in the following areas: » Land and Environmental Management: - Strict regulations on land management and environmental protection, particularly when converting land use to industrial zones. - Increasing importance of sustainability standards and forest certification (such as FSC) to meet international market requirements. » International Trade Policies: - Trade agreements like EVFTA, CPTPP, and VPA/FLEGT impose stringent requirements on product origin and sustainable certification. - FDI inflows: Some foreign enterprises have delayed or adjusted their investment plans in Vietnam due to concerns about instability in U.S. trade policies.	» Establish a Legal and Inspection Committee responsible for researching and applying new regulations to ensure effective business operations while upholding the rule of law. » Emphasize the application and compliance with internal policies, procedures, and ISO standards to control adherence.
 Climate risk	» The El Nino phenomenon in 2024 in Vietnam has led to widespread drought, particularly severe in the Central Highlands and the Southern region. This water scarcity is directly affecting the growth and development of rubber trees, leading to negative impacts that reduce the yield of rubber latex. » In addition to the effects of the drought, the situation with plant diseases has also shown complex and unpredictable developments. Common diseases affecting rubber trees, such as white powdery mildew and leaf drop during the rainy season, tend to increase and become more severe under adverse weather conditions, significantly affecting the development of the trees.	» Conduct research and analysis to assess the level of risk posed by climate change to rubber trees. » Apply sustainable agricultural methods to increase productivity and reduce the incidence of diseases. » Invest in scientific research and the development of plant varieties with better resistance to extreme weather conditions and diseases.



SUSTAINABILITY REPORT

Message on Sustainable Development

Sustainable Development Goals

Sustainable Development Criteria

Connect with Stakeholders

Action Strategy





MESSAGE ON SUSTAINABLE DEVELOPMENT

“With the goal of pursuing sustainable development, achieving economic growth, environmental sustainability, and social equity, we aim to contribute to building a low-carbon economy, reducing emissions, and enhancing greenhouse gas absorption capacity.”

As an enterprise operating in the agricultural sector—specializing in the cultivation of natural rubber trees and the development of industrial parks with a green and sustainable orientation—the Group is keenly aware that every business activity can impact the natural environment, social life, and surrounding communities.

With a mission to create sustainable value from nature, we continually strive to make positive contributions to society, together building a better life and shaping harmonious development in the regions where we operate.

We are committed to pursuing a sustainable development strategy through the following key activities:

1. Efficient utilization of resources: We apply modern technology to rubber cultivation, prioritize the use of renewable energy sources such as solar energy and biomass, and optimize the use of land, water, and other natural resources to minimize our impact on ecosystems.

2. Engagement and collaboration with communities: As an industrial park developer, we build parks to international standards, focusing on environmental protection by integrating smart solutions in energy management, waste treatment, and ensuring amenities for both businesses and local communities.

3. Engagement and collaboration with communities: We actively organize community support programs, from forest protection and ecosystem preservation activities to educational, healthcare, and livelihood improvement initiatives for people in our areas of operation and investment.

4. Implementation of effective environmental protection measures: We continuously improve our wastewater and solid waste treatment systems, reduce greenhouse gas emissions, and expand the use of clean energy throughout our value chain—from plantations to factories and industrial parks.

5. Regular dialogue with stakeholders: We maintain open communication channels with authorities, residents, customers, and partners to update and adjust our development strategy to meet community expectations and align with the enterprise’s sustainable direction.

The Group believes that business prosperity must be associated with ecological balance and social welfare. From rubber cultivation to industrial parks, our every step is directed toward a green future—one that harmonizes the economy, people, and nature.



SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS

In alignment with national sustainable development goals committed to under the United Nations 2030 Agenda, and in compliance with the national strategy on green growth for the period 2021–2030 with a vision to 2050, the Vietnam Rubber Group is implementing activities based on its own Green Growth and Sustainable Development Strategy for the period 2023–2030, with a vision to 2050. These efforts aim to achieve economic growth, environmental sustainability, and social equity, thereby contributing to the development of a low-carbon economy, reducing emissions, and enhancing greenhouse gas absorption capacity.

The Group focuses on the following key objectives:

- Continue implementing solutions to reduce greenhouse gas emission intensity;
- Promote the development and use of clean energy and renewable energy sources;
- Maintain and implement sustainable forest management certification under the VFCS/PEFC-FM system, and PEFC-CoC chain of custody certification;
- Obtain Sustainable Business Certification in Vietnam;
- Continue to develop and implement the roadmap for re-engagement with the Forest Stewardship Council (FSC);
- Monitor and support member units in implementing activities to adapt to EUDR (EU Deforestation Regulation);
- Continue to research and propose the implementation of carbon credits, aiming toward the commercialization of carbon credits from rubber plantations;
- Continue cooperating with non-governmental organizations (NGOs) to enhance community engagement and gender equality in the workplace;
- Continue raising awareness and communication about the Group’s Green Growth and Sustainable Development Strategy, while promoting the implementation of green growth and sustainable development solutions to improve economic efficiency.





SUSTAINABLE DEVELOPMENT CRITERIA



No.	United Nations and Vietnam Sustainable Development Goals to 2030	VRG's Commitment to Implementing SDGs
	End poverty in all its forms everywhere	Ensure that workers' wages and incomes are higher than the statutory regional minimum as stipulated by national regulations.
	End hunger, achieve food security and improved nutrition, and promote sustainable agriculture	Ensure that no employees face hunger. Implement sustainable production processes and responsible investments to increase productivity and improve incomes. Promote crop diversification and agroforestry to enhance food security for workers and local communities. Strengthen research, application, and dissemination of scientific and technological advancements; apply appropriate, climate-resilient varieties and techniques; ensure the preservation of biodiversity and genetic diversity for continuous improvement of rubber tree breeding; rehabilitate land with environmentally friendly approaches, avoiding banned chemicals. Support smallholder rubber farmers through training, competitive latex purchasing, and contract implementation in line with laws and sustainable development policies. Mitigate risks from price and market fluctuations. Achieve certifications for sustainable development and responsible investment, ensuring product quality and commercial reputation.



Ensure healthy lives and promote well-being for all at all ages

Provide regular health check-ups, timely treatment, and disease prevention guidance for all employees. Ensure employees receive full legal entitlements. Support employees' families in disease prevention and treatment. Contribute to building medical stations and hospitals in project areas for employees and local communities. Properly manage all types of waste to avoid environmental pollution. Conduct training and provide sufficient equipment to ensure occupational safety. Ensure products are safe for users.



Ensure inclusive and equitable quality education and promote lifelong learning opportunities for all

Provide employee training to improve job performance and productivity. Facilitate lifelong learning to enhance skills and adaptability to social changes and sustainable development trends. Support, contribute to, and encourage educational opportunities for employees' children.



Achieve gender equality and empower all women and girls

Ensure no gender discrimination in recruitment, pay, rewards, discipline, or training, guaranteeing legal rights for female workers. Ensure full and effective participation of women and equal opportunities for leadership at all levels. Enhance technology and equipment to facilitate jobs assigned to women. Prohibit child labor.



Ensure availability and sustainable management of water and sanitation for all

Provide safe and affordable clean water for workers, with attention to the needs of women and vulnerable groups. Do not harm water quality (no discharge of waste, chemicals, or hazardous materials into water sources). Conserve water, treat wastewater according to national standards, and reuse water significantly. Protect water resources through ecosystem restoration (forests, rivers, groundwater, reservoirs, etc.). Engage local communities in maintaining, improving, and managing clean water sources.



Ensure access to affordable, reliable, sustainable, and modern energy for all

Promote the use of clean, renewable, efficient, and sustainable energy (such as natural lighting, solar power, DO oil replacing diesel, biomass energy, etc.) at affordable costs throughout the supply chain and in workers' households.



Promote sustained, inclusive, and sustainable economic growth; full, productive, and decent work for all

Continuously improve management and techniques to achieve high productivity, added value, and sustainability for rubber plantations, factories, and workers, with incomes higher than the regional industry average. Eliminate all forms of forced and child labor. Ensure workers' rights according to the law and International Labour Organization (ILO) conventions.



SUSTAINABLE DEVELOPMENT CRITERIA



Build resilient infrastructure with high resilience, promote inclusive and sustainable industrialization, and enhance innovation

Ensure that infrastructure works are of good quality, sustainable, environmentally friendly, highly resilient, promptly repaired, and used fairly and reasonably. Support economic development and collective welfare. Promote industrialization by developing high value-added rubber products and rubber wood products.



Reduce social inequality

Ensure equal opportunities, prohibit discrimination, and apply special treatment principles as prescribed by law. Strengthen community connections and respect the rights of women and vulnerable groups.



Develop sustainable and resilient urban and rural areas; ensure safe living and working environments; reasonably allocate population and labor by region

Construct and create green spaces for workers' housing and workplaces with safe utility systems, reasonable prices, appropriate planning, easy accessibility, and without emissions that negatively affect the environment and surrounding communities.



Ensure sustainable production and consumption

Apply sustainable production processes and the best techniques as regulated; restrict or avoid burning in rubber forests, monitor and report fires. Conduct research and training for continuous technical improvement. Manage and use natural resources efficiently, act responsibly towards society and the community, protect the environment, control and limit the use of chemicals, recycle, reuse, promote a circular economy, reduce emissions, and treat waste as prescribed. Strive to achieve sustainability certifications such as ISO, CSI 100, PEFCFM, PEFC-CoC, FSC, Ecovadis, etc. for natural rubber, rubber wood, and rubber products. Develop plans and manage rubber areas and yields using digital maps (GIS). Establish sustainable procurement policies in accordance with national policies and selective certification systems.



Respond promptly and effectively to climate change and natural disasters

Continuously research and improve technical processes and rubber varieties with strong climate resilience. Assess risks and develop plans to adapt to climate change, minimize and remedy damage caused by natural disasters.



Conserve and sustainably use oceans, seas, and marine resources for sustainable development

Participate in and support activities and communication on the conservation and sustainable use of marine resources. Educate and guide workers to prevent and minimize marine pollution, and to avoid using or consuming marine products related to activities harmful to the sea that are prohibited by law.



Protect and sustainably develop forests, conserve biodiversity, develop ecosystem services, combat desertification, prevent degradation and restore land resources

Develop and implement sustainable rubber forest management plans, monitor (via GIS) and report on forest management; prevent deforestation, forest loss, and conversion of natural ecosystems after 2015; restore and conserve forests, natural ecosystems, and biodiversity; assess carbon stocks and areas of high conservation value; prohibit illegal hunting, trading, and consumption of forest products. Do not plant rubber or exploit peatlands at any depth. Protect river and stream corridors. Apply integrated pest management methods. Minimize chemicals and do not use banned chemicals. Suppliers must comply with this rule. Follow the roadmap to 2030 to achieve national and international sustainable forest management certifications (VFCS, PEFC, FSC) for all rubber areas of the Group in Vietnam, Laos, and Cambodia. Assess and report social and environmental impacts as required.



Promote a peaceful, democratic, just, equal, and civilized society for sustainable development, ensuring access to justice for all; build effective, accountable, and inclusive institutions at all levels

Participate in and support government policies and activities, as well as those of organizations relevant to this goal. Prevent corruption and bribery. Establish transparent and effective institutions at all levels. Respect the legitimate rights of communities and stakeholders as committed by Vietnam to the United Nations and international conventions (ILO).



Strengthen means of implementation and promote global partnerships for sustainable development

Improve internal governance systems, establish complaint handling procedures, and prepare reports in accordance with national regulations, aiming towards reporting based on international standards. Enhance relationships and cooperation with various organizations and experts, both domestically and internationally, to mobilize and share knowledge, technology, resources, and to strengthen capacity for achieving sustainable development goals.



SUSTAINABLE DEVELOPMENT STRATEGY

3

Strategic Groups

PRIORITY DEVELOPMENT IN THE 2022–2026 PERIOD

Building upon the results of the Sustainable Development Program during the 2019–2023 period, in 2024 the Group has continued to promote activities related to social responsibility, environmental protection, enhancing cleaner production solutions, reducing greenhouse gas emissions, utilizing renewable energy, and practicing conservation. Entering 2025, the Group will focus on the following objectives:

01

Continue to implement solutions to reduce greenhouse gas emission intensity; Promote the development and utilization of clean and renewable energy.

02

Maintain and implement sustainable forest management certification according to the VFCS/PEFC-FM system and PEFC-CoC chain of custody certification;
Implement the Sustainable Business Certification in Vietnam;
Continue to develop and implement the roadmap for reconnecting with FSC;
Monitor and support member units in implementing activities to adapt to EUDR;
Continue to research and advise on the implementation of carbon credits towards the commercialization of rubber plantation forest carbon credits.

03

Continue collaborating with non-governmental organizations (NGOs) to strengthen community engagement and promote gender equality in the workplace;
Continue to raise awareness and communicate about the Group's Green Growth and Sustainable Development Strategy, while actively implementing green growth and sustainable development solutions to enhance economic efficiency.

ACTION PLAN FOR 2025



Reduce greenhouse gas emission intensity

- Target to reduce greenhouse gas (GHG) emissions from energy-related activities by at least 4% compared to the 2023 energy consumption baseline, within the scope of GHG emissions from energy use.
- Deploy a greenhouse gas inventory tool across the entire Group to determine total Group emissions/ absorptions.
- Develop an internal standard for greenhouse gas inventory in accordance with ISO 14064 and other international standards.



Greening the supply chain

a) Develop and implement a roadmap for reconnecting with the Forest Stewardship Council (FSC).

Actively engage with FSC and consulting organizations to expedite the process of developing and implementing the roadmap for reconnecting with FSC, concretize the contents of the roadmap, and assess the feasibility of the next steps in the Terms of Reference (ToR) to ensure appropriate solutions and implementation plans.

b) Pursue national and international certifications for sustainable management of rubber forests and processing factories

- Continue to monitor and support units in implementing sustainable forest management plans to comply with Circular No. 28/2018/TT-BNNPTNT of the Ministry of Agriculture and Rural Development on regulations for sustainable forest management and Circular No. 13/2023/TT-BNNPTNT dated 30/11/2023 amending and supplementing a number of articles of Circular No. 28/2018/TT-BNNPTNT. Obtain sustainable forest management certification under the VFCS/PEFC-FM system and Chain of Custody certification (PEFC-CoC).
- The target by the end of 2025 is for the Group to have 56-60% of rubber plantation area in Vietnam certified for sustainable forest management (VFCS/PEFC-FM), and 80%-85% of rubber latex processing plants in Vietnam, Laos, and Cambodia certified for Chain of Custody (PEFC-CoC).
- Encourage companies to continue independently implementing sustainable forest management certification for additional areas not included in the Group's planned targets, to complete the management system. Develop and implement solutions to promote and market rubber and timber products certified for sustainable forest management.
- Promote the results of achieving sustainable forest management certification widely to gain recognition from direct purchasers and related stakeholders and enhance the value of existing certifications. Coordinate with government agencies and competent organizations to publicize and elevate the value of certifications to direct customers and member units.
- Maintain focus and determination to ensure that units certified for sustainable forest management can benefit from forest environmental services in accordance with the Forestry Law.



SUSTAINABLE DEVELOPMENT STRATEGY

ACTION PLAN FOR 2025



Greening the supply chain

c) Implement Sustainable Business Certification in Vietnam

Support member companies in preparing and completing application dossiers according to the program. The target by the end of 2025 is to maintain 14-16 units in the Top 100 Sustainable Businesses in Vietnam for 2025, with at least 1 unit in the Top 10, thereby enhancing the reputation and brand value of both member companies and the Group.

d) Implement Corporate Social Responsibility (CSR) assessment certification according to EcoVadis

Proactively implement corporate social responsibility assessment certification according to the EcoVadis standard for the Parent Company – Vietnam Rubber Group, to meet the requirements of tire manufacturing customers.

e) Research and Advise on Carbon Credit Implementation

Conduct research and collect information to advise and propose approaches for assessing the carbon stock of the Group's rubber plantations, with the aim of evaluating the carbon sequestration capacity of rubber forests as a basis for future carbon credit commercialization.

Seek suitable partners to pilot the assessment of carbon credit potential at 1-2 member units, focusing on areas of rubber forest with high carbon sequestration value. Strengthen cooperation with international organizations and partners (such as PEFC, Oxfam, Rubber Associations of Laos/Cambodia, etc.) to study and aim toward participation in the carbon market.

f) Monitor and advise on the draft law against deforestation and forest degradation (EUDR)

Continue to follow guidance on the EU Deforestation Regulation (EUDR). Monitor and support member units that have implemented or are implementing adaptation initiatives related to EUDR. The target by the end of 2025 is for all member companies to have completed the construction of the DDS (Due Diligence System) and product traceability systems.

The goal is to achieve 100% PEFC-EUDR-DDS certification for companies already certified for sustainable forest management by March 2025; and by May 2025, to complete the implementation of the DDS and Chain of Custody (PEFC-CoC) certification, as well as to complete dossiers meeting EUDR requirements for member companies in Laos and Cambodia.

g) Implement sustainable development solutions

- Strengthen marketing of certified sustainable forest management products

Beyond the existing network of loyal customers, continue to develop action plans for marketing certified products. Specifically:

Promote and share the list of Group members with sustainable forest management certification with existing rubber customers, actively participate in trade fairs, business matching events organized by governmental agencies, ministries, and associations, etc.

Coordinate with PEFC and the Vietnam Forest Certification Office (VFCO) to introduce certified member units on the PEFC and VFCO websites as well as through PEFC's channels to connect with potential customers seeking natural rubber and rubber wood products with VFCS/PEFC certification. Participate in activities to promote the Group's image and brand at PEFC Weeks organized in coordination with PEFC and VFCO.

Continue to direct member units that have been awarded sustainable forest management and chain of custody certifications to proactively develop plans and solutions for promoting and marketing certified products.

- Implementing the GIS.VRG Project in Sustainable Forest Management:

Continue with the implementation steps of the "Building a Geographic Information System for Land and Rubber Plantation Data Management of Vietnam Rubber Group (GIS.VRG)" project for sustainable forest management. The goal is to complete this project by the end of 2026, aiming for the digital and remote sensing-based management of the Group's entire plantation area.



Greening the transition process based on the principles of equality, inclusiveness, and enhanced resilience

Continue coordinating with Oxfam in Vietnam, Cambodia, and Laos to implement activities such as: gender training for senior leaders of companies in Cambodia and VRG; community engagement and promoting gender equality in the workplace; organizing study visits on gender equality at exemplary companies proposed by Oxfam for member companies; as well as organizing monitoring, evaluation, summary, and widespread communication of achieved results.

Coordinate with non-governmental organizations (NGOs) to conduct training, workshops, and community consultations in compliance with international standards and regulations, develop sustainable forest management plans, invest in social welfare, conserve and restore forests, manage water resources, prevent soil erosion, and manage waste. Establish mechanisms for receiving and handling feedback and complaints from local communities; respect the legitimate rights of all stakeholders.

Continue investing in social welfare for employees and local communities based on actual needs, local consensus, and in accordance with the resources and plans of each unit. Facilitate livelihood and living conditions improvement, contributing to local food security.

Ensure proper and timely payment of wages to employees as regulated, with an average wage equal to or higher than the regional minimum wage. All employees sign labor contracts, are provided with uniforms, protective equipment and occupational safety, healthcare, and enjoy all prescribed policies and benefits. Support housing for some workers in remote areas. Organize annual training for employees to practice well, enhance productivity and quality. Ensure employee rights according to national laws and international conventions ratified by the country.

Support smallholder rubber farmers in improving latex yield and quality, purchase at favorable prices with timely payment, and enable traceability to meet EUDR requirements.

Continue to raise awareness and communication to implement the Group's Green Growth and Sustainable Development Strategy for the 2023–2030 period across all member units.

Monitor and evaluate the implementation of employee rights and responsibilities towards the community based on actual plans and results of each unit.



SUSTAINABLE DEVELOPMENT STRATEGY

ACTION PLAN FOR 2025



Greening the production process

a) Saving raw materials and fuel, using energy efficiently, reducing emissions, and transitioning to green/renewable energy sources

Based on the results achieved in 2024, continue to apply solutions for saving raw materials and energy in production, minimizing environmental waste, and implementing measures to transition to and use green energy and renewable energy sources in production activities (such as solar power, biomass, etc.). Make use of and reuse waste to promote CO2 emissions reduction and circular economy practices. Carry out audits, statistics, and assessments of the outcomes and effectiveness of environmental protection and cleaner production across the Group, specifically as follows:

- The conversion of rubber drying kiln heating to biomass fuel (Biomass)

The target is to completely switch to using biomass fuel (Biomass) for rubber drying kilns in all rubber companies by the end of 2025 (the entire volume of rubber dried using biomass is expected to reach 507,422.51 tons, achieving 100%).

- Rooftop solar energy:

The 2025 target for solar power generation is 13.7 million kWh, equivalent to a reduction of 8,950 tons of CO₂ emissions. Expand the implementation of rooftop solar systems at units with suitable conditions.

- Implementing saving/reduction solutions throughout the Group:

Table: 2025 targets and plans for saving/reduction across the whole Group

No.	Item	Unit	Actual quantity
I SAVINGS/REDUCTIONS			
1	Electricity savings	kWh	Minimum 3,000,000 kWh
2	Fuel savings (DO oil, LPG gas, wood, firewood, etc.)	kg	Minimum 600,000 kg
II WASTE EMISSION REDUCTION			
4	Chemical use savings and reduction	kg	Minimum 200,000 kg
5	Wastewater reuse	%	Minimum 20% of total water usage
6	Reduction of ordinary solid waste emissions to the environment	%	Minimum 20% of total ordinary solid waste emissions to the environment
7	Reduction of hazardous waste emissions (hazardous waste) to environment	%	Minimum 20% of total hazardous waste emissions to the environment

b) Further completion of management systems according to ISO

Complete management systems to improve production efficiency and promote corporate social responsibility through management systems such as SA 8000, ISO 50001 Energy Management System, Integrated ISO Management System, etc., in addition to maintaining and expanding the number of current ISO 14001 systems.

c) Implement solutions for environmental protection and enhancing economic efficiency

Continue to propose that the Ministry of Agriculture & Rural Development and relevant authorities consider recognizing rubber areas certified for sustainable forest management under VFCS/PEFC-FM as beneficiaries of forest environmental services.

Promote, guide, and supervise member units in fulfilling their environmental protection responsibilities in accordance with the current Law on Environmental Protection, the National Strategy on Green Growth, and the Group's Environmental Protection and Management Regulations.

Continue to support programs, activities, and events related to environmental protection such as waste collection, clearing drains, tree planting, training, communication, and encouraging initiatives and solutions for environmental protection, efficient resource utilization, and climate change adaptation.

d) Develop clean and green energy sources

Finalize and approve the Group's Clean Energy Development Project.

Sign a cooperation agreement with Vietnam Electricity (EVN) to mutually support and fulfill each party's functions and tasks in investment and development activities in the electricity sector.

Continue to monitor the adjustments to Power Development Plan VIII and cooperate with Power Engineering Consulting Joint Stock Company 2 (PECC2) to develop the Group's energy sector.

Strive to be the main investor for pumped-storage hydropower projects, Dak Ruoi reservoir, and energy fields in Binh Phuoc and Binh Duong, etc. Aim to launch at least one pilot project with the Group as the main investor.





CONNECT WITH STAKEHOLDERS

Building and developing relationships with stakeholders is extremely important to the success of the Group. For each stakeholder group, the Group adopts different approaches to communication, carefully studies their needs, and makes appropriate adjustments to its policies and activities.

The Group's Activities to Connect with Stakeholders

Stakeholders	Forms of Interaction	Key Areas of Concern
SHAREHOLDERS AND INVESTORS	» Direct meetings; » Annual General Meeting of Shareholders; » Website; Mass media; » Other communication channels (Email, Phone, etc.);	» Sustainable and efficient business growth » Equal treatment and protection of shareholders' rights » Transparent information
EMPLOYEES	» Employee Conference; » Sports and Skills Training Program; » Work Performance Evaluation Meeting; » Internal Communication Channel; » Training;	» Dynamic and professional working environment; » Increased benefits and welfare for employees; » Compensation policies and promotion opportunities.
PROJECT OWNERS	» Direct meetings and discussions; » Project bidding process; » EPC (Engineering, Procurement, and Construction) contract.	» Corporate reputation; » Product and service quality; » Implementation progress; » Occupational safety; » Construction cost.
CUSTOMERS (END-USERS)	» Satisfaction survey;	» Quality delivered to users; » Safety and effectiveness in practical use.
PARTNERS , SUPPLIERS	» Direct meetings and discussions; » Procurement regulations; » Cooperation contracts with suppliers;	» Clear service quality and product origin; » Fair treatment of partners and suppliers; » Ensuring transparency in bidding; » Collaboration for mutual development and improved competitiveness.

Stakeholders	Forms of Interaction	Key Areas of Concern
COMMUNITY	» Coordinate with local authorities to meet and understand the concerns and aspirations of local residents.	» Create job opportunities and improve incomes for local people; » Support local economic and infrastructure development.
GOVERNMENT	» Participate in conferences and seminars organized by government agencies; » Join industry organizations and associations.	» Implement government development orientations and strategies; actively contribute to the development of the economy, market, and local community.
BANKS AND CREDIT INSTITUTIONS	» Direct meetings and discussions; » Credit contracts.	» Business efficiency; » Ability to meet financial obligations to fund providers.
MEDIA	» Programs for exchange and press cooperation, press releases on the Group's activities.	» Provide and share information openly, proactively, and regularly so that the media can accurately and objectively reflect the Group's activities to the public.

Optimize operational efficiency to meet stakeholder expectations

Regarding Corporate Governance

Group's Efforts in Corporate Governance

- » Comply with information disclosure requirements, ensuring information is truthful, transparent, and accurately reflects the Group's activities and development strategies;
- » Diversify communication channels, proactively handle information crises, correct misinformation about the Group in the market, and focus on building a strong and exemplary corporate image;
- » Review and improve corporate governance activities in accordance with best market practices;
- » Strengthen the role of internal control and risk compliance management, leverage synergies, and enhance the effectiveness of governance and operations.

Achieved Results

- » Strict compliance with laws, regulations, and guidelines set by authorities in all company activities;
- » No shareholder complaints related to corporate governance;
- » Minimized risks affecting business performance.



CONNECT WITH STAKEHOLDERS

Optimize operational efficiency and meet stakeholder expectations

Regarding business operations and product quality

Efforts of the Group

- » Implement sustainable forest management plans;
- » Promote activities related to social responsibility and environmental protection, enhance cleaner production solutions, reduce greenhouse gas emissions, use renewable energy, and practice resource saving;
- » Diversify products and services to meet customer needs.

Achieved Results

17 members awarded Sustainable Forest Management certificates (VFCS/PEFC-FM) for 121,124.91 ha of rubber forests and PEFC-CoC Chain of Custody certificates for 39 factories (including natural rubber processing, wood processing, and industrial rubber product factories);

36 companies achieved ISO 14001:2015 certification;

55 wastewater treatment systems met QCVN Column A standards (including 07 systems that achieved the equivalent of Column A QCVN according to Cambodian standards);

35 automated monitoring systems installed;

28 Biomass boilers have been installed to replace DO oil-fired boilers, aiming to utilize wood by-products, save costs, and protect the environment. The total steam output of the 28 systems that switched fuel to Biomass is over 105 tons of steam/hour, raising the total number of Biomass-fueled industrial boilers in the Group to 58 systems (wood factories, rubber industry, rubber processing, etc.); the conversion of drying systems has brought the Group a benefit of over 94.9 billion VND, reduced greenhouse gas emissions from fossil fuels equivalent to 53,627.9 tons of CO₂ (based on a 20% reduction when switching from DO/LPG to Biomass through both heat purchase and self-invested boilers). In 2024, 235,800 tons of latex were dried with Biomass, resulting in 36.38 billion VND in savings for the Group;

11 Group members have invested in commercial cooperation for rooftop solar power generation at the Group's production plants with a total installed capacity of 11,203.61 KWp, a solar power output in 2024 of 12.3 million KWh, generating revenue of 7.75 billion VND (equivalent to a reduction of 8.32 tons of CO₂/year).





FINANCIAL STATEMENTS





CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of 31 December 2024

Unit: Dong

Code	ASSETS	Notes	31/12/2024	01/01/2024
100	A. CURRENT ASSETS		27.669.938.511.297	23.842.248.926.140
110	I. Cash and cash equivalents	V.01	5.778.855.663.194	5.564.089.010.514
111	1. Cash		3.017.617.559.937	2.334.647.911.242
112	2. Cash equivalents		2.761.238.103.257	3.229.441.099.272
120	II. Short-term investments	V.02	13.952.353.795.617	11.355.359.823.009
121	1. Held-for-trading securities		1.163.634.161	1.163.634.161
122	2.Provision for diminution in value of trading securities (*)		(68.237.000)	(68.237.000)
123	3. Held to maturity investments		13.951.258.398.456	11.354.264.425.848
130	III. Current accounts receivables		2.539.074.723.889	2.546.020.285.787
131	1. Short-term accounts receivable from customers	V.03	1.548.547.265.059	1.431.437.222.156
132	2.Short-term advances to suppliers	V.04	354.480.392.462	429.506.912.582
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	3. Short-term loan receivables	V.05	8.048.249.000	8.048.249.000
136	4. Other short-term receivables	V.06	916.345.560.357	922.609.139.120
137	5. Provision for doubtful short-term receivables		(355.597.946.855)	(312.530.530.881)
139	6. Shortage of assets awaiting resolution	V.07.01	67.251.203.866	66.949.293.810
140	IV. Inventories	V.08	4.351.510.470.326	3.360.240.302.718
141	1. Inventories		4.373.924.132.656	3.388.137.574.911
149	2. Provision for obsolete inventories (*)		(22.413.662.330)	(27.897.272.193)
150	V. Other current assets		1.048.143.858.271	1.016.539.504.112
151	1. Short-term prepaid expenses	V.09	77.300.511.797	69.180.592.590
152	2. Value-added tax deductible		566.535.714.641	527.300.614.290
153	3. Tax and others receivables from the State	V.10	404.307.631.833	420.058.297.232
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP		-	-
155	4. Other current assets		-	-

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of 31 December 2024

Unit: Dong

Code	ASSETS	Notes	31/12/2024	01/01/2024
200	B. NON-CURRENT ASSETS		55.722.933.792.445	54.219.844.693.958
210	I. Long-term receivables		607.786.542.911	657.484.252.712
212	1. Long term advance to suppliers	V.04	3.049.584.972	3.585.475.244
215	2. Long-term loan receivables	V.05	787.511.137.957	798.339.917.201
216	3. Other long-term receivables	V.06	214.871.963.977	223.466.914.989
219	4. Provision for bad debt- long term (*)		(397.646.143.995)	(367.908.054.722)
220	II. Fixed assets		35.337.155.884.690	34.438.241.979.610
221	1. Tangible fixed assets	V.11	35.216.722.037.923	34.325.967.725.476
222	- Cost		58.319.330.687.217	54.895.510.290.377
223	- Accumulated depreciation		(23.102.608.649.294)	(20.569.542.564.901)
224	2. Finance lease fixed assets	V.13	975.132.667	697.064.068
225	- Cost		3.101.449.158	1.866.940.741
226	- Accumulated depreciation		(2.126.316.491)	(1.169.876.673)
227	3. Intangible fixed assets	V.12	119.458.714.100	111.577.190.066
228	- Cost		217.248.371.299	203.375.045.062
229	-Accumulated amortisation		(97.789.657.199)	(91.797.854.996)
230	III. Investment properties	V.14	1.286.697.181.872	1.344.022.245.376
231	- Cost		2.340.289.970.664	2.277.537.159.287
232	- Accumulated depreciation		(1.053.592.788.792)	(933.514.913.911)



CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of 31 December 2024

Unit: Dong

Code	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
240	IV. Long-term assets in progress	V.15	9.076.657.471.569	10.774.411.544.433
241	1. Long-term work in progress		195.804.240.940	196.926.030.106
242	2. Construction in progress		8.880.853.230.629	10.577.485.514.327
250	V. Long-term investments	V.02	2.687.592.909.120	2.956.531.742.936
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	1. Investments in associates, joint ventures		2.258.208.135.808	2.184.436.484.097
253	2. Investments in other entities		358.702.878.861	360.702.878.861
254	3. Provision for long-term investments (*)		(48.815.534.590)	(47.107.613.940)
255	4. Held-to-maturity investments		119.497.429.041	458.499.993.918
260	VI. Other long-term assets		6.727.043.802.283	4.049.152.928.891
261	1. Long-term prepaid expenses	V.09	6.204.462.521.120	3.637.589.873.576
262	2. Deferred tax assets	V.16	245.690.231.161	115.055.154.691
263	3. Long-term substituted equipment, supplies and spare parts		108.625.965.905	105.873.272.385
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	4. Goodwill	V.17	168.265.084.097	190.634.628.239
270	TOTAL ASSETS		83.392.872.303.742	78.062.093.620.098

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of 31 December 2024

Unit: Dong

Code	RESOURCES	Notes	31/12/2024	01/01/2024
300	C. LIABILITIES		24.996.842.551.022	23.084.890.704.040
310	I. Current liabilities		11.604.384.969.258	9.652.535.590.089
311	1. Short-term accounts payable to suppliers	V.18	990.003.522.683	931.394.013.415
312	2. Short-term advances from customers	V.19	618.985.484.125	518.634.401.781
313	3. Tax and others payables to the State	V.10	743.202.155.064	541.785.333.881
314	4. Payables to employess		1.952.983.457.523	1.571.452.577.561
315	5. Short-term accrued expenses	V.20	443.960.994.408	384.394.202.896
318	6. Short-term unearned revenue	V.21	382.656.247.271	341.540.873.232
319	7. Other short-term payables	V.22	1.119.166.132.006	1.029.349.049.335
320	8. Short-term loans and finance liabilities	V.23	4.074.933.861.713	3.002.624.606.830
321	9. Short-term provisions		23.055.160	6.974.277
322	10. Bonus and welfare funds		1.278.470.059.305	1.331.353.556.881
330	II. Non-current liabilities		13.392.457.581.764	13.432.355.113.951
332	1. Long-term advances from customers	V.19	78.723.068.619	78.701.769.117
333	2. Long-term accrued expenses	V.20	438.988.933.162	332.639.595.932
336	3. Long-term unearned revenue	V.21	9.095.394.159.991	8.947.475.780.198
337	4. Other long-term liabilities	V.22	173.372.363.096	134.352.361.575
338	5. Long-term loans and finance liabilities	V.23	2.963.853.299.554	3.577.280.067.014
341	6. Deferred tax liabilities	V.16	4.291.419.969	4.291.419.969
343	7. Fund for science and technology development		637.834.337.373	357.614.120.146



CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of 31 December 2024

Unit: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
400	D. OWNERS' EQUITY	V.24	58.396.029.752.720	54.977.202.916.058
410	I. Capital		58.342.572.521.668	54.936.297.729.629
411	1. Share capital		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
411a	- Ordinary shares with voting rights		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
412	2. Share premium		325.832.755.422	325.832.755.422
414	3. Other owners'capital		10.591.031.002	10.591.031.002
415	4. Treasury shares		(959.534.010)	(959.534.010)
416	5. Differences upon asset revaluation		(1.574.186.166.104)	(1.574.186.166.104)
417	6. Foreign exchange differences		1.348.954.014.686	460.661.081.422
418	7. Investment and development funds		6.580.363.820.653	5.408.494.473.494
420	8. Other funds belonging to owners'equity		252.909.421	252.909.421
421	9. Undistributed earnings		6.236.649.158.156	5.187.395.112.271
421a	- Undistributed earnings by the end of prior year		2.236.718.271.856	2.564.219.921.978
421b	- Undistributed earnings of current period		3.999.930.886.300	2.623.175.190.293
429	10. Non-controlling interests		5.415.074.532.442	5.118.216.066.711
430	II. Budget sources and other funds	V.25	53.457.231.052	40.905.186.429
431	1. Budget sources		(33.823.318.791)	(53.804.697.590)
432	2. Funds that form fixed assets		87.280.549.843	94.709.884.019
440	TOTAL LIABILITIES AND OWNERS'EQUITY		83.392.872.303.742	78.062.093.620.098

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

Code	INDICATORS	Notes	2024	2023
1	1. Revenue from sale of goods and rendering of services	VI.01	22.167.764.814.943	(12.388.932.180)
2	2. Deduction	VI.02	29.361.662.457	9.941
10	3. Net revenue from sale of goods and rendering of services (01 - 02)	VI.03	22.138.403.152.486	(12.388.942.121)
11	4. Cost of goods sold	VI.04	17.175.504.672.774	(78.822.239.376)
20	5. Gross profit from sale of goods and rendering of services (10 - 11)		4.962.898.479.712	66.433.297.255
21	6. Financial revenue	VI.05	1.114.792.596.285	(108.187.980.295)
22	7. Financial expenses	VI.06	618.011.845.618	25.534.353.242
23	In which: Interest expenses		477.578.421.406	(6.709.231.449)
24	8. Share of profit or loss of associates, joint ventures	VI.07	(208.249.655.606)	475.752.982
25	9. Selling expenses	VI.08	591.451.294.471	3.455.693.788
26	10. Administrative expenses	VI.09	1.864.450.111.955	179.460.115.031
30	11. Net operating profit (20+21-22+24-25-26)		2.795.528.168.347	(249.729.092.119)
31	12. Other income	VI.10	1.654.215.097.847	15.661.916.002
32	13. Other expenses	VI.11	335.851.426.630	63.713.705.485
40	14. Other profit (31 - 32)		1.318.363.671.217	(48.051.789.483)
50	15. Accounting profit before tax (30+40)		4.113.891.839.564	(297.780.881.602)
51	16. Current corporate income tax expense	VI.12	688.075.163.368	(27.500.352.720)
52	17. Deferred corporate income tax expense	VI.13	52.955.013.507	(4.848.676.363)
60	18. Net profit after tax (50-51-52)		3.372.861.662.689	(265.431.852.519)
61	19. Net profit after tax attributable to shareholders of the parent		2.623.175.190.293	(213.389.591.776)
62	20. Net profit after tax attributable to non-controlling interests		749.686.472.396	(52.042.260.743)
70	21. Basic earnings per share	VI.15	485	-
71	22. Diluted earnings per share		485	-



CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

Code	Items	Note	2024	2023
I.CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
01	1. Profit before tax		5.618.111.589.719	4.113.891.839.564
	2. Adjustments for		1.539.662.029.573	353.560.926.443
02	- Depreciation for fixed assets		2.703.728.428.563	2.488.425.976.550
03	- Provisions		69.045.896.917	(43.408.958.719)
04	- Exchange profits/losses arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies		(27.096.219.994)	46.957.442.844
05	- Profits/Losses from investing activities		(1.558.921.278.362)	(2.944.015.312.045)
06	- Interest expense		352.905.202.449	805.601.777.813
08	3. Operating profit before changes in working capital		7.157.773.619.292	4.467.452.766.007
09	- Increase/ Decrease in receivables		(16.162.233.548)	199.569.497.016
10	- Increase/ Decrease in inventories		(985.786.557.745)	842.676.980.101
11	"- Increase/ Decrease in payables (other than interest, corporate income tax)"		1.225.716.559.025	(693.546.845.913)
12	- Increase/ Decrease in prepaid expenses		(2.574.992.566.751)	32.224.000.910
14	- Interest paid		(343.068.707.207)	(457.590.930.686)
15	- Corporate income tax paid		(795.928.493.459)	(621.751.502.843)
16	- Other income from operating activities		1.340.912.360.433	1.728.819.054.169
17	- Other payments for operating activities		(4.574.472.421.575)	(2.249.339.599.450)
20	Net cash flows from operating activities		433.991.558.465	3.248.513.419.311

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

Code	Items	Note	2024	2023
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
21	1. Purchase, construction of fixed and other long-term assets		(596.299.774.505)	(964.954.528.436)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		352.338.150.870	611.336.137.318
23	3. Loans to other entities and payments for purchase of debt instrument of other entities		(2.160.763.241.581)	(2.639.190.543.183)
24	4. Cllections from borrowers and proceeds from sale of debt instrustments of other entities		1.439.382.494.042	1.538.729.973.579
25	5. Payments for investments in other entities		(10.885.806.298)	(12.303.056.383)
26	6. Proceeds from sale of investments in other entities		-	1.219.256.472
27	7. Interest and dividends received		358.920.028.113	378.154.029.977
30	Net cash flows from investing activities		(617.308.149.359)	(1.087.008.730.656)
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
33	3. Drawdown of borrowings		6.577.822.955.117	4.572.002.442.848
34	4. Repayment of borrowings		(6.118.940.467.694)	(5.404.859.421.904)
36	6. Dividends, profits paid to shareholders		(87.895.463.843)	(87.893.800.763)
40	Net cash flows from financing activities		370.987.023.580	(920.750.779.819)
50	Net cash flows during the period (50 = 20+30+40)		187.670.432.686	1.240.753.908.836
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		5.564.089.010.514	4.370.292.544.522
61	Impact of exchange rate fluctuations		27.096.219.994	(46.957.442.844)
70	Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50+60+61)		5.778.855.663.194	5.564.089.010.514

ANNUAL REPORT 2024

VIETNAM RUBBER GROUP
- JOINT STOCK COMPANY

NOTES TO THE 2024 FINANCIAL STATEMENTS

The detailed contents of the 2024 audited financial statements have been disclosed at the following address: <https://vnrubbergroup.com/>

Ho Chi Minh City, April 20, 2025



LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR

LE THANH HUNG



VIETNAM RUBBER GROUP - JOINT STOCK COMPANY

236 Nam Ky Khoi Nghia Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City

028 39 325 235

www.vnrubbergroup.com

vrg@rubbergroup.vn